CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
……o0o……

HỒ SƠ NĂNG LỰC

NHÀ THẦU : CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: 286 Bình Lợi, P13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

VPHN: An thọ 2, An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội

Điện thoại: 08 3921 2641/ 024 3785 8109 **Fax: 08 3921 2640**

Website: http://luoicongtrinh.com

Hà Nội, 2021

DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐÃ THAM GIA

1. Sân tập golf Bạch Mai -2014
2. Sân tập golf Thanh Hà -2017
3. Sân tập golf Hà Đông - 2017
4. Dự án thành phố giáo dục quốc tế Quảng Ngãi -2018
5. Dự án D'Capital Hà Nội - 2018
6. Dự án khu đô thị Phú Cường - 2018
7. Dự án khu tổ hợp khách sạn Dicstar – 2018
8. Sân tập golf Đảo Sen-2018
9. Golf 3d Hoàng Quốc Việt-2018
10. Golf 3D Nguyễn Khoái -2018
11. Golf 3D Mỹ Đình – 2018
12. Sân tập golf Sudico -2018
13. Dự án Vietcombank Hưng Yên - 2019
14. Sân Tập golf Đà Nẵng – 2019
15. Golf 3d Láng Hạ - 2019
16. Golf 3d Hà Tĩnh – 2019
17. Trường ĐH FPT -2019
18. Học viện Quốc Tế Bộ Công An -2019
19. Sân tập golf Thành Nam – 2020
20. Golf 3D Long Biên -2020
21. Golf 3d Hà Nam -2020
22. Dự án Regina miracle international Hưng Yên – 2020
23. Sân tập golf Hà Nam -2020
24. Golf 3D Cầu Giấy
25. Sân tập golf Viettime – 2021
26. Sân tập golf Hà Nam -2021
27. Dự án FLC Faros – 2021
28. Sân tập golf Thái Nguyên – 2021
29. Golf 3D Ba Vì – 2021
30. Và nhiều dự án khác….

SAU ĐÂY LÀ MỘT SỐ HỢP ĐỒNG CÓ NHỮNG HẠNG MỤC LIÊN QUAN TỚI CHÀO THẦU:

Trả thầu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2014

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 12../ HĐKT/MIPEC-LCT/2014

Về việc: **Thi công xây lắp một số hạng mục sân tập Golf**
Thuộc dự án: **Sân tập Golf Bạch Mai**
Địa điểm: **Khu đất tại sân bay Bạch Mai, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội.**

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU QUÂN ĐỘI

VÀ

CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH

MỤC LỤC

Điều khoản	Nội dung
Phần 1	Căn cứ ký kết hợp đồng
Phần 2	Các điều khoản và điều kiện của hợp đồng
Điều 1	Các định nghĩa và diễn giải
Điều 2	Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên
Điều 3	Luật và ngôn ngữ sử dụng
Điều 4	Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng
Điều 5	Nội dung và khối lượng công việc
Điều 6	Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng
Điều 7	Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng
Điều 8	Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán
Điều 9	Điều chỉnh giá hợp đồng
Điều 10	Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư
Điều 11	Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu
Điều 12	Quyền và nghĩa vụ của Nhà tư vấn (giám sát thi công xây dựng)
Điều 13	Nhà thầu phụ
Điều 14	Định vị công trình
Điều 15	An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ
Điều 16	Điện, nước và an ninh công trường
Điều 17	Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư
Điều 18	Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu
Điều 19	Bảo hiểm và bảo hành
Điều 20	Rủi ro và bất khả kháng
Điều 21	Phạt vi phạm hợp đồng và thưởng hợp đồng
Điều 22	Khiếu nại và xử lý các tranh chấp
Điều 23	Thông báo
Điều 24	Quyết toán và thanh lý Hợp đồng
Điều 25	Hiệu lực của Hợp đồng
Điều 26	Điều khoản chung

PHẦN 1
CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005;

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định 15/2013/NĐ-CP ngày 6/2/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28 tháng 6 năm 2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;

Căn cứ vào Quyết định số 379/QĐ-MIPEC về việc giao thầu thi công hạn mục: Thi công sân tập golf MIPEC ký ngày 28/10/2014.

PHẦN 2
CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 15 tháng 10 năm 2014, tại trụ sở Công ty Cổ Phần Hóa dầu Quân đội, chúng tôi gồm:

- **Chủ đầu tư: (gọi tắt là Bên A):**

Tên chủ đầu tư: **Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội.**

Địa chỉ: 33B Phạm Ngũ Lão, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 0437342501. Fax:0437342520

Tài khoản: 0511100214002(VND)

Tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Điện Biên Phủ, Hà Nội.

Mã số thuế:0101436307

Đại diện là ông:**Đào Ngọc Thạch**:

Chức vụ:**Chủ tịch HĐQT**

Cùng với:

- **Nhà thầu (gọi tắt là bên B):**

Tên Nhà thầu**: Công ty TNHH Lưới Công Trình**

Địa chỉ: 39/1 Thống Nhất, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.39212641 Fax: 08. 39212640

Tài khoản: 2051100163005

Tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân Đội – PGD An Lộc Bắc Sài Gòn..

Mã số thuế: 0309542696

Đại diện là bà: **Đàm Lệ Minh**

Chức vụ: **Quản ly miền Bắc**

[Giấy ủy quyền số 03/UQ/2014 do Giám Đốc ký ngày 01/12/2014]

Hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng thực hiện: "**Thi công xây lắp một số hạng mục sân tập Golf Bạch Mai**" như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Trong hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

1.1 "**Chủ đầu tư**" là Công ty Cổ Phần Hóa dầu Quân Đội.

1.2. "**Nhà thầu**" là Công ty TNHH Lưới Công Trình.

1.3. "**Đại diện Nhà thầu**" là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu uỷ quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.

1.4. "**Nhà tư vấn**" là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng.

1.5. "**Đại diện Nhà tư vấn**" là người được Nhà tư vấn uỷ quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà tư vấn giao.

1.6 .“**Tư vấn thiết kế**” là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

1.7. “**Nhà thầu phụ**” là nhà thầu ký hợp đồng với Nhà thầu để thi công một phần công việc của Nhà thầu.

1.8. “**Dự án**” là dự án Sân tập Golf Bạch Mai.

1.9. “**Hợp đồng**” là toàn bộ hồ sơ hợp đồng, theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.12. “**Chỉ dẫn kỹ thuật**” (**thuyết minh kỹ thuật**) là các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định cho công trình và bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung cho các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật đó.

1.13. “**Bản vẽ thiết kế**” là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu hoặc do Nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận.

1.14. “**Bảng Tổng hợp và chi tiết các hạng mục**” là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong hợp đồng.

1.15. “**Bên**” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.

1.16. “**Ngày khởi công**” là ngày được thông báo theo khoản 7.1 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng].

1.17. “**Biên bản nghiệm thu**” là biên bản được phát hành theo Điều 6 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng].

1.18. “**Ngày**” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.19. “**Ngày làm việc**” là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.20. “**Thiết bị của Nhà thầu**” là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Nhà thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.21. “**Hạng mục công trình**” là Hạng mục công trình gói thầu: Thi công xây lắp một số hạng mục sân tập Golf mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng.

1.22. “**Công trình tạm**” là các công trình phục vụ thi công hạng mục công trình.

1.23. “**Rủi ro và bất khả kháng**” được định nghĩa tại Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng]

1.24. “**Luật**” là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.25. “**Thay đổi**” là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá hợp đồng hoặc tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

1.26. “**Công trường**” là **khu vực sân tập Golf** và bên ngoài sân tập thuộc **khu đất tại sân bay Bạch Mai, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội.**

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

1. Các Phụ lục hợp đồng và các văn bản, bổ sung phụ lục hợp đồng (nếu có);
2. Quyết định chỉ định thầu;
3. Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế;
4. Các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản;
5. Các tài liệu khác có liên quan.

2.2. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu

Những tài liệu cấu thành nên Hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp, các bên không thống nhất được thì thứ tự ưu tiên các tài liệu cấu thành hợp đồng để xử lý vấn đề không thống nhất được quy định như sau: Các Phụ lục hợp đồng và các văn bản, phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có); Biên bản thương thảo hợp đồng; Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế; Các tài liệu khác có liên quan... (theo thứ tự ưu tiên giảm dần).

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng xây dựng chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt

Điều 4. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

4.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

4.1.1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo đảm thực hiện hợp đồng. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng thư bảo lãnh của Ngân hàng nơi Nhà thầu mở tài khoản.

4.1.2. Mức bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 5% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền: **434.048.380 đồng *(Bốn trăm ba mươi tư triệu, không trăm bốn tám nghìn, ba trăm tám mươi đồng.)*** có thời hạn 160 ngày.

4.1.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực từ ngày ký phát hành bảo lãnh đến hết 30 ngày sau khi công trình được bàn giao đưa vào sử dụng. Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài hơn quy định thì trước thời hạn hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng 07 ngày Nhà thầu phải gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tương ứng với thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài.

4.1.4. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng này sau khi hợp đồng có hiệu lực.

4.1.5. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư sẽ hoàn trả cho Nhà thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhà thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành hoặc hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng tùy theo điều kiện nào đến trước.

4.2. Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng:

- Trước khi Chủ đầu tư tạm ứng hợp đồng cho nhà thầu thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị bằng 20% giá trị hợp đồng tương đương giá trị tiền tạm ứng là **1.736.193.520 đồng *(Một tỉ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, một trăm chín ba nghìn, năm trăm hai mươi đồng.)***. Hình thức bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng bằng thư bảo lãnh của Ngân hàng nơi Nhà thầu mở tài khoản.
- Bảo lãnh tạm ứng có giá trị 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng nơi nhà thầu mở tài khoản phát hành bảo lãnh. Trường hợp đến thời điểm hết hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng, nhà thầu phải gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng.
- Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi tạm ứng qua các kỳ thanh toán của hợp đồng (30% giá trị các kỳ thanh toán).
- Trong trường hợp giá trị quyết toán nhỏ hơn giá trị tạm ứng cần bảo lãnh, Chủ đầu tư có thể thu hồi số tiền còn lại sau khi đối trừ toàn bộ các chi phí quyết toán.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc

- Nhà thầu thi công hoàn chỉnh một số hạng mục của phần sân tập Golf bao gồm nhưng không giới hạn theo đúng bản vẽ thiết kế thi công được Chủ đầu tư phê duyệt kèm theo Hợp đồng (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận, nếu có), bao gồm các hạng mục sau:

- o Dọn dẹp mặt bằng
- o Lán trại tạm
- o Lắp ráp hàng rào
- o Đắp đất nền giai đoạn 1
- o Hệ thống tưới nước
- o Hệ thống thoát nước (Không bao gồm đường ống thoát nước ra hệ thống công cộng).
- o Thi công san lấp cát mặt nền trồng cỏ và tiến hành trồng cỏ
- o Green gạt
- o Hệ thống điện chiếu sáng
- o Hệ thống chống sét
- o Hệ thống lưới

và chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả kèm theo cùng với Biện pháp thi công do Nhà thầu lập đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thoả thuận khác trong hợp đồng.

- Khối lượng, đơn giá từng công việc được nêu chi tiết tại Bảng Tổng hợp và chi tiết các hạng mục kèm theo hợp đồng này.

Công trình hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng

6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng:

a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận) và chỉ dẫn kỹ thuật được nêu kèm theo, phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan; nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị do Nhà thầu cung cấp có chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, phù hợp như quy định của hồ sơ hợp đồng;

c) Trước khi tiến hành thi công, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư duyệt tất cả các mẫu vật liệu, thiết bị, phụ kiện liên quan đến sản phẩm được thi công tại công trình.

d) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các chứng chỉ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành (nếu có). Các kết quả thí nghiệm (nếu có) phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

6.2. Kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư:

a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở trên công trường (bao gồm cả nhà xưởng), nơi được quy định trong Hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

Nhà thầu sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu.

c) Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó Chủ đầu tư sẽ tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu là Chủ đầu tư không đòi hỏi phải làm như vậy.

6.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a) Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 6.1 nêu trên; và

- Chủ đầu tư sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng; từng hạng mục thi công xây dựng, công trình xây dựng đưa vào sử dụng;
- Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo qui định;

b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao; mẫu vật liệu, thiết bị, phụ kiện đã được Chủ đầu tư duyệt...

c) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu hoàn thành hạng mục, hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, bàn giao gồm:

- Đại diện Chủ đầu tư
- Đại diện Nhà thầu
- Đại diện Nhà tư vấn giám sát

Chủ đầu tư gửi cho Nhà thầu danh sách Ban Quản lý dự án trong đó có thông tin về nhiệm vụ và thông tin liên lạc của từng cá nhân cho nhà thầu trong vòng 2 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Mọi thay đổi bổ sung phải được báo trước 2 ngày để Nhà thầu kịp thời sắp xếp công việc cho phù hợp.

d) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao:

- Hàng ngày, Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư và Nhà tư vấn kế hoạch thi công trong ngày.
- Điều kiện nghiệm thu: Hồ sơ để tiến hành nghiệm thu bao gồm:
  + Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;
  + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế (nếu có) đã được chấp thuận;
  + Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;
  + Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng (nếu có);
  + Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng (nếu có);
  + Nhật ký thi công và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
  + Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng.
  + Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng.
- Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng:
  + Hồ sơ quản lý chất lượng – phần pháp lý : Hợp đồng, sơ đồ tổ chức thi công, năng lực thầu phụ (nếu có),…
  + Hồ sơ quản lý chất lượng – phần kỹ thuật: Các tài liệu quy định trong điều kiện nghiệm thu nêu trên; và

+ Biên bản nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng (nếu có);

+ Bản vẽ hoàn công công trình xây dựng (đối với giai đoạn nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng);

Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng của nội bộ nhà thầu thi công xây dựng (nếu có);

6.4. Chạy thử của công trình:

- Trước khi bắt đầu chạy thử khi hoàn thành, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ lắp đặt lại, điều chỉnh và sửa chữa.

- Các bên sẽ tiến hành chạy thử cho đến khi đạt yêu cầu được ký bởi "Biên bản đồng ý nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng" sau khi hoàn tất phần chuyên môn của mỗi phần trong tổng thể công trình, bao gồm:

- Hệ thống tưới nước tự động.
- Hệ thống điện.
- Các hạng mục khác như chống sét, thoát nước,... sẽ được theo dõi sự vận hành theo lộ trình bảo hành của bên B.

- Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ hay chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư, hay do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết và được hưởng quyền theo Điều 7 của Hợp đồng này để:

a) Gia hạn thời gian do sự chậm trễ này, nếu như việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm theo khoản 7.3 của Hợp đồng này;

b) Thanh toán mọi chi phí cộng thêm vào giá Hợp đồng.

- Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư sẽ theo điểm 12.5 [Quyết định của nhà tư vấn] của Hợp đồng này đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

- Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần chạy thử. Khi các lần chạy thử cụ thể đã được tiến hành xong, Chủ đầu tư sẽ chấp thuận biên bản chạy thử của Nhà thầu. Nếu như Chủ đầu tư không tham gia vào các cuộc kiểm định, coi như họ đã chấp nhận các báo cáo là chính xác

6.5. Nghiệm thu, bàn giao các hạng mục công trình:

Sau khi các công việc theo Hợp đồng được hoàn thành, hạng mục công trình chạy thử đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư để tiến hành nghiệm thu hạng mục công trình.

Nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư để nghiệm thu hạng mục công trình không sớm hơn 03 ngày trước khi công trình được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao.

Sau khi hạng mục công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng hạng mục công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình và Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.

Trường hợp hạng mục công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu phải làm để hoàn thành công trình.

- Trước mỗi giai đoạn nghiệm thu, Nhà thầu phải gửi thư mời nghiệm thu, Chủ đầu tư có trách nhiệm tiến hành nghiệm thu và thông báo kết quả trong vòng không quá 2 ngày kể từ ngày nhận được thư mời. Quá thời gian trên, nếu vẫn chưa có kết quả thì hạng mục đó được mặc nhiên nghiệm thu.

- Nhà thầu phải lập các danh mục vật tư đưa vào công trường, sau khi gửi phiếu yêu cầu nghiệm thu tới Nhà tư vấn giám sát thi công xây dựng quá 7 ngày mà không nhận được văn bản trả lời từ phía Nhà tư vấn thì mặc nhiên vật tư đó đã được nghiệm thu

6.6.Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót:

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải:

Hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót:

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư (tuỳ theo lựa chọn) có thể:

Tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo Hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư bị mất toàn bộ lợi ích từ công trình hay phần lớn công trình, sẽ chấm dứt toàn bộ Hợp đồng hay phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định. Khi đó, theo Hợp đồng Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

6.7. Các kiểm định thêm:

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 03 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước và được tiến hành bằng kinh phí của Nhà thầu.

6.8. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành:

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

7.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng:

- Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng và kết thúc vào ngày 12/04/2015 như đã nêu trong bảng tiến độ thi công công trình (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ) với điều kiện như sau:

a) Bản vẽ và mẫu vật liệu được trình và duyệt theo đúng tiến độ; đã được thống nhất trong bảng Tiến độ thi công công trình

b) Công trường đủ điều kiện để thi công;

c) Thanh toán từ Chủ đầu tư như đã thỏa thuận;

- Các pháp lý của hợp đồng đã được hai bên ký xác nhận đầy đủ.

- Tổng thời gian thực hiện hợp đồng không bao gồm thời gian chờ thanh toán quá qui định, chờ ký pháp lý của các văn bản hoặc bản vẽ hoặc trình bổ sung giá cả, chờ duyệt mẫu, chờ xử lý điện nước … thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư.

7.2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng:

Nhà thầu phải lập Tiến độ thi công công trình để trình cho Chủ đầu tư. Bảng tổng tiến độ thi công được phê duyệt sẽ là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.Tiến độ thi công sẽ bao gồm:

a) Trình tự thực hiện công việc của nhà thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của hạng mục công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

c) Báo cáo tiến độ Nhà thầu phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công hạng mục công trình;

- Nhà thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng.

Nhà thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với Hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu trong vòng 7 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công này để yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo tiến độ của Hợp đồng.

Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo khoản 7.3 [Gia hạn thời gian hoàn thành]. Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với khoản này.

7.3. Gia hạn thời gian hoàn thành:

Nhà thầu được phép theo Điều 22 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng. Hoặc Chủ đầu tư muốn thay đổi bản vẽ do bên thứ ba kiểm tra kiến nghị thay đổi.

b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của mưa, bão, lũ, lụt, động đất, sóng thần, hoả hoạn, địch hoạ hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.

7.4. Khắc phục tiến độ chậm trễ:

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 7.3 [Gia hạn thời gian hoàn thành], khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành trong thời gian yêu cầu.

<u>Điều 8. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán</u>

8.1. Giá hợp đồng:

- Giá trị của hợp đồng: **8.680.967.599 VNĐ (Đã bao gồm VAT)**

(Bằng chữ : Tám tỉ, sáu trăm tám mươi triệu, chín trăm sáu bảy nghìn, năm trăm chín chín đồng./).

- Hợp đồng này là Hợp đồng trọn gói.

- Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ chi phí để Nhà thầu hoàn thành toàn bộ các phần việc thuộc hạng mục của mình quy định tại Điều 5 [Nội dung và khối lượng công việc] theo đúng thiết kế kèm theo Hợp đồng, đúng yêu cầu kỹ thuật và được Tư vấn, Chủ đầu tư nghiệm thu, chi phí này bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí từ chi phí cho công tác chuẩn bị, dựng văn phòng, biện pháp thi công, vật tư phụ.... đến việc thi công, thí nghiệm tại công trường và các phòng thí nghiệm ở Việt Nam, nghiệm thu và bàn giao công trình cho Chủ đầu tư.

- Chi tiết của giá Hợp đồng xem bảng Tổng hợp và chi tiết các hạng mục; chi tiết đơn giá, khối lượng kèm theo, chi tiết của giá Hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn phạm vi các công việc cần thực hiện để hoàn thành đúng thiết kế kèm theo Hợp đồng.Giá Hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 [Điều chỉnh giá Hợp đồng].

8.2.Lộ trình thanh toán:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 90% giá trị từng hạng mục khi hoàn thành toàn bộ hạng mục đó hoặc 60% giá trị vật liệu của từng hạng mục nếu toàn bộ vật liệu của hạng mục đó được chuyển đến công trường và được nghiệm thu (Tổng tiền Nhà thầu nhận không vượt quá 90% giá trị hợp đồng) trong vòng 7 ngày làm việc ngay khi Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- Hồ sơ thanh toán cho các giai đoạn gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán.

+ Bảng tổng hợp giá trị cho giai đoạn thanh toán.

+ Hồ sơ quản lý chất lượng theo quy định (Bao gồm các biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục được thanh toán).

+ Hóa đơn tài chính tương ứng.

- Quyết toán:

Sau khi Chủ đầu tư ký duyệt quyết toán, trong vòng 15 ngày làm việc Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% giá trị quyết toán cho Nhà thầu khi Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán công trình và có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Hồ sơ quyết toán gồm:

+ Hồ sơ quản lý chất lượng theo quy định (phần pháp lý, phần kỹ thuật).

+ Bảng tổng hợp giá trị quyết toán.

+ Hóa đơn tài chính tương ứng.

- Biểu mẫu của hồ sơ thanh toán sẽ được Chủ đầu tư cung cấp ngay khi thực hiện hợp đồng.

8.3. Thời hạn thanh toán:

a) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 07 ngày làm việc đối với các đợt thanh toán và trong vòng 15 ngày làm việc với lần quyết toán, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

b) Chủ đầu tư chậm thanh toán 07 ngày làm việc sau thời hạn theo quy định tại điểm a nêu trên thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo lãi suất vay do ngân hàng thương mại mà Chủ đầu tư mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.

8.4. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ)

b) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản

Điều 9. Điều chỉnh giá hợp đồng

9.1. Giá hợp đồng có thể được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi khối lượng (tăng hoặc giảm) các hạng mục công việc ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế kèm theo (đến thời điểm ký) Hợp đồng).

b) Bổ sung công việc ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế kèm theo (đến thời điểm ký) Hợp đồng. Việc thay đổi thiết kế do khách quan và chủ quan, thay đổi qui cách, chủng loại vật liệu, dẫn đến việc thay đổi khối lượng, đơn giá và nội dung công việc.

c) Do các nguyên nhân khác sẽ được hai bên thỏa thuận bằng văn bản.

9.2. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng:

a) Đối với trường hợp thay đổi khối lượng các công việc đã quy định trong hợp đồng thì đơn giá áp dụng theo đơn giá đã quy định trong hợp đồng.

b) Đối với trường hợp thay đổi, bổ sung công việc ngoài phạm vi công việc qui định trong hợp đồng thì phần giá trị hợp đồng điều chỉnh được xác định trên cơ sở khối lượng các công việc bổ sung và đơn giá chưa có trong hợp đồng cho khối lượng bổ sung do các bên thỏa thuận;

c) Trường hợp Chủ đầu tư cắt giảm khối lượng công việc hoặc hạng mục thuộc phạm vi công việc phải thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết thì giá hợp đồng phải giảm tương ứng với phần giá trị khối lượng công việc không phải thực hiện.

- Toàn bộ giá trị tăng hoặc giảm phải được hai bên tiến hành xác lập bằng văn bản hoặc phụ lục bổ sung cho hợp đồng.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

10.1. Quyền của Chủ đầu tư:

Ngoài các quyền khác đã quy định trong Hợp đồng, Chủ đầu tư còn có quyền khiếu nại khi:

a) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ Điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.

b) Phải thông báo càng sớm càng tốt sau khi Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại. Thông báo về việc kéo dài thời hạn thông báo sai sót phải được thực hiện trước khi hết hạn thời gian thông báo.

c) Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến Hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định:

-Số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;

-Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót.

d) Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này, những khoản được trừ phải được hai bên xác nhận bằng văn bản.

10.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

Ngoài các nghĩa vụ khác đã quy định trong Hợp đồng, Chủ đầu tư còn có các nghĩa vụ sau:

a) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thoả thuận của Hợp đồng;

b) Cử và thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện Hợp đồng;

d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong Hợp đồng;

đ) Thuê tư vấn giúp Chủ đầu tư quản lý và giám sát theo quy định Điều 12 và Điều 13 của Hợp đồng này;

e) Phê duyệt kịp thời hồ sơ thiết kế và cung cấp các tài liệu có liên quan theo thoả thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật;

g) Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình.

f) Chủ đầu tư (và/hoặc Nhà tư vấn của chủ đầu tư) sẽ ký xác nhận trong vòng 07 ngày kể từ ngày Nhà thầu đệ trình các hồ sơ hợp lệ liên quan đến việc thanh toán theo quy định tại Điều 8.3 của Hợp đồng này (ngoại trừ quyết toán công trình sẽ được xác nhận trong vòng 15 ngày), nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư (và/hoặc Nhà tư vấn của chủ đầu tư) không có bất kỳ phản hồi nào thì được coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận các hồ sơ này của Nhà thầu.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

11.1. Quyền của Nhà thầu:

a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư;

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết;

c) Được phép tạm dừng hoặc dừng hợp đồng nếu bên Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, bàn giao mặt bằng phục vụ cho công tác thi công các hạng mục của hợp đồng này.

d) Tiếp cận công trường:

Chủ đầu tư phải bàn giao cho Nhà thầu mặt bằng thi công công trình để Nhà thầu thực hiện Hợp đồng.

Nếu do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu thì Nhà thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian này.

11.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu:

a) Nhà thầu phải cử nhân sự phù hợp và sẵn sàng thay thế theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Phương án thiết kế bản vẽ thi công của Nhà thầu phải đảm bảo sự phù hợp giữa hạng mục xây lắp hoàn thiện nội thất với các hạng mục khác như phần hoàn thiện đồ rời, cảnh quan sân vườn,...

b) Nhà thầu phải cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại theo Hợp đồng để thực hiện các công việc theo nội dung Hợp đồng đã ký kết;

c) Nhà thầu phải thi công xây dựng hạng mục công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

d) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán Hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Hợp đồng;

e) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp đồng hoặc Pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

f) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 03 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

g) Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với các Nhà thầu khác cùng thi công trên công trường, trường hợp có tranh chấp không giải quyết được Nhà thầu có trách nhiệm báo cáo Chủ đầu tư và Nhà tư vấn bằng văn bản trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra tranh chấp.

h) Nhà thầu phải tuân thủ các quy định, nội quy do Ban Quản lý dự án đưa ra;

i) Vào ngày nhận bàn giao mặt bằng thi công, Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ thống nhất và ký kết một Biên bản kiểm kê trang thiết bị/đồ đạc thuộc diện tích này. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cho toàn bộ các sự cố, hư hỏng, mất mát xảy ra tại khu vực công trường do nhân sự của Nhà thầu hoặc do sự bất cẩn của Nhà thầu gây ra.Nhà thầu sẽ phải bồi thường các thiệt hại gây ra cho Chủ đầu tư hoặc cho Bên thứ ba.

11.3. Nhân lực của Nhà thầu:

- Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (hay tác động để sa thải) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khoẻ hoặc bảo vệ môi trường.
- Khi đó, Nhà thầu sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) một người khác thích hợp để thay thế. Nhà thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

11.4. Báo cáo về công việc của Nhà thầu:

- Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư và Nhà tư vấn Nhật ký công trường, báo cáo tuần trong đó nêu rõ những chi tiết về tiến độ công việc,số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

11.5. Hợp tác:

- Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Chủ đầu tư; các nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê;
- Các dịch vụ cho những người này và các nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá Hợp đồng thì các bên xem xét thoả thuận bổ sung chi phí này.
- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) của Chủ đầu tư.

11.6. Điều kiện về công trường:

- Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên, và đã được thoả mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

+ Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

+ Các quy định của pháp luật về lao động;

+ Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

- Nhà thầu được coi là đã thoả mãn về tính đúng và đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

11.7. Đường đi và phương tiện:

- Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng sự chịu rủi ro và kinh phí của mình.

- Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường vào công trường do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và không gian giao thông thích hợp.

- Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

+ Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác.

+ Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng thang máy hoặc các tuyến đường đó;

+ Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

+ Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

+ Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

+ Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu, sẽ do Nhà thầu chịu.

11.8. Vận chuyển vật tư thiết bị:

- Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 21 ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

- Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

11.9. Thiết bị Nhà thầu:

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

11.10. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường:

- Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

- Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

- Nếu tất cả những vật tư thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 10 ngày sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị,

số tiền thu được từ việc bán vật tư thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.

11.11. Các vấn đề khác có liên quan:

- Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

- Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền theo Điều 22 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà tư vấn (giám sát thi công xây dựng).

12.1. Quyền của Nhà tư vấn giám sát thi công xây dựng (NTVGSTCXD):

- Nhà tư vấn giám sát thi công xây dựng đơn vị sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao cho TVGSTCXD trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. NTVGSTCXD có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

- NTVGSTCXD không có quyền sửa đổi Hợp đồng. NTVGSTCXD có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh NTVGSTCXD như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong Hợp đồng. Nếu NTVGSTCXD được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của NTVGSTCXD, trừ những gì đã thoả thuận với Nhà thầu.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

a) NTVGSTCXD không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng, hay cho một bên nào;

c) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của NTVGSTCXD (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo Hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

12.2. Trách nhiệm của NTVGSTCXD:

- Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trìnhtại nhà máy sản xuất và tại Công trường.

- Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

12.3. Thay thế Nhà tư vấn:

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Nhà tư vấn thì trong vòng 07 ngày trước khi dự định thay thế, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Nhà tư vấn được dự kiến thay thế.

Điều 13. Nhà thầu phụ

Khi ký hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc do các Nhà thầu phụ thực hiện;

b) Nhà thầu không được giao lại một phần hoặc toàn bộ công việc theo Hợp đồng cho Nhà thầu phụ thực hiện trừ khi có sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá trị hợp đồng.

Điều 14. Định vị công trình

14.1. Sau khi Bên A tiến hành bàn giao mốc cao độ và toạ độ, Bên B chịu trách nhiệm:

- Kiểm tra, so sánh các số liệu do Bên A cung cấp, thông báo ngay cho Bên A biết khi có sai lệch.
- Định vị chính xác các phần việc thi công theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công so với điểm cao độ, toạ độ gốc do Bên A bàn giao.
- Đảm bảo độ chính xác của các điểm, vị trí, kích thước cấu kiện, trong giới hạn cho phép của hồ sơ thiết kế và các tiêu chuẩn, quy định hiện hành.
- Cung cấp toàn bộ thiết bị, lao động, phụ kiện cần thiết liên quan đến phạm vi trách nhiệm nêu trên.

14.2. Trong quá trình thi công, nếu phát hiện bất kỳ sai lệch nào về vị trí, cao độ, tuyến hoặc kích thước của bất kỳ một bộ phận của công trình thì Bên B phải khắc phục ngay những sai lệch đó bằng chi phí của mình, trừ khi các sai lệch này là do Bên A cung cấp sai số liệu ban đầu.

- Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.
- Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn), nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.
- Trường hợp, Nhà thầu bị chậm trễ và phải chịu chi phí mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền thực hiện theo Điều 22 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

Điều 15. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

15.1. An toàn lao động:

a) Nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

e) Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động .

Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của

pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

15.2. Bảo vệ môi trường:

a) Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

15.3. Phòng chống cháy nổ:

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Điều 16. Điện, nước và an ninh công trường

16.1. Điện, nước trên công trường:

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.

Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.

Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định.

16.2. An ninh công trường:

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Hàng ngày, Nhà thầu đăng ký số lượng, danh sách công nhân cho Ban Quản lý dự án.Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Trừ khi có sự chấp thuận của Chủ đầu tư, các cán bộ và công nhân của Nhà thầu chỉ hoạt động làm việc trên các tầng thuộc phạm vi thi công của Hợp đồng này

c) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.

Điều 17. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

17.1. Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

Chủ đầu tư quyết định ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng khi Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm dừng, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu không ít hơn 15 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm ngừng.

17.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Nhà thầu:

a) Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo khoản 17.1 của Hợp đồng này [Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư];

b) Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Không có lý do chính đáng mà 30 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;

d) Giao thầu phụ toàn bộ hoặc một phần công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự chấp thuận của Chủ đầu tư;

đ) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 15 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (đ) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo Hợp đồng.

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện sau khi Chủ đầu tư đã thanh toán cho Nhà thầu toàn bộ giá trị khối lượng công việc đã được thực hiện và/hoặc được sản xuất hoặc được giao đến Công trường và/hoặc bất kỳ khoản tiền mà Nhà thầu được hưởng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng , việc xác định giá theo mục 17.3 của hợp đồng.

Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà thầu và các công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Nhà thầu.

Trường hợp đặc biệt, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Nhà thầu việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 10 ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo này của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại bảo lãnh thực hiện. Chủ đầu tư sẽ không được chấm dứt Hợp đồng theo khoản này để tự thi công công trình hoặc sắp xếp để cho nhà thầu khác thi công công trình.

17.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng:

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 17.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và

tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

17.4.Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng:

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo khoản 17.2 của Hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Nhà thầu.

Các khoản phí này chỉ được xác định trên tiêu chí nhà thầu làm hư hỏng thiết bị vật tư do sai sót trong quá trình thi công của mình, ngoài ra sẽ không tính những hư tổn hay mất mát, thiệt hại do quá trình ngưng thi công gây ra.

c) Thu lại từ nhà thầu các khoản tạm ứng, thanh toán giai đoạn còn lại sau khi đối trừ giá trị các công việc Nhà thầu đã thực hiện và các thiệt hại do Nhà thầu gây ra (nếu có). Nếu vì bất kỳ lý do nào, Nhà thầu không chi trả được khoản tạm ứng, thanh toán giai đoạn còn lại này thì Ngân hàng mở bảo lãnh tạm ứng cho Nhà thầu có trách nhiệm chi trả cho Chủ đầu tư. Việc chi trả khoản tạm ứng, thanh toán giai đoạn còn lại này phải được Nhà thầu/Ngân hàng thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Chủ đầu tư.

Mọi chi phí do chấm dứt hợp đồng trong trường hợp này sẽ được hai bên thương thảo và thỏa thuận cho phù hợp. Mọi giá trị không thỏa đáng cho một trong hai bên thì coi như hạng mục đó được hủy bỏ khỏi hợp đồng, bên B hoàn lại giá trị tạm ứng của hạng mục đó cho bên A và thu hồi toàn bộ sản phẩm của mình mà không được yêu cầu bồi thường bất cứ chi phí nào.

Điều 18. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu

18.1. Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu:

Nếu Chủ đầu tư không tuân thủ khoản 8.4 của Hợp đồng [Thời hạn thanh toán] vượt quá 15 ngày làm việc; Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tu không muộn hơn 15 ngày, sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu được thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Việc tạm ngừng công việc của Nhà thầu theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt Hợp đồng theo khoản 18.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo Điều 22 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

18.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu:

Nhà thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

b) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá 20 ngày; (với khoảng thời gian Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu tạm ngừng thi công 20 ngày này thì nhà thầu sẽ được quyền tính chi phí quản lý dự án phát sinh cho Chủ đầu tư)

c) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể, bằng thông báo trước 10 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm (c) Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

d) Quá 30 ngày kể từ Nhà thầu mời nghiệm thu, tổ chức khắc phục các sự cố do lỗi Nhà thầu theo điều khoản 18.1 được quy định trong hợp đồng này diễn ra không quá 7 ngày.

Khi chấm dứt hạng mục theo trường hợp này, nhà thầu có trách nhiệm thu hồi toàn bộ sản phẩm về mà không được yêu cầu Chủ đầu tư bồi thường bất cứ chi phí nào, đồng thời hạng mục bị chấm dứt cũng sẽ bị loại bỏ mọi trách nhiệm liên quan đến hợp đồng.

18.3. Ngừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu:

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu sẽ ngay lập tức:

a) Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;

b) Chuyển giao cho Chủ đầu tư toàn bộ tài liệu của Nhà nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán;

c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi phạm vi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

18.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng:

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo khoản 18.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu] đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

a) Trả lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu;

b) Thanh toán cho Nhà thầu.

Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành

19.1. Bảo hiểm:

Trong vòng 07 ngày sau khi ký Hợp đồng này, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Hợp đồng mua bảo hiểm đối với các thiết bị máy móc phục vụ thi công, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

19.2. Bảo hành:

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho chủ đầu tư.

- Nhà thầu lập quy trình hướng dẫn vận hành, bảo trì, bảo hành được bên A xác nhận;
- Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết, chất lượng không bảo đảm hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Bên B gây ra;
- Thực hiện việc bảo hành hạng mục công trình trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình;
- Bảo đảm bảo hành được thực hiện bằng bảo lãnh của Ngân hàng nơi nhà thầu mở tài khoản và mức bảo hành là 5% giá trị quyết toán trước thuế. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành và phải do Ngân hàng nơi nhà thầu mở tài khoản phát hành.

- Trong thời gian bảo hành hạng mục công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 7 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng

20.1. Bất khả kháng là sự kiện khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ lốc, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ chiến tranh, các thảm hoạ khác chưa lường hết được.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự bất khả kháng có nghĩa vụ phải nỗ lực:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo bằng văn bản ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

20.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 21. Phạt vi phạm hợp đồng và thưởng hợp đồng

21.1. Phạt vi phạm hợp đồng đối với Nhà thầu:

a) Nếu Nhà thầu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng so với thời gian quy định tại khoản thì Nhà thầu bị phạt 0,15% tổng giá trị hợp đồng cho 01 ngày chậm tính từ ngày bàn giao theo tiến độ đã cam kết, tổng số tiền phạt tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng.

Quá 84 ngày kể từ ngày chậm tiến độ thanh toán, Nhà thầu được quyền thu hồi toàn bộ sản phẩm hoặc các sản phẩm khác do Nhà thầu cung cấp được định giá tương đương bởi bên thứ 3 mà không phải bồi thường bất cứ chi phí nào, quá trình thu hồi sẽ do nhân viên Nhà thầu hoặc thuê bên thứ 3 hợp pháp (theo các Luật hiện hành) tiến hành.

b) Trường hợp chậm tiến độ do nguyên nhân khách quan, Nhà thầu thông báo ngay cho Chủ đầu tư bằng văn bản kèm theo tài liệu chứng minh. Nếu được Chủ đầu tư chấp nhận thì sẽ được tính lùi ngày bàn giao đúng thời hạn đã được hai bên xác nhận.

c) Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Nhà thầu đền bù vì lỗi đã gây ra. Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Nhà thầu nghĩa vụ hoàn thành công trình hoặc bất cứ trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo như trong Hợp đồng.

21.2. Thưởng do việc vượt tiến độ:

Trường hợp Nhà thầu thi công vượt tiến độ, Chủ đầu tư sẽ thưởng cho Nhà thầu (mức thưởng do Chủ đầu tư quyết định) cho 01 ngày vượt so với ngày bàn giao theo tiến độ đã cam kết. Tổng số tiền thưởng không quá 5% giá trị phần hợp đồng làm lợi.

Điều 22. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

22.1. Khiếu nại:

Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 43 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ.

22.2. Xử lý các tranh chấp:

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại TP.Hà Nội giải quyết theo quy tắc Trọng tài. Toàn bộ chi phí cho việc giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (bao gồm: phí trọng tài và các khoản chi phí khác có liên quan) sẽ do bên thua kiện chịu. Phán quyết của Trọng tài là quyết định cuối cùng và có giá trị ràng buộc hai bên thực hiện.

22.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 23: Thông báo

Thông báo giữa các bên trong khuôn khổ Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và gửi đến Đại diện của các bên thông qua đường Bưu điện hoặc Fax hoặc trực tiếp (có biên bản bàn giao).

Điều 24. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

24.1. Quyết toán Hợp đồng:

Trong vòng 90 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 09 (Bộ) quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu đã bao gồm nhưng không hạn chế tại Điều 8 của hợp đồng.

24.2. Thanh lý Hợp đồng:

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo quy định của Điều 18 của Hợp đồng [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu], Điều 17 của Hợp đồng [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư]....

b) Sau khi Nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hai bên tiến hành thanh lý và chấm dứt hiệu lực của hợp đồng cũng như mọi nghĩa vụ có liên quan khác. Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện xong trong thời hạn bốn mươi lăm ngày (45) kể từ ngày nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Giá trị thanh lý hợp đồng là giá trị được xác định theo hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

24.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

Điều 25. Hiệu lực của Hợp đồng

25.1. Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

25.2. Tính pháp lý của Hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Điều khoản chung

26.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này.

26.2. Hợp đồng này bao gồm 25 trang, được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt, Chủ đầu tư giữ 05 bản, nhà thầu giữ 03 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU QUÂN ĐỘI	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LƯỚI CÔNG TRÌNH
Ông. Đào Ngọc Thạch	QUẢN LÝ MIỀN BẮC Đàm Thị Lệ Minh

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo hợp đồng số ..../HĐKT/MIPEC-LCT/2014 ký ngày 15/10/2014)

BẢNG TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Thành tiền (Chủ đầu tư)
1	**Dọn dẹp mặt bằng, bắn lại tim cos, mốc STG**	[illegible]
2	**Sản xuất, lắp dựng và tháo dỡ ,thu hồi hàng rào tôn**	[illegible]
3	**Đắp đất nền giai đoạn I**	[illegible]
4	**Hệ thống tưới nước**	[illegible]
	Vật liệu	[illegible]
	Nhân công + quản lý	[illegible]
5	**Hệ thống thoát nước**	[illegible]
	Vật liệu	[illegible]
	Nhân công + quản lý	[illegible]
6	**Thi công san lấp cát mặt nền trồng cỏ và tiến hành trồng cỏ**	[illegible]
	Vật liệu	[illegible]
	Nhân công + quản lý	[illegible]
	Máy lu	[illegible]
7	**Green gạt**	[illegible]
	Vật liệu	[illegible]
	Nhân công + quản lý	[illegible]
	Máy lu	[illegible]
8	**Hệ thống điện chiếu sáng**	[illegible]
	Vật liệu	[illegible]
	Nhân công + quản lý	[illegible]
9	**Hệ thống chống sét**	[illegible]
	Vật liệu	[illegible]
	Nhân công + quản lý	[illegible]
10	**Hệ thống lưới**	[illegible]
	Vật liệu	[illegible]
	Nhân công + quản lý	[illegible]
	Tổng	[illegible]
	Thuế VAT (10%)	[illegible]
	Lán trại tạm	[illegible]
	Tổng cộng	**8,680,967,599**

Tiền bằng chữ: Tám tỉ, sáu trăm tám mươi triệu, chín trăm sáu bảy nghìn, năm trăm chín chín đồng./.

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo hợp đồng số ..../HĐKT/MIPEC-LCT/2014 ký ngày 15/10/2014)

BẢNG CHI TIẾT

STT	MÔ TẢ HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	XUẤT XỨ	GHI CHÚ
I	**HỆ THỐNG TƯỚI NƯỚC**						
I.1	**Thiết bị tưới RAIN BIRD**						
1	Đầu phun 3504 (pop-up 10cm)	Cái	6			RainBird, USA	Bán kính tưới 4.6-10.7m
2	Đầu phun 8005 (pop-up 12,7cm)	Cái	27			RainBird, USA	Bán kính tưới 11.9-24.7m
3	Co SBE050	Cái	12			RainBird, USA	
4	Ống dẻo SPX-100	Mét	3			RainBird, USA	
5	Phụ kiện còn lại và các chi phí khác	Hệ thống	1				
I.2	**Đường ống và phụ kiện**						
1	Ống HDPE DN32 PN8	Mét	100			Việt Nam	
2	Ống HDPE DN63 PN8	Mét	650			Việt Nam	
3	Ống HDPE DN90 PN10	Mét	250			Việt Nam	
4	Đai khởi thuỷ PE 32x1/2"	Cái	6			Fish, Malaysia	
5	Đai khởi thuỷ PE 90x3/4"	Cái	1			Fish, Malaysia	
6	Đai khởi thuỷ PE 90x1"	Cái	1			Fish, Malaysia	
7	Đai khởi thuỷ PE 90x2"	Cái	9			Fish, Malaysia	
8	Nút bịt PE 90	Cái	1			Fish, Malaysia	
9	Tê PE 63	Cái	18			Fish, Malaysia	
10	Cút RN PE 32x1"	Cái	27			Fish, Malaysia	
11	Cút PE 63	Cái	18			Fish, Malaysia	
12	Cút PE 90	Cái	5			Fish, Malaysia	
13	Côn thu PE 63x32	Cái	27			Fish, Malaysia	
14	Măng xông PE 63	Cái	7			Fish, Malaysia	
15	Măng xông PE 90	Cái	3			Fish, Malaysia	
16	Măng xông RN PE 32x1"	Cái	3			Fish, Malaysia	
17	Măng xông RN PE 63x2"	Cái	18			Fish, Malaysia	
18	Măng xông RT PE 90x3"	Cái	2			Fish, Malaysia	
19	Măng xông RN PPR 50x1/2"	Cái	4				
I.3	**Hệ thống Bơm cấp nước**						
1	Máy bơm nước Q=27m3/h; H= 69m	Cái	2			Pentax, Italia	
2	Tủ điện biến tần	Cái	1			Việt Nam	
3	Phụ kiện nối máy bơm	Bộ	2			Việt Nam	
4	Van 1 chiều lò xo 2.1/2"	Cái	2			Italia	
5	Hệ thống van áp + Bình tích áp 100l	Bộ	1			Việt Nam	
I.4	**Nhân công**						
1	Nhân công thi công dự toán		1			Việt Nam	
	TỔNG (I)						
II	**HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC SÂN GOLF**						

STT	MÔ TẢ HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	XUẤT XỨ	GHI CHÚ
	Vật liệu						
II.1	**Mương thoát nước**						
1	Bê tông lót đá 1x2 M150.	m3	62.7165				
2	Xây tường gạch đinh vữa xi măng mác 75, Dày 200mm	m2	1296				
3	Bê tông tấm đan M200. Rộng 0.7m. dày 50mm + lắp dựng	m3	3.315				
4	Ván khuôn t đấm đan	m2	65.6				
5	Cốt thép tấm đan Þ8a200	kg	297.99				
6	Ống nhựa Þ27 đục lỗ tấm đan (cây 4 mét)	cây	25				
7	Tô mương thoát nước+ đáy vưa xi măng M75	m2	1566				
II.2	**Hố Ga**						
1	Bê tông lót hố ga đá 1x2 M150.	m3	1.008				
2	Bê tông hố ga và thành hố ga	m3	7.42				
3	Ván khuôn hố ga	m2	74.2				
4	Cốt thép hố ga	kg	890.4			Việt Nam	
5	Tô mương HG vưa xi măng M75	m2	1540				
II.3	**PHẦN LẮP ĐẶT ỐNG THOÁT NƯỚC**						
A	**Phần ống**						
1	Lấp đá răm 1-4 tại vị trí đặt ống	m3	432				
2	Ống thoát nước PVC Bình Minh (hoặc SP tương đương) D200 dày 4ly.	md	2700			Việt Nam	
3	Ống thoát nước PVC Bình Minh (hoặc SP tương đương) D200 dày 4ly. Cho khu vực Green và Bunker	md	379			Việt Nam	
4	Tê 90^0 D200 , PVC	cái	45				
5	Tê 45^0 D200 , PVC	cái	114				
6	Nối 200, PVC	cái	400				
7	Lơi 200, PVC	cái	200				
8	Nắp bịt D200	cái	140				
9	Bộ thông khí lắp cho ống D200, nắp băng gan D250 đục lỗ	cái	45			Việt Nam	
10	Nắp hố sắt ga thông khí giữa sân D700	cái	2			Việt Nam	
11	Vải địa kỷ thuật	m2	1927			Việt Nam	
B	**Hố Ga Tròn Thông Khí**						
1	Bê tông lót hố ga đá 1x2 M150.	m3	0.128				
2	Bê tông hố ga và thành hố ga tròn	m3	0.352				
3	Ván khuôn hố ga tròn (thép)	m2	7.034				
4	Cốt thép hố ga	kg	42.20			Việt Nam	
	Nhân công						
II.1	**Mương thoát nước**						
1	Đào đất mương thoát nước chiều sâu từ 0,9->1,5m. Htrung bình =1.2m. L=(229*2+82)=543m	m3	1095.12				
2	Sửa đáy mương thoát nước	m2	702				
3	Lấp đất mương thoát nước	m3	328.536				
4	Bê tông lót đá 1x2 M150.	m3	62.7165				
5	Xây tường gạch đinh vữa xi măng mác 75, Dày 200mm	m2	1296				
6	Bê tông tấm đan M200. Rộng 0.7m. dày 50mm + lắp dựng	m3	3.315				
7	Ván khuôn t đấm đan	m2	65.6				
8	Cốt thép tấm đan Þ8a200	kg	297.99			Việt Nam	

STT	MÔ TẢ HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	XUẤT XỨ	GHI CHÚ
9	Ống nhựa Ф27 đục lỗ tấm đan (cây 4 mét)	cây	25		7	Việt Nam	
10	Tô mương thoát nước+ đáy vưa xi măng M75	m2	1566				
II.2	**Hố Ga**						
1	Đào đất Hố Ga. SL=7	m3	13.104				
2	Sửa đáy Hố Ga	m2	10.08				
3	Lấp đất Hố Ga	m3	3.931				
4	Bê tông lót hố ga đá 1x2 M150.	m3	1.008				
5	Bê tông hố ga và thành hố ga	m3	7.42				
6	Ván khuôn hố ga	m2	74.2				
7	Cốt thép hố ga	kg	890.4				
8	Tô mương HG vưa xi măng M75	m2	1540			Việt Nam	
II.3	**PHẦN LẮP ĐẶT ỐNG THOÁT NƯỚC**						
A	**Phần ống**						
1	Đào đất đặt ống (thủ công)	m3	538.8864				
2	Sửa đáy hố đào	m2	1080				
3	Lấp đá 1-4 tại vị trí đặt ống	m3	432				
4	Ống thoát nước PVC Bình Minh (hoặc SP tương đương) D200 dày 4ly.	md	2700			Việt Nam	
5	Ống thoát nước PVC Bình Minh (hoặc SP tương đương) D200 dày 4ly. Cho khu vực Green và Bunker	md	379			Việt Nam	
6	Tê 90^0 D200 , PVC	cái	45			Việt Nam	
7	Tê 45^0 D200 , PVC	cái	114			Việt Nam	
8	Nối 200, PVC	cái	400			Việt Nam	
9	Lơi 200, PVC	cái	200			Việt Nam	
10	Nắp bịt D200	cái	140			Việt Nam	
11	Bộ thông khí lắp cho ống D200, nắp băng gan D250 đục lỗ	cái	45			Việt Nam	
12	Nắp hố sắt ga thông khí giữa sân D700	cái	2			Việt Nam	
B	**Hố Ga Tròn Thông Khí**						
1	Đào đất Hố Ga. SL=2	m3	5.824				
2	Sửa đáy Hố Ga	m2	1.28				
3	Lấp đất Hố Ga	m3	1.747				
4	Bê tông lót hố ga đá 1x2 M150.	m3	0.128				
5	Bê tông hố ga và thành hố ga tròn	m3	0.352				
6	Ván khuôn hố ga tròn (thép)	m2	7.034			Gia công	
7	Cốt thép hố ga	kg	42.20				
	TỔNG (II)						
III	**HỆ THỐNG MẶT NỀN CÁT VÀ TRỒNG CỎ**						
	Vật liệu						
III.1	**San lấp cát nền, trồng cỏ**						
1	Đắp cát đen trồng cỏ nền sân dày khoảng 300mm (sau khi san nền theo bản vẽ thiết kế và lu lèn chặt). Khối lượng cát quyết toán là khối lượng nghiệm thu đầu vào.	m3	6930.00				
2	Cỏ Bermuda	m2	19837				
3	Thuốc diệt cỏ dại	Gói	1.00			Việt Nam	
4	Phân bón	Gói	1.00			Việt Nam	
5	Vật tư phụ	Gói	1.00				
6	Vôi lót nền	m2	14056.84				
III.2	**San lấp Green và Bunker**						
1	Đắp cát đen trồng cỏ Green cao 800~1000mm	m3	1283.80				
2	Cọc gỗ 30a400 dài 1.2m	cọc	400			Gia công	
3	Lớp vải Sand Trapper	m2	396.00			Việt Nam	
4	Đinh 5 cài vải	kg	10			Gia công	
5	Vải địa kỹ thuật lót đáy Bunker	m2	100			Việt Nam	

STT	MÔ TẢ HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	XUẤT XỨ	GHI CHÚ
6	Cát vàng đắp Bunker dày 300mm	m3	30				
	Nhân công						
III.1	**San lấp cát nền, trồng cỏ**						
1	Đắp cát đen trồng cỏ nền sân dày khoảng 300mm (sau khi san nền theo bản vẽ thiết kế và lu lèn chặt).	m3	6930.00				
2	Chăm sóc cắt tỉa, trồng cỏ	Gói	19837.00				
3	Đắp cát đen trồng cỏ Green cao 800~1000mm	m3	1283.80				
4	Cát vàng đắp Bunker dày 300mm	m3	30				
III.3	**Lu đầm nèn chặt đạt K90**	**Gói**	**1**				
	Tổng (III)						
IV	**HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG**						
1	Tủ điều khiển chiếu sáng	Cái	1			Việt Nam	
2	Bệ tủ chiếu sáng	Bộ	1			Việt Nam	
3	Đèn chiếu sáng sân tập Golf Công suất : 1500W Công suất tiêu thụ : 16,5 Kw/h Hệ thống chiếu sáng và các thiết bị phụ trợ : Hubbel Lighting Co.,Ltd, USA Bảo hành bóng đèn : 3500 giờ	Bộ	15			Xuất xứ : Tập đoàn General Electric, USA;	
4	Aptomat MCB 1P-5A	Cái	16			Việt Nam	
5	Cáp điện cấp đến các cột đèn	m	750			Việt Nam	
6	Dây điện cấp điện cho các bóng đèn	m	450			Việt Nam	
7	Bảng điện + cầu đấu	Bộ	15			Việt Nam	
8	Hộp tôn che bảng điện + cầu đấu	Bộ	15			Gia công	
9	ống nhựa HDPE D32	m	750			Việt Nam	
10	Công tắc on/off	bộ	15			Việt Nam	
11	Băng cảnh báo cho đường dây điện ngầm	cuộn 100m	3				
12	Nhân công thi công:	Gói	1				
	Tổng (IV)						
V	**HỆ THỐNG CHỐNG SÉT**						
A	**Hệ thống chống sét trực tiếp nhà phát bóng**						
V.1	**Vật tư, thiết bị**						
1	Kim thu sét phát tia tiên đạo sớm, bán kính bảo vệ cấp II = 75m Ký hiệu: **LAP-BX125**	bộ	1			Thổ Nhĩ Kỳ	
2	Cột đỡ kim thu sét bằng thép mạ kẽm cao 4m đã gia công (Bao gồm bằng giằng néo, bộ gá…)	bộ	1			Việt Nam	
3	Dây thoát sét bằng cáp đồng M70/PVC	m	32			Việt Nam	
4	Ống nhựa PVC D27	m	25			Việt Nam	
5	Đai kẹp cáp	cái	25			Việt Nam	
6	Cọc tiếp đất thép mạ đồng Φ 14.2; dài 2.4m	cọc	6				
7	Cáp đồng trần M70 tiếp đất	m	26			Việt Nam	
8	Mối hàn hóa nhiệt Cadweld 90F20	mối	7			Mỹ	
9	Hộp kiểm tra tiếp địa	hộp	1			Việt Nam	
10	Vật tư phụ (ống nhựa, bu-lông, đai ốc…)	ht	1			Việt Nam	
V.2	**Nhân công**						
1	Nhân công lắp đặt toàn bộ hệ thống (Bao gồm cả chi phí đào đắp đất, đi lại, vận chuyển)	ht	1				
B	**Hệ thống chống sét trực tiếp bãi bóng (2 kim thu sét)**						
V.3	**Vật tư, thiết bị**						

STT	MÔ TẢ HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	XUẤT XỨ	GHI CHÚ
1	Kim thu sét phát tia tiên đạo sớm, bán kính bảo vệ cấp III = 84m Ký hiệu: LAP-BX125	bộ	2		)	Thổ Nhĩ Kỳ	
2	Trụ đỡ kim thu sét bằng thép mạ kẽm cao 2m đã gia công (Bao gồm bộ gá….)	bộ	2		)	Việt Nam	
3	Dây thoát sét bằng cáp đồng M70/PVC	m	148		)	Việt Nam	
4	Ống nhựa PVC D27	m	25		)	Việt Nam	
5	Đai kẹp cáp	cái	70		)	Việt Nam	
6	Cọc tiếp đất thép mạ đồng Φ 14.2; dài 2.4m	cọc	3		)		
7	Cáp đồng trần M70 tiếp đất	m	10		)	Việt Nam	
8	Mối hàn hóa nhiệt Cadweld 90F20	mối	11		)	Mỹ	
9	Hộp kiểm tra tiếp địa	hộp	2		)	Việt Nam	
10	Vật tư phụ (ống nhựa, bu-lông, đai ốc…)	ht	2		)	Việt Nam	
11	Hóa chất giảm điện trở	bao(2	1		)	Nhật/Mỹ	
V.4	**Nhân công**						
1	Nhân công lắp đặt toàn bộ hệ thống (Bao gồm cả chi phí đào đắp đất, đi lại, vận chuyển)	ht	2				
C	**Hệ thống đèn báo không**						
V.5	**Vật tư, thiết bị**						
1	Đèn báo không	bộ	8			ung Quốc/Hàn Quốc	
2	Vật tư phụ (bu-lông, đai ốc…)	ht	8			Việt Nam	
V.6	**Nhân công**						
1	Nhân công lắp đặt toàn bộ hệ thống (Bao gồm cả chi phí đào đắp đất, đi lại, vận chuyển)	ht	1				
	Tổng (V)						
VI	**HỆ THỐNG LƯỚI**						
1	Kích thước mắt lưới 2,5cm Chất liệu: HDPE xuất xứ: Hàn Quốc UV: 2% Khả năng chịu nắng mưa : >7 năm Màu : xanh green; Bảo hành độ mục của lưới: 3 năm; Cáp phi 8, phi 10, ốc siết cáp, tăng đơ, chỉ, vật tư phụ, nhân công thi công…; Tỷ lệ độ chùng và hao phí của lưới là 25%.	m2	18849.94			Hàn Quốc	
2	Nhân công	m2	18849.94				
	Tổng (VI)						
VII	**ĐẮP ĐẤT NỀN GIAI ĐOẠN I**						
A	**San lấp**						
1	Khối lượng đất pha cát san lấp	m3	5089.00				
2	San gạt	1000M3	5.09				
3	Lu ủi, đầm nền chặt K=0.85	1000M2	5.71				
4	Nhân công	1000M3	3.210				
B	**Bóc tách hữu cơ**	**M3**	**1114.15**				
	Tổng (VII)						
VIII	**GREEN GẠT**						
A	**Vật liệu**						
2	Bê tông lót đá 1x2 M100	m3	3.524				
3	Xây gạch đinh không tô vưa xi măng M7, dày	m2	35.42				
4	Đắp cát trồng cỏ	m3	118.27				
5	Cọc gỗ 30a400 dài 1.0m	cọc	121				
6	Lớp vải địa kỹ thuật ngăn cát	m2	58.80				
7	Đinh 5 cài vải khu green gạt	kg	10				
8	Vải địa kỹ thuật lót đáy Green	m2	120			Việt Nam	
9	Đinh 5 cài vải khu Bunker	kg	2				

STT	MÔ TẢ HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	XUẤT XỨ	GHI CHÚ
10	Vải địa kỹ thuật lót đáy Bunker	m2	15			Việt Nam	
11	Cát trắng Quảng Bình đắp Bunker dày 300mm	m3	6.3				
B	**Trồng cỏ**						
1	Trồng cỏ Bermuda nền sân Green Gạt	m2	53.6				
2	Trồng cỏ Tip eagle nền Green gạt	m2	90				
C	**Nhân công**						
1	Đào đất xây bó vỉa	m3	13.156				
2	Bê tông lót đá 1x2 M100	m3	3.524				
3	Xây gạch đinh không tô vưa xi măng M7, dày	m2	35.42				
4	Đắp cát trông cỏ	m3	118.27				
5	Cát trắng Quảng Bình đắp Bunker dày 300mm	m3	6.3				
D	**Trồng cỏ**						
1	Trồng cỏ Bermuda nền sân Green Gạt	m2	53.6				
2	Trồng cỏ Tip eagle nền Green gạt	m2	90				
3	Lu ủi mặt cát	Gói	1				
	Tổng (VIII)						
IX	**DỌN DẸP VỆ SINH VÀ BẢN LẠI TIM COS HIỆN TRẠNG**						
1	Dọn dẹp mặt bằng và bản lại tim cos hiện trạng	m2	16938.05				
	Tổng (IX) - Làm tròn						
X	**Sản xuất, lắp dựng và tháo dỡ hàng rào tôn**						
1	Sản xuất, lắp dựng và tháo dỡ, thu hồi hàng rào tô	m2	398.400				
	Tổng (X)						

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 436../2014/ HĐTC/TTĐD-LCT

DỰ ÁN: ĐÔNG DƯ MỞ RỘNG

VỀ VIỆC: THIẾT KẾ và THI CÔNG SÂN TẬP GOLF (diện tích 1,5 ha)

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRẠI ĐÔNG DƯ

VÀ

CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH

Hà Nội, tháng 12 năm 2014

Các căn cứ lập hợp đồng

- ***Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005.***
- *Căn cứ luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003.*
- *Căn cứ nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng.*
- *Căn cứ thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/07/2013 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.*
- *Căn cứ nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.*
- *Căn cứ thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/03/2009 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.*
- *Căn cứ nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 12/2009/NĐ-CP.*
- *Căn cứ nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/05/2010 của chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.*
- *Căn cứ nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 48/2010/NĐ-CP.*
- *Căn cứ quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình.*
- *Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.*

Hôm nay, ngày **20** tháng **12** năm 2014 tại Văn phòng 30 BCD Lý Nam Đế, Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. Chủ đầu tư (Bên A):

- Tên đơn vị	:	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRẠI ĐÔNG DƯ
- Địa chỉ trụ sở chính	:	30BCD Lý Nam Đế - Hà Nội
- Điện thoại	:	0437475838 Fax: 0437475835
- Số tài khoản	:	24378888
- Mở tại ngân hàng	:	VP bank – Chi nhánh Hà Nội
- Mã số thuế	:	0105343050
- Giấy đăng ký kinh doanh	:	0105343050
- Người đại diện	:	Ông **Nguyễn Việt Hà** - Chức vụ: Giám đốc

B. Nhà thầu thực hiện (Bên B):

- Tên đơn vị	:	CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH
- Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 39/1 Thống Nhất, Phường 11, Quận Gò Vấp, TPHCM
- Điện thoại	:	08.39212641
- Số tài khoản	:	6321201003576
- Mở tại ngân hàng	:	Ngân Hàng Agribank, CN Bắc Sài Gòn.
- Mã số thuế	:	0309542696
- Người đại diện	:	Bà **Đàm Thị Lệ Minh** - Chức vụ : Quản lý Miền Bắc (Ủy quyền số: 03/UQ/2014 ngày 01/12/2014)

Sau khi bàn bạc và thỏa thuận hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng với các nội dung và điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên A giao, Bên B nhận thiết kế và thi công hạng mục: Sân tập Golf thuộc dự án Đông Dư mở rộng tại địa điểm Xã Đông Dư, Huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội. Nội dung công việc chi tiết như sau:

- Thiết kế:

+ Giai đoạn thiết kế ý tưởng: Phương án thiết kế ý tưởng được thể hiện trên diện tích 15.000 m2 bằng các bản vẽ mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng, các phối cảnh, và các hình minh họa khác đảm bảo nêu bật được ý đồ của nhà thiết kế.

+ Giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công: Sau khi hai bên thống nhất được phương án thiết kế ý tưởng sẽ tiến hành thiết kế bản vẽ thi công cho toàn bộ hạng mục: Sân tập Golf bao gồm phần xây dựng, điện, chiếu sáng, cấp thoát nước, hệ thống trụ thép + lưới, bố trí nội thất và các hạng mục cảnh quan lân cận có liên quan.

- Thi công: Bên B sẽ tiến hành thi công theo đúng bản vẽ thiết kế được duyệt và phụ lục hợp đồng được hai bên thống nhất.

Điều 2: Thời gian thực hiện:

- Thiết kế:

+ Ý tưởng thiết kế đã được hai bên bàn bạc thống nhất, trên cơ sở đó bên B sẽ triển khai hồ sơ bản vẽ thi công.

+ Trong thời gian 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B sẽ bàn giao bản vẽ thiết kế thi công và bắt đầu tiến hành khởi công công trình.

- Thi công xây dựng, lắp đặt:

+ Giai đoạn 1: Thi công hệ thống tưới nước cho 3 green, hệ thống thoát nước cho green và hố cát, thi công bunker, cung cấp và trồng cỏ phần green và sân tập, tập kết lưới và đèn chiếu sáng.: **45 ngày** kể từ ngày ký hợp đồng, phê duyệt bản vẽ thiết kế và bên A tạm ứng cho bên B theo điều khoản tạm ứng của hợp đồng này.

Giai đoạn này cỏ đã được trồng hoàn tất, chưa lên xanh. Tại thời điểm thi công lắp đặt lưới và đèn chiếu sáng, theo yêu cầu của bên B, bên A sẽ bàn giao trụ lưới và cơ sở lắp đặt phần điện chiếu sáng theo đúng trách nhiệm của mình.

+ Giai đoạn 2: Bên B tiến hành bảo dưỡng khu vực Green, chăm sóc cỏ và ban giao công nghệ chăm sóc sân golf: **60 ngày** kể từ ngày nghiệm thu các hạng mục xây dựng, lắp đặt thiết bị của giai đoạn 1.

+ Giai đoạn 3: Thi công căng lưới, đèn chiếu sáng và cung cấp thiết bị sân tập golf trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A bàn giao trụ được bên B chấp thuận, nghiệm thu vật tư đầu vào.

- Những trường hợp sau đây sẽ được kéo dài thời gian thi công:

+ Do mặt bằng bị vướng không thi công được

+ Bất khả kháng như: Bão, lũ lụt, động đất, hỏa hoạn, mưa to mà không thể thi công được.

+ Do thay đổi thiết kế dẫn đến việc dừng thi công hoặc phát sinh khối lượng (có biên bản xác nhận tiến độ cộng thêm do phát sinh), do yêu cầu ngừng thi công của bên A.

+ Do việc chậm nghiệm thu /chậm thanh toán của bên A.

(Các trường hợp nói trên phải được cả hai bên xác nhận bằng văn bản)

Điều 3: Giá trị hợp đồng, tiến độ và phương thức thanh toán:

3.1. Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT):

a- Tổng giá trị hợp đồng: 1.748.437.000 đồng (đã bao gồm VAT 10%)

(Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

(Chi tiết giá trị tại Phụ lục kèm theo hợp đồng này)

- Giá trị trên đã bao gồm tất cả các chi phí cần thiết liên quan như chi phí vật tư, nhân công, máy thi công, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí văn phòng tạm công trường, lán trại, chi phí biện pháp thi công, chi phí đảm bảo vệ sinh môi trường, các loại thuế, phí, lệ phí, phí bảo hiểm thuộc trách nhiệm của Nhà thầu, chi phí khảo sát hiện trạng các công trình xung quanh, đền bù cho các thiệt hại (do lỗi của Nhà thầu) và các chi phí hợp lý khác để Nhà thầu hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của Hợp đồng và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành áp dụng tại Việt nam.

- Giá trị thanh quyết toán hợp đồng theo khối lượng thi công thực tế được nghiệm thu và đơn giá trong phụ lục hợp đồng đã ký. Giá trị quyết toán không vượt quá giá trị hợp đồng và thiết kế đã được duyệt.

- Trong trường hợp chủ đầu tư điều chỉnh thiết kế làm thay đổi diện tích sân bãi tập thì giá trị phụ lục hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng trên cơ sở đơn giá cố định đã được duyệt.

b- Điều khoản riêng: Hai bên đã thoả thuận như sau:

- Bên B nhận hỗ trợ kỹ thuật, giám sát hướng dẫn từ xa việc chăm sóc cỏ mặt sân, cỏ khu vực Green trong vòng 12 tháng sau khi đã bàn giao hoàn thành hạng mục cho Bên A. (nếu chăm sóc trực tiếp sẽ có biên bản thỏa thuận tính phí riêng).

3.2. Tiến độ tạm ứng, thanh toán và hồ sơ thanh toán:

- **Tạm ứng:** Bên A tạm ứng cho bên B **40%** giá trị hợp đồng trước thuế trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và bên B nộp hồ sơ tạm ứng hợp lệ:

+ Công văn đề nghị tạm ứng của nhà thầu;

+ Bảo lãnh tạm ứng hợp lệ có giá trị tương ứng, thời hạn 40 ngày hoặc đến khi bên B trình được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành công việc của giai đoạn 1;

Trong trường hợp hết thời hạn bảo lãnh nếu bên B chưa hoàn thành khối lượng công việc tương ứng thì bên B có trách nhiệm gia hạn bảo lãnh cho đến khi hoàn tất công việc giai đoạn 1.

- **Đợt 1**: Bên A thanh toán cho bên B **20%** giá trị hợp đồng trong vòng 12 ngày làm việc sau khi Bên B thi công xong các công việc tại giai đoạn 1 và bên B nộp hồ sơ thanh toán hợp lệ:

+Công văn đề nghị thanh toán của bên B;

+ Bảng nghiệm thu khối lượng trong kỳ thanh toán;

+ Bảng giá trị khối lượng trong kỳ thanh toán;

+ Bảng nghiệm thu chất lượng vật tư đầu vào;

+ CO, CQ của các thiết bị, vật tư: hệ thống cấp nước, đèn chiếu sáng.

+ Hóa đơn VAT với giá trị tương ứng;

+ Bản sao hợp đồng đã ký.

- **Đợt 2:** Bên A thanh toán cho bên B đến 85% giá trị hợp đồng (và thu hồi toàn bộ giá trị tạm ứng) trong vòng 12 ngày làm việc sau khi Bên B hoàn thành thi công lưới, lắp đặt đèn chiếu sáng và thiết bị sân tập golf (giai đoạn 3) và nộp hồ sơ thanh toán hợp lệ:

- Công văn đề nghị thanh toán của nhà thầu (bên B).

- Bảng nghiệm thu khối lượng trong kỳ thanh toán.

- Bảng giá trị khối lượng hoàn thành trong kỳ thanh toán;

- CO, CQ của các thiết bị golf;

- Hóa đơn VAT với giá trị tương ứng.

Đợt thanh toán này có thể độc lập với đợt 1 tùy theo giai đoạn nào đến trước.

- Quyết toán: Bên A thanh toán cho bên B đến 100% tổng giá trị quyết toán hợp đồng ngay khi hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng và phát hành bảo lãnh bảo hành 12 tháng. Hồ sơ quyết toán hợp lệ bao gồm:

- Hồ sơ chất lượng công trình: Bao gồm các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, nhật ký công trình.

- Yêu cầu và phê duyệt của Chủ đầu tư về các phần việc phát sinh (các bản vẽ thiết kế, đơn giá, dự toán...)

- Hồ sơ nghiệm thu khối lượng được Chủ đầu tư xác nhận (kể cả khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng, nếu có);

- Bản vẽ hoàn công công trình

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng và các căn cứ đính kèm.

- File mềm tính toán và bảng thống kê tài liệu thuộc hồ sơ quyết toán.

- Hoá đơn giá trị gia tăng hợp lệ tương ứng với giá trị thanh toán.

Số lượng hồ sơ thanh toán, quyết toán: 02 bộ gốc (nhà thầu chỉ cần nộp 01 bộ để kiểm tra, sau khi đạt mới nộp đủ số lượng là 02 bộ)

3.3. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, bằng tiền Việt Nam đồng

Điều 4. Trách nhiệm của mỗi bên:

4.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Bàn giao mặt bằng công trình và giao đầy đủ các tài liệu liên quan.Kiểm tra, phê duyệt thiết kế ý tưởng, thiết kế bản vẽ thi công.Phê duyệt tiến độ thi công chi tiết và biện pháp thi công, biện pháp an toàn do nhà thầu đệ trình.

- Cử cán bộ giám sát thi công có đủ trình độ năng lực, chuyên môn, quyền hạn thay mặt Chủ đầu tư thường xuyên tại công trình để giám sát, xác định khối lượng, chất lượng và nghiệm thu khối lượng, chất lượng thực hiện.

- Thanh toán cho bên B đúng hạn theo điều 4 của hợp đồng

4.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho người lao động và thiết bị, an toàn cho bên thứ ba, chịu toàn bộ trách nhiệm khi để xảy ra mất an toàn lao động, bên A không chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với sự cố về con người và thiết bị máy móc trên công trường.

- Tuân thủ các qui định về nghiệm thu theo NĐ số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/07/2013 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các qui định khác.

- Lập và trình cho Bên A biện pháp thi công, tiến độ thi công trong vòng 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

- Quản lý mặt bằng sau khi được bên A bàn giao để tiến hành thi công. Bảo vệ trang thiết bị, vật tư thi công công trình và tài sản thuộc khu vực bên B quản lý .

- Chịu trách nhiệm về VSMT trong suốt thời gian thi công xây dựng, lắp đặt.

- Bên B phải có trách nhiệm bằng kinh phí của mình để sửa chữa, đền bù (nếu do lỗi của Bên B) làm hư hỏng, ảnh hưởng tới các sản phẩm của các nhà thầu khác, của chủ đầu tư.

- Phối hợp cùng các nhà thầu khác của bên A để đảm bảo tiến độ thi công công trình (nếu có).

- Bên B phải lập nhật ký thi công có xác nhận của giám sát Bên A.Các hồ sơ chất lượng phải có xác nhận cán bộ giám sát Chủ đầu tư.

Điều 5. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại, tạm dừng, chấm dứt Hợp đồng

5.1 Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại:

- Nếu Bên B thi công chậm tiến độ, Bên B phải chịu phạt:
  + Mỗi ngày chậm phạt 0,1% giá trị quyết toán hợp đồng/ngày chậm trong tuần đầu tiên và 0,2% giá trị quyết toán hợp đồng/ngày chậm trong các tuần tiếp theo.
  + Tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị quyết toán hợp đồng.
- Nếu bên A chậm thanh toán, chậm bàn giao trụ, mặt nền, cơ sở để bên B thi công theo Điều 3 và Điều 2 của hợp đồng:
  + Mỗi ngày chậm phạt 0,1% giá trị thanh toán theo đợt/ngày chậm trong tuần đầu tiên và 0,2% giá trị thanh toán theo đợt/ngày chậm trong các tuần tiếp theo.
  + Tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị hợp đồng.

5.2 Tạm dừng, chấm dứt Hợp đồng:

5.2.1 Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Trường hợp bên A xét thấy bên B không có khả năng thực hiện Hợp đồng như đã ký kết. Để đảm bảo tiến độ thi công của bên A khi bên B đã vi phạm tiến độ hoặc chất lượng gói thầu mà bên A đã nhắc nhở 2 lần bằng văn bản mà bên B không khắc phục kịp thời.

- Trường hợp bên A phát hiện bên B bán các hạng mục thi công cho nhà thầu khác (trừ những mục được bên A chấp thuận). Tuy nhiên bên B được quyền thuê nhà thầu phụ tùy ý của mình.

- Trường hợp nhà thầu thi công chậm tiến độ quá 2 tuần (do lỗi của nhà thầu) mà không có khả năng khắc phục, bù lại tiến độ.

- Mọi chi phí phát sinh do việc huỷ Hợp đồng (tăng giá các khối lượng còn lại, thu dọn mặt bằng,..) bên B phải chịu và bên A có quyền trừ vào khoản thanh toán gần nhất và trừ vào bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà không cần bên B chấp nhận.

- Sau khi đình chỉ công việc, bên A có quyền huy động đơn vị khác vào làm công việc đó, mọi chi phí bên A có quyền trừ vào khoản thanh toán gần nhất mà không cần chờ bên B chấp nhận. Ngay cả khi đó bên B cũng không được rời bỏ trách nhiệm của mình trong công việc này.

- Khi huỷ bỏ hợp đồng, bên A sẽ thanh toán cho bên B các khối lượng đã được hai bên nghiệm thu. Trong trường hợp bên A đã thanh toán quá cho bên B so với khối lượng đã được hai bên nghiệm thu thì bên B có trách nhiệm hoàn trả cho bên A số tiền thanh toán quá đó. Những giá trị nào không được bên A đồng ý nghiệm thu bên B được quyền thu hồi về mà không được yêu cầu hỗ trợ chi phí.

5.2.2 Bên B có quyền tạm dừng, chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Tạm dừng: Bên A chậm thanh toán, tạm ứng cho bên B quá 15 ngày theo qui định.

- Chấm dứt hợp đồng:

✓ Bên A bị phá sản, vỡ nợ hoặc không còn khả năng kinh doanh theo qui định của pháp luật

✓ Thanh toán chậm quá 30 ngày theo qui định sau khi bên B đã có ít nhất 02 văn bản thông báo.

Khi tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng theo trường hợp này thì bên B có quyền thu hồi toàn bộ sản phẩm mà bên B cung cấp cho bên A mà không phải bồi thường bất cứ chi phí nào cũng như hoàn lại bất cứ giá trị bảo lãnh nào.

Điều 6. Thủ tục giải quyết tranh chấp Hợp đồng:

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, khi có những vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh, hai bên A và B phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc đảm bảo quyền lợi của mỗi bên.

- Khi tranh chấp hai bên không tự giải quyết được (sau 15 ngày kể từ ngày một bên gửi công văn cho bên kia đề nghị hòa giải), vấn đề tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Toà án kinh tế Hà Nội. Phán quyết của toà án là cuối cùng và bắt buộc đối với cả hai bên. Các chi phí về giám định và lệ phí liên quan do bên có lỗi chịu.

- Sau khi xác nhận chấm dứt/hủy hợp đồng, Bên B phải thu dọn ngay tài sản của Bên B trên mặt bằng thi công; Công ty Cổ phần Trang trại Đông Dư có quyền giao cho đơn vị khác vào thi công ngay mà chưa cần bên B phải bàn giao mặt bằng, chưa cần bên B phải thu dọn ngay tài sản của Bên B trên mặt bằng thi công.

Điều 7. Bảo hành

- Thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% giá trị quyết toán hợp đồng.

- Trong quá trình bảo hành, bên B phải có trách nhiệm đối với chất lượng thi công gói thầu. Nếu có sai sót, bên B phải có trách nhiệm sửa chữa lỗi đó bằng chi phí của mình. Trong vòng 02 ngày kể từ ngày bên A thông báo bằng văn bản gửi cho bên B mà bên B không tiến hành sửa chữa thì bên A sẽ tự sửa chữa và mọi chi phí liên quan bên B chịu.

- Trường hợp bên B bảo hành nhưng không đạt yêu cầu thì bên A có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện công việc, chi phí do bên B chịu.

- Bên B chỉ bảo hành những lỗi do tự nhiên sản phẩm, do lỗi kỹ thuật của bên B, do thi công không đạt tiêu chuẩn.

- Toàn bộ nội dung bảo hành bên B sẽ không chịu những lỗi do thiên tai, bão giật, động đất, cắt, đốt, ngoại lực tác dụng, bên khác phá hoại, do sử dụng sai nguyên tắc, sử dụng quá tải, thiếu công suất...

Điều 8. Điều khoản chung:

- Hai bên cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong Hợp đồng, không bên nào được tự ý ngừng việc thực hiện Hợp đồng.

- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật.

- Hợp đồng này có 08 Điều, được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 03 bản ./

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRẠI ĐÔNG DƯ	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LƯỚI CÔNG TRÌNH
GIÁM ĐỐC	QUẢN LÝ MIỀN BẮC
Nguyễn Việt Hà	Đàm Thị Lệ Minh

PHỤ LỤC 01 – GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Kèm theo hợp đồng số ...../2014/ HĐTC/TTĐD-LCT

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	**HỆ THỐNG TƯỚI NƯỚC CHO 3 GREEN**	**ht**			
I	**Thiết bị Rainbird**				
1	Đầu phun 1804	bộ	30		
2	Vòi phun 18VAN				
3	Co SBE050				
4	Ống dẻo SPX-100				
II	**Đường ống và phụ kiện**				
1	Ống HDPE DN40 PN8, cút, măng xông tê,..- VN	m	185		
2	Ống HDPE DN63 PN8, cút, măng xông tê,..- VN	m	240		
III	**Hệ thống bơm cấp nước**				
1	Máy bơm nước Q=18m3/h; H= 45,6m - Pentax CM40-200B Điện áp: 3 pha 380V, 50 Hz Công suất: 5,5kw (7,5HP) Đường kính ống hút/xả: DN65/DN40 Q/H=0m3/h/44,7m - 42m3/h/27,9m	bộ	1		
2	Tủ điện điều khiển + Timer - Việt Nam				
3	Phụ kiện nối máy bơm - Việt Nam				
4	Van 1 chiều DN50 - Việt Nam				
5	Van 1 chiều lò xo DN65 - Việt Nam				
IV	**Nhân công**				
1	Nhân công thi công	ht	1		
	Giếng, bể nước, điện đầu vào đến đầu sân là do chủ đầu tư cấp				
B	**HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHO GREEN VÀ HỒ CÁT**				
1	Ống thoát D140	m	235,3		
2	Ống thoát D90	m	203		
	Gồm thi công và hoàn thiện đào rãnh, rải lớp đá dăm lót dưới, lắp đặt ống thẩm				
C	**CỎ LÁ GỪNG MẶT SÂN GOLF**	m2	13.420		
	Bao gồm cung cấp, trồng và chăm sóc cỏ lá gừng(trong vòng 60 ngày) cho khu vực sân tập golf (không kể khu vực green)				
D	**GREEN (SL: 03) DT: 748,9m2**				
1	Đắp cát đen trồng cỏ, dày TB 1m, hệ số lu lèn 1,22	m3	915		
2	Cỏ Bermuda	m2	750		
3	Thuốc diệt cỏ dại	gói	1		
4	Phân bón	gói	1		
5	Trồng cỏ	m2	750		
6	Vật tư phụ, hao phí máy móc	gói	1		
7	Gói chăm sóc và chuyển giao CN trong 02 tháng	gói	1		
8	Gói lu đầm lèn chặt cát green	gói	1		
E	**BUNKER (SL: 05) DT :282,5m2**				
1	Cát mịn đắp dày 70cm	m3	197,40		
2	Cọc gỗ 30a500 dài 1,2m	cọc	406		
3	Đinh 5 cài vải địa	kg	10		
4	Vải địa KT lót đáy	m2	599,9		
5	Nhân công thi công	gói	1		

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
F	**THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG**				
1	Cung cấp và lắp đèn chiếu sáng với thông số kỹ thuật sau: Đèn pha 1000 W Metal (ánh sáng trắng) (trọn bộ) Model: STORM-1000 METAL (chiếu rộng) Hiệu: Eurogroup Lighting, tiêu chuẩn Iso 9001:2000 Thân đèn bằng nhôm đúc chịu áp lực cao, sơn tĩnh điện. Phản quang không đối xứng hoặc bất đối xứng, bằng nhôm tinh khiết xử lý anot hoá bề mặt, kính đèn thuỷ tinh cường lực an toàn chịu nhiệt, đuôi đèn E40. Độ kín IP65, cấp bảo vệ Class1 (Bộ điện và bóng nhập khẩu chính hãng Philips) ***(Toàn bộ đường dây, hệ thống điện tới chân cột và các thiết bị khác do CĐT cấp)***	bộ	4		
2	Aptomat MCB 1P-5A 1P-5A	cái	2		
3	Cột mắc đèn, trụ thép, cao 5m, bao gồm cả móng	trụ	2		
	Trường hợp CĐT cho phép gắn đèn lên mái nhà phát bóng => sẽ bỏ hạng mục này trong giá trị hợp đồng				
G	**LƯỚI**				
1	Lưới căng: Kích thước mắt lưới 2,5cm Chất liệu: HDPE xuất xứ: Đài Loan UV: 2% Khả năng chịu nắng mưa : >7 năm Màu : xanh green; Bảo hành độ mục của lưới: 3 năm; Cáp phi 8, ốc siết cáp, tăng đơ, chỉ, vật tư phụ, nhân công thi công…; Độ chùng của lưới 15%	m2	4.313		
H	**THIẾT BỊ GOLF**				
1	Chipping net	bộ	2		
2	Bảng báo hiệu Yard: khung bằng inox, bề mặt bằng nhựa dẻo, có in số	cái	5		
3	Tee cao su: làm bằng cao su dẻo chịu lực	cái			
4	**Lỗ golf:** Chất liệu : inox hoặc nhôm Kích thước : 17 x 10,8 cm Đường kính lỗ cắm cột cờ: 19,3mm hoặc 27mm **Cột cờ:** Được làm bằng Sợi thủy tinh (khoảng 1,8 m, 2,1 m, 2,4 m) cột cờ màu trắng và màu vàng. **Lá cờ:** Có in ấn LOGO đơn sắc. Màu sắc: đỏ, vàng, xanh, trắng. Kích thước: W178mm x H152mm.	bộ	4		
5	Bóng tập golf: đường kính 42,6mm, nặng 42-44g, nguyên liệu cao su, in logo, bóng mới, bảo hành 1000 lần phát	bóng	1.000		
6	Khay đựng bóng dài kích thước 25x80x5cm	cái	6		
7	Thảm phát banh - xuất xứ Đài Loan, bảo hành 12 tháng	cái	6		
	Tổng cộng (A+B+…+H)				**1.541.322.311**
	Lán trại 1% x G				15.413.223
	Chi phí quản lý 2,125% x G				32.753.099
	Cộng				**1.589.488.633**
	VAT				158.948.863
	Tổng cộng				**1.748.437.000**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Số: ...88B.../2017/HĐTC/LCT/FLC-LCT

GÓI THẦU:	**CUNG CẤP VẬT TƯ VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ TRỤ - LƯỚI**
CÔNG TRÌNH:	**SÂN TẬP GOLF**
DỰ ÁN:	**QUẦN THỂ TRUNG TÂM HỘI NGHỊ, KHU DỊCH VỤ, DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG VÀ BIỆT THỰ NGHỈ DƯỠNG FLC HẠ LONG**
ĐỊA ĐIỂM:	**THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Và

CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH

CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Theo thỏa thuận của Các Bên.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 25 tháng 06 năm 2017, tại trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC, chúng tôi gồm:

1. CHỦ ĐẦU TƯ

Tên giao dịch	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**
Đại diện	:	Ông **ĐẶNG TẤT THẮNG**
Chức vụ	:	Phó Tổng Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 20/GUQ-TGĐ ký ngày 20/04/2017)
Địa chỉ	:	Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại	:	04 37711111
Tài khoản số	:	000068866668 tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh (PVComBank – Chi nhánh Quảng Ninh)
Mã số thuế	:	0102683813

*(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")*

2. NHÀ THẦU:

Tên giao dịch	:	**CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH**
Đại diện	:	Bà **HÀ LÊ THÙY QUYÊN**
Chức vụ	:	Giám đốc
Địa chỉ	:	Số 39/1 Thống Nhất, Phường 11, Quận Gò Vấp, TPHCM
Điện thoại	:	08.39212641 Fax: 08.39212640
Tài khoản số	:	6321201003576 Mở tại: Ngân Hàng Agribank, CN Bắc Sài Gòn
Mã số thuế	:	0309542696

*(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")*

*Bên A và Bên B, sau đây được gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**" và gọi riêng là **"Bên"** hoặc "**Mỗi Bên**", tùy theo ngữ cảnh.*

Các Bên đã bàn bạc, thoả thuận và cùng thống nhất ký kết hợp đồng thi công này với những điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong hợp đồng thi công này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. Dự Án: được hiểu là dự án Quần thể Trung tâm hội nghị, Khu dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự nghỉ dưỡng FLC Hạ Long có địa chỉ từ đồi cột 3 đến đồi cột 8, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

1.2. **Công Trình:** được hiểu là Sân tập golf thuộc Dự Án.

1.3. **Gói thầu:** được hiểu là Gói thầu Cung cấp Vật Tư và thi công lắp đặt hệ trụ - lưới cho Công Trình thuộc Dự Án.

1.4. **Công Trường:** được hiểu là địa điểm Bên A giao cho Bên B để thi công Công Trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong Hợp Đồng.

1.5. **Hợp Đồng:** được hiểu là hợp đồng thi công này, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo được ký kết bởi Bên A và Bên B và tất cả các văn bản khác được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của hợp đồng kể cả những văn bản chưa được liệt kê là tài liệu của hợp đồng tại thời điểm ký kết.

1.6. **Công Việc:** được hiểu là các công việc mà Bên B có nghĩa vụ phải thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, các phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và các công việc khác để hoàn thiện các công việc thuộc nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc quy định của pháp luật.

1.7. **Giá Trị Hợp Đồng:** được hiểu là tổng số tiền tạm tính nêu tại Điều 9.1 Hợp Đồng mà Bên A phải thanh toán cho Bên B khi Bên B thực hiện các Công Việc theo Hợp Đồng này.

1.8. **Giá Trị Quyết Toán:** được hiểu là tổng số tiền mà Bên A thanh toán cho các Công Việc Bên B hoàn thành trên thực tế và được Bên A nghiệm thu.

1.9. **Vật Tư**: được hiểu là vật tư và/hoặc vật liệu và/hoặc thiết bị và/hoặc hàng hóa và/hoặc sản phẩm hoàn thiện được Bên B sản xuất và/hoặc gia công và/hoặc cung cấp cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.

1.10. **Đại Diện Chủ Đầu Tư/Đại Diện Bên A:** được hiểu là người được Bên A nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Bên A ủy quyền/chỉ định thay mặt cho Bên A thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng này.

1.11. **Đại Diện Nhà Thầu/Đại Diện Bên B:** được hiểu là người được Bên B nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Bên B ủy quyền/chỉ định thay mặt cho Bên B thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng này.

1.12. **Nhà Thầu Phụ:** được hiểu là tổ chức hay cá nhân giao kết hợp đồng với Bên B để trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công Việc của Bên B.

1.13. **Nhân Lực:** được hiểu là cá nhân chịu sự quản lý về lao động của Bên A và/hoặc của Bên B có đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện Công Việc theo quy định của Hợp Đồng này.

1.14. **Nhà Tư Vấn (nếu có):** được hiểu là tổ chức, cá nhân do Bên A ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện các Công Việc của Hợp Đồng. Nhà Tư Vấn có thể là tư vấn quản lý dự án hoặc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

1.15. **Đại Diện Nhà Tư Vấn (nếu có):** được hiểu là người được Nhà Tư Vấn uỷ quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà Tư Vấn giao.

1.16. **Thiết Bị Thi Công:** được hiểu là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Bên B thi công và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.17. **Bên Thứ Ba:** được hiểu là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp Đồng này.

1.18. **Ngày** hoặc **ngày:** được hiểu là ngày dương lịch và **Tháng** hoặc **tháng:** được hiểu là tháng dương lịch.

1.19. **Ngày Làm Việc:** được hiểu là bất kỳ ngày nào, trừ Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.20. **Sự Kiện Bất Khả Kháng:** được hiểu là sự kiện được quy định tại Điều 18.1 của Hợp Đồng.

1.21. **Pháp Luật:** được hiểu là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

ĐIỀU 2. HỒ SƠ CỦA HỢP ĐỒNG

2.1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu làm căn cứ ký kết Hợp Đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này; các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung của Hợp Đồng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến việc ký kết, thực hiện Hợp Đồng được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của hồ sơ hợp đồng kể cả những văn bản chưa được liệt kê là tài liệu của hồ sơ hợp đồng tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này.

2.2. Các tài liệu trong Hồ sơ Hợp Đồng và giá trị pháp lý của các tài liệu này được xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Các tài liệu và các phụ lục bổ sung khác được Các Bên ký kết trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.

b) Hợp Đồng và các phụ lục của Hợp Đồng.

c) Các tài liệu khác có liên quan.

ĐIỀU 3. THÔNG BÁO VÀ YÊU CẦU

3.1. Các thông báo, chấp thuận, quyết định hoặc bất cứ việc truyền đạt thông tin nào khác do một trong Các Bên đưa ra phải được thể hiện bằng hình thức văn bản và được chuyển đến Bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc thư điện tử theo địa chỉ Các Bên đã quy định thống nhất tại phần đầu Hợp Đồng này.

3.2. Thông báo bằng văn bản nêu trên được coi là đã nhận sau khi gửi (trong trường hợp gửi trực tiếp), sau khi có tín hiệu báo hiệu việc truyền fax được thực hiện thành công, xác nhận của Bên nhận về việc đã nhận được thư điện tử hoặc sau 03 (*ba*) ngày kể từ ngày gửi thư bảo đảm.

3.3. Trong thời hạn 03 (*ba*) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Bên nhận thông báo không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Bên gửi thông báo, thì coi như Bên nhận thông báo đã chấp nhận những nội dung được ghi trong thông báo, trừ trường hợp có quy định khác trong Hợp Đồng này.

3.4. Bất kỳ Bên nào của Hợp Đồng này có thể thay đổi địa chỉ và người nhận thông báo bằng cách gửi thông báo đến Bên còn lại trong thời hạn 03 (*ba*) ngày trước ngày dự kiến thay đổi. Nếu Bên thay đổi thông tin liên lạc mà không thông báo cho Bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi thông tin mà không thông báo.

ĐIỀU 4. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG

4.1. Hợp Đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp Đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

ĐIỀU 5. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

5.1. Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng

Không áp dụng

5.2. Bảo lãnh tạm ứng

Bên B có trách nhiệm nộp cho Bên A một bảo lãnh để đảm bảo Bên B sẽ hoàn trả cho Bên A tiền tạm ứng ("**Bảo Lãnh Tạm Ứng**") có giá trị bằng tổng giá trị Bên B đề nghị tạm ứng. Bảo Lãnh Tạm Ứng được phát hành bởi một Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam và có nội dung được Bên A chấp thuận. Bảo Lãnh Tạm Ứng có hiệu lực trong vòng 60 (*sáu mươi*) ngày kể từ ngày Bảo Lãnh Tạm Ứng có hiệu lực hoặc đến khi Bên A thu hồi hết giá trị tạm ứng tùy điều kiện nào đến sau. Tối thiểu 05 (*năm*) ngày trước ngày Bảo Lãnh Tạm Ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B và Bên B có trách nhiệm thực hiện thủ tục để Ngân hàng phát hành bảo lãnh gia hạn thời hạn của Bảo Lãnh Tạm Ứng. Giá trị của Bảo Lãnh Tạm Ứng được gia hạn tương đương với giá trị tạm ứng còn lại mà Bên A chưa thu hồi. Chi phí liên quan đến việc phát hành và gia hạn Bảo Lãnh Tạm Ứng do Bên B thanh toán.

ĐIỀU 6. PHẠM VI VÀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

6.1 Phạm vi Công Việc:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện Công Việc: Cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ trụ - lưới cho Công trình thuộc Dự Án theo Bản vẽ thiết kế đã được phê duyệt,bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

a) Cung cấp vật tư và thi công lắp đặt kết cấu thép trụ cho Công Trình

b) Cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ lưới cho Công Trình

c) Sửa chữa sai sót và hoàn thành Công Việc theo đúng Bản vẽ thiết kế được duyệt và bàn giao cho Bên A.

Phạm vi Công Việc Bên B thực hiện được quy định chi tiết tại Phụ Lục số 01.

6.2 Khối lượng Công Việc:

a) Khối lượng Công Việc Bên B thực hiện được quy định chi tiết tại Phụ Lục số 01 của Hợp Đồng này.

b) Trong quá trình thực hiện Công Việc, tùy theo tiến độ và chất lượng Công Việc mà Bên B thực hiện, Bên A có quyền thêm hoặc cắt bỏ một phần hoặc toàn bộ khối lượng Công Việc mà Bên B thực hiện và sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 07 (*bảy*) ngày trước khi thực hiện và Bên B phải tuân thủ theo quyết định đó của Bên A mà không được đưa ra bất kỳ lý do gì để trì hoãn hoặc gây chậm trễ thực hiện.

c) Đối với khối lượng Công Việc tăng thêm phải được Hai Bên thống nhất bằng văn bản (có chữ ký của Đại Diện Bên A) về đơn giá và tiến độ trước khi thực hiện. Bên A sẽ xem xét và phê duyệt khối lượng và giá trị phát sinh trong vòng từ 03 (*ba*) đến 05 (*năm*) Ngày Làm Việc.

ĐIỀU 7. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG, NGHIỆM THU, BÀN GIAO VÀ BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

7.1 Yêu cầu về chất lượng

a) Bên B chịu trách nhiệm thực hiện Công Việc theo bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật đã được Bên A và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh môi trường theo quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu của Bên A.

b) Yêu cầu chất lượng Vật Tư:

i. Vật Tư phải đảm bảo đúng chủng loại theo quy định tại Phụ Lục số 01; đúng tiêu chuẩn kỹ thuật được Bên A chấp nhận; có chất lượng như trong hồ sơ thiết kế và phải được Bên A phê duyệt trước khi đưa vào thi công;

ii. Đối với Vật Tư nhập khẩu bắt buộc phải có các chứng từ sau: Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) của nhà sản xuất (bản gốc hoặc bản photo có đóng dấu sao y của Bên B). Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) (bản photo có đóng dấu sao y của bên B);

iii. Đối với Vật Tư khác: phải có Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) (bản gốc hoặc bản photo có đóng dấu sao y của bên B);

iv. Vật Tư thép tấm, thép hình phải được lấy mẫu thí nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng có sự chứng kiến của Bên A và/hoặc Nhà Tư Vấn. Việc thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định. Số lượng và chủng loại thí nghiệm tuân theo quy định hiện hành. Toàn bộ các chi phí thí nghiệm, kiểm nghiệm sẽ do Bên B chịu;

v. Những Vật Tư không bảo đảm về chủng loại, chất lượng, các tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như bản vẽ thiết kế, v.v…buộc phải di chuyển khỏi Công Trường ngay khi Bên A yêu cầu. Trường hợp Bên B không chấp thuận

chuyển số Vật Tư không đạt yêu cầu trên, Bên A sẽ thuê Bên Thứ Ba thực hiện. Chi phí để trả cho Bên Thứ Ba sẽ do Bên B thanh toán hoặc được trừ vào giá trị thanh toán của Bên B.

c) Thiết Bị Thi Công:

Thiết Bị Thi Công đưa vào Công Trường phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý; đảm bảo đã được kiểm định và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của pháp luật, giấy tờ kiểm định còn hiệu lực sử dụng. Những Thiết Bị Thi Công không bảo đảm các yêu cầu trên buộc phải di chuyển khỏi Công Trường ngay khi Bên A yêu cầu. Chi phí cho việc di dời này sẽ do Bên B chịu. Trường hợp Bên B không chấp thuận di chuyển số Thiết Bị Thi Công không đạt yêu cầu ra khỏi Công Trường, Bên A sẽ thuê Bên Thứ Ba thực hiện. Chi phí để trả cho Bên Thứ Ba sẽ do Bên B thanh toán hoặc được trừ vào giá trị thanh toán của Bên B.

d) Biện pháp thi công

Trong vòng 05 *(năm)* ngày sau khi ký Hợp Đồng, Bên B phải lập và trình cho Bên A biện pháp thi công để Bên A phê duyệt. Biện pháp thi công bao gồm phương án tổ chức thi công, tập kết Vật Tư, sắp xếp Thiết Bị Thi Công tại Công Trường; phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động xung quanh; phù hợp với yêu cầu công nghệ, tiến độ cung cấp Vật Tư, Thiết Bị Thi Công; phù hợp với tiến độ xây dựng và điều kiện thực tế tại Công Trường.

7.2 Kiểm tra, giám sát của Bên A

Bên A, Nhà Tư Vấn có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Bên B liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng. Đối với các phần Công Việc sau khi Bên B thực hiện xong mà phần Công Việc đó bị phủ lấp, phá dỡ hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển đi, thì Bên B phải thông báo cho Bên A và/hoặc Nhà Tư Vấn để kiểm tra, nghiệm thu trước khi phần Công Việc đó bị phủ lấp, phá dỡ hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển đi. Trường hợp Bên B không thông báo thì phần Công Việc đó coi như không được chấp nhận, trừ trường hợp Bên A có quyết định khác.

7.3 Nghiệm thu các Công Việc hoàn thành và bàn giao Hạng Mục Công Trình

a) Sau khi một phần hoặc toàn bộ các Công Việc theo Hợp Đồng được hoàn thành, đáp ứng yêu cầu của Hợp Đồng thì Bên B sẽ thông báo cho Bên A, Nhà Tư Vấn để tiến hành nghiệm thu Công Việc. Trong vòng 05 *(năm)* ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu nghiệm thu của Bên B, Bên A/Nhà Tư Vấn phải cử người tham gia nghiệm thu Công Việc.

b) Bên A, Nhà Tư Vấn chỉ nghiệm thu các Công Việc của Hợp Đồng khi các Công Việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 7.1 nêu trên và quy định khác của Hợp Đồng. Nếu Bên A không đồng ý nghiệm thu, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản trong đó nêu cụ thể lý do không nghiệm thu và những công việc mà Bên B cần phải làm để được cấp Biên bản nghiệm thu.

c) Căn cứ nghiệm thu Công Việc: Hồ sơ Hợp Đồng; thiết kế được duyệt và sửa đổi thiết kế được duyệt (nếu có); biện pháp thi công đã được Bên A phê duyệt (nếu có); các văn bản quy phạm pháp luật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các hồ sơ tài liệu khác có liên quan (nếu có).

d) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm:

i. Đại Diện Bên A;

ii. Đại Diện Bên B;

iii. Đại Diện Nhà Tư Vấn (nếu có);

iv. Bên Thứ Ba khác theo yêu cầu của Bên A và/hoặc theo quy định của pháp luật (nếu có).

e) Biên bản nghiệm thu phải có tối thiểu các nội dung sau: Đối tượng nghiệm thu; thành phần trực tiếp nghiệm thu; thời gian và địa điểm nghiệm thu; kết luận nghiệm thu (đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu); chữ ký, họ tên, chức vụ người tham gia nghiệm thu và đóng dấu pháp nhân của các bên nghiệm thu.

f) Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

i. Nhật ký thi công, hồ sơ hoàn công hoặc bản vẽ sơ họa hoàn công: bản gốc;

ii. Biên bản nghiệm thu chất lượng Công Việc Bên B hoàn thành có xác nhận của Bên A, Nhà Tư Vấn: bản gốc;

iii. Đối với Vật Tư nhập khẩu: Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) (bản gốc hoặc bản photo có đóng dấu sao y của bên B), Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) (bản photo có đóng dấu sao y của bên B);

iv. Đối với Vật Tư khác: Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) (bản gốc hoặc bản photo có đóng dấu sao y của bên B);

v. Kết quả thí nghiệm Vật Tư: bản gốc.

g) Sau khi Công Việc đủ điều kiện để nghiệm thu toàn bộ, Hai Bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao Hạng Mục Công Trình hoàn thành và đưa vào sử dụng ("**Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Hạng Mục Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng**").

7.4 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu và/hoặc Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Hạng Mục Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng, Mỗi Bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện ghi trong biên bản nghiệm thu/Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Hạng Mục Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng tại thời điểm đó. Hợp Đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

7.5 Trách nhiệm của Bên B đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Bên B phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu/Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Hạng Mục Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng. Trường hợp biên bản nghiệm thu/Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Hạng Mục Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng không quy định về ngày hết hạn sửa chữa sai sót, Bên A sẽ ấn định và thông báo cho Bên B về ngày để hoàn thành việc sửa chữa các sai sót hay hư hỏng này. Thời gian Bên A ấn định để Bên B sửa chữa các sai sót không được hiểu là Bên A gia hạn thời hạn hoàn thành Công Việc của Bên B và cũng không được hiểu là Các Bên thỏa thuận lại thời hạn hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng. Nếu thời gian sửa chữa sai sót dẫn đến việc Bên B chậm hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng thì Bên B sẽ bị phạt theo quy định của Hợp Đồng.

b) Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay tồn đọng trong khoảng thời gian quy định tại Điểm (a) Điều này, Bên A có thể tự tiến hành Công Việc hoặc thuê Bên Thứ Ba thực hiện theo cách thức hợp lý và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan. Chi phí này được Bên B thanh toán hoặc được khấu trừ vào giá trị thanh toán của Bên B theo yêu cầu của Bên A; trường hợp giá trị thanh toán của Bên B không đủ để khấu trừ thì Bên B phải thanh toán phần còn thiếu cho Bên A trong thời hạn Bên A yêu cầu, nếu chậm thanh toán Bên B phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng tại thời điểm chậm trả tính trên số tiền và số ngày chậm trả. Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa hay giải quyết tồn đọng do Bên A tự thực hiện hoặc thuê Bên Thứ Ba thực hiện nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng.

c) Nếu những sai sót hoặc hư hỏng do lỗi của Bên B dẫn đến việc Bên A bị mất toàn bộ lợi ích từ Công Trình hay phần lớn Công Trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định, Bên B sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A phát sinh từ những sai sót hoặc tồn đọng trên.

7.6 Bảo hành Hạng Mục Công Trình

a) Bên B có trách nhiệm bảo hành Hạng Mục Công Trình (bao gồm bảo hành Vật Tư và bảo hành công tác thi công) trong thời hạn 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày Hai Bên ký vào Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Hạng Mục Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng. Đối với những Vật Tư có thời hạn bảo hành dài hơn 12 (*mười hai*) tháng theo quy định của nhà sản xuất, thì thời hạn bảo hành của Vật Tư đó sẽ được áp dụng theo thời hạn bảo hành do nhà sản xuất quy định.

Bên B bảo hành việc thi công lắp ráp lưới bao gồm nhưng không giới hạn bởi các lỗi sau:

- *Lỗi do cáp bị tuột, bị rơi làm cho lưới tuột và rơi theo;*

- *Lỗi do kỹ thuật thi công của Bên B.*

Đồng thời, Bên B cũng sẽ bảo hành độ mục của lưới cho Bên A trong thời gian là 10 năm. Các lỗi được tính đến trong bảo hành là các lỗi do lưới tự nhiên có thể bị kéo đứt nhiều trên diện rộng và cục bộ bởi một lực tác động nhỏ bằng tay thông thường.

Ngoài ra các lỗi khác Bên B sẽ không chịu trách nhiệm, như là lỗi do tác động bên ngoài, lỗi do tiêu chuẩn của các trụ không đạt yêu cầu, trụ đổ, trụ gãy, lưới bị cắt, bị đốt nóng, thiên tai, động đất, bão giật, gió to làm rơi và rách lưới….

b) Trong thời gian bảo hành, Bên B phải tiến hành khắc phục, sửa chữa sai sót trong vòng 05 *(năm)* ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B. Quá thời hạn trên mà Bên B không cử người sửa chữa kịp thời hoặc Bên B đã cố gắng mà không thể khắc phục được những sai sót đó, Bên A sẽ thuê Bên Thứ Ba để thực hiện công việc sửa chữa. Chi phí để sửa chữa những sai sót này sẽ được trừ trực tiếp vào Bảo Lãnh Bảo Hành (nếu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Bảo Lãnh Bảo Hành) của Bên B và/hoặc được thanh toán từ Bên B. Trong trường hợp Bảo Lãnh Bảo Hành không đủ để chi trả chi phí này, Bên B có nghĩa vụ chi trả thêm phần còn thiếu trong vòng 07 (*bảy*) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thanh toán từ của Bên A, nếu chậm thanh toán Bên B phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng tại thời điểm chậm trả tính trên số tiền và số ngày chậm trả.

c) Bên B có trách nhiệm nộp cho Bên A một Bảo lãnh bảo hành ("**Bảo Lãnh Bảo Hành**") có giá trị bằng 5% *(năm phần trăm)* Giá Trị Quyết Toán sau khi Bên A ký duyệt Giá Trị Quyết Toán cuối cùng của Hợp Đồng. Bảo Lãnh Bảo Hành được phát hành bởi một Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam và có nội dung được Bên A chấp thuận. Bảo Lãnh Bảo Hành có hiệu lực trong vòng 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày Bảo Lãnh Bảo Hành có hiệu lực hoặc cho đến khi Bên B hoàn thành trách nhiệm bảo hành Công Trình theo quy định tại Hợp Đồng, tùy thời điểm nào đến sau. Tối thiểu 05 *(năm)* ngày trước ngày Bảo Lãnh Bảo Hành hết hiệu lực mà Bên B vẫn chưa hoặc không hoàn thành trách nhiệm bảo hành của mình thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B và Bên B có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để Ngân hàng phát hành bảo lãnh gia hạn thời hạn của Bảo Lãnh Bảo Hành theo yêu cầu của Bên A và trong mọi trường hợp, thời gian gia hạn sẽ không ít hơn 01 *(một)* tháng. Chi phí cho việc phát hành và gia hạn Bảo Lãnh Bảo Hành do Bên B thanh toán.

ĐIỀU 8. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

8.1. Ngày bắt đầu và thời gian thực hiện Công Việc

a) Ngày bắt đầu thực hiện Công Việc là ngày Hợp Đồng có hiệu lực, Bên A bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Bên B (có Biên bản bàn giao mặt bằng kèm theo) và Bên A chuyển tiền tạm ứng cho Bên B tùy theo điều kiện nào đến sau ("**Ngày Bắt Đầu**").

b) Bên B sẽ bắt đầu thực hiện Công Việc ngay sau Ngày Bắt Đầu và sẽ thực hiện

Công Việc đúng thời gian quy định trong Hợp Đồng mà không được chậm trễ.

c) Bên B phải hoàn thành toàn bộ Công Việc của Hợp Đồng và bàn giao cho bên A trong vòng 45 (*bốn mươi lăm*) ngày kể từ Ngày Bắt Đầu. Thời gian hoàn thành toàn bộ Công Việc nêu trên đã bao gồm thời gian giải quyết các sai sót, tồn đọng quy định tại Điều 7.5 Hợp Đồng.

d) Thời gian làm việc của Bên B được hiểu là 24 giờ trên ngày và 07 ngày 1 tuần. Trong trường hợp Bên B không làm ngoài giờ thì phải thông báo cho Bên A trước 17 giờ cùng ngày và phải có lý do được Bên A chấp nhận là hợp lý.

8.2. Gia hạn thời gian hoàn thành

a) Bên B được quyền yêu cầu Bên A gia hạn thời gian hoàn thành Công Việc nếu xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Có sự thay đổi phạm vi Công Việc, thay đổi thiết kế hoặc biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Công Việc;
- Do Bên A thay đổi chủng loại, quy cách, chất lượng của Vật Tư khác so với quy định tại Hồ sơ Hợp Đồng;
- Do ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng như quy định tại Điều 18.1 Hợp Đồng;
- Các nguyên nhân gây chậm trễ do Bên A và/hoặc các nhà thầu khác của Bên A trên Công Trường gây ảnh hưởng đến việc thực hiện Công Việc của Bên B (Bên B phải chứng minh sự ảnh hưởng này), trừ trường hợp do lỗi của Bên B;
- Các trường hợp khác theo quy định của Hợp Đồng.

b) Việc gia hạn thời gian hoàn thành Công Việc chỉ được thực hiện khi có sự xác nhận bằng văn bản của Hai Bên.

8.3. Tiến độ thực hiện Công Việc:

Trong vòng 05 *(năm)* ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng, , Bên B sẽ phải đệ trình cho Bên A, Nhà Tư Vấn bản tiến độ chi tiết bao gồm:

a) Trình tự thực hiện Công Việc của Bên B và thời gian dự tính cho mỗi giai đoạn chính, bao gồm nhưng không giới hạn: Chuẩn bị tài liệu của Bên B, Vật Tư, Thiết Bị Thi Công, quá trình và thời gian thử nghiệm khi hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ Công Việc, nghiệm thu, bàn giao, v.v...

b) Báo cáo bổ trợ bao gồm:

- Các chi tiết cho thấy sự ước tính hợp lý của Bên B về số lượng mỗi loại Nhân Lực và mỗi loại Thiết Bị Thi Công cần thiết để thực hiện Công Việc cho mỗi giai đoạn chính; Phương án thay thế Thiết Bị Thi Công trong trường hợp các Thiết Bị Thi Công được đưa đến Công Trường bị hỏng hóc lớn ảnh hưởng đến tiến độ thi công;
- Thời điểm hoàn thành mỗi khu vực để phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp Đồng do Bên A phê duyệt;

c) Nếu bản tiến độ chi tiết do Bên B lập không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc nghĩa vụ của Bên B, trong vòng 03 *(ba)* ngày kể từ ngày nhận được thông báo

yêu cầu sửa đổi của Bên A, Bên B phải lập và trình cho Bên A bản tiến độ chi tiết đã được sửa đổi. Sau khi bản tiến độ chi tiết được Bên A phê duyệt thì Bên B phải thực hiện theo đúng bản tiến độ đó.

8.4. Báo cáo tiến độ

a) Tại các cuộc họp giao ban, Bên B chuẩn bị và nộp cho Bên A và/hoặc Nhà Tư Vấn báo cáo về tiến độ thực hiện của những ngày trước đó cũng như kế hoạch thực hiện các phần việc tiếp theo. Việc báo cáo phải liên tục cho tới khi Bên B hoàn thành toàn bộ Công Việc.

b) Mỗi báo cáo phải thể hiện: vị trí của các khu vực đã hoàn thành, so sánh giữa tiến độ thực tế với tiến độ theo kế hoạch, cùng với chi tiết của mọi sự việc hoặc tình huống có thể cản trở cho việc hoàn thành theo Hợp Đồng, và các biện pháp đang (hoặc sẽ) được áp dụng để khắc phục sự chậm trễ.

8.5. Kiểm soát tiến độ

Nếu, bất cứ lúc nào:

a) Tiến độ thực tế quá chậm để hoàn thành Công Việc trong khoảng thời gian hoàn thành; và/hoặc

b) Tiến độ đã bị hoặc sẽ bị chậm hơn so với tiến độ thực hiện Công Việc đó theo bảng tiến độ chi tiết;

mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong Điều 8.2, khi đó Bên A hoặc Nhà Tư Vấn có thể yêu cầu Bên B trình một bản tiến độ được sửa đổi và báo cáo mô tả các biện pháp được sửa đổi mà Bên B đề xuất áp dụng để thực hiện tiến độ và hoàn thành trong thời gian hoàn thành. Trừ khi Bên A có thông báo khác, Bên B sẽ áp dụng những phương pháp đã được sửa đổi này, như: có thể yêu cầu tăng số giờ làm việc và số lượng Nhân Lực của Bên B và/hoặc Vật Tư (nếu có), v.v.. Mọi rủi ro và chi phí tăng thêm cho Bên A do việc điều chỉnh này sẽ do Bên B chi trả.

ĐIỀU 9. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

9.1 Giá Trị Hợp Đồng

a) Giá Trị Hợp Đồng đã bao gồm thuế GTGT 10% là: **2.266.533.801 VND**

(Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm lẻ một đồng).

Chi tiết Giá Trị Hợp Đồng được nêu tại Phụ Lục số 01.

b) Đơn giá Hợp Đồng:

i. Đơn giá những công việc tại Phụ Lục số 01 ("**Đơn Giá**") là cố định trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng. Đơn Giá sẽ không thay đổi theo bất kỳ sự trượt giá nào về Vật Tư hay nhân công, tỷ giá hay sự thay đổi về chính sách thuế của nhà nước. Đơn Giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để Bên B hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;

ii. Đơn Giá được áp dụng cho các công việc phát sinh có tính chất tương tự. Đơn giá cho những công việc phát sinh khác sẽ do Hai Bên thỏa thuận căn cứ trên cách tính của Đơn Giá và quy định của pháp luật hiện hành. Nếu trong Hợp Đồng không có mức giá nào áp dụng được cho công việc thay đổi/bổ sung thì Bên B sẽ đệ trình mức giá và biện pháp thực hiện cho các công việc thay đổi/bổ sung. Bên A sẽ xem xét, kiểm tra và thông báo bằng văn bản cho Bên B việc chấp thuận (nếu Bên A chấp thuận).

c) Đơn Giá được điều chỉnh trong những trường hợp sau:

i. Bên A thay đổi phạm vi Công Việc của Hợp Đồng;

ii. Bên A thay đổi phương án thiết kế làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Công Việc của Bên B;

iii. Bên A thay đổi chủng loại, xuất xứ hay chất lượng của Vật Tư khác với quy định tại Hợp Đồng;

iv. Trường hợp khác được Bên A chấp thuận.

9.2 Tạm ứng:

a) Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% (*ba mươi phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng chưa bao gồm thuế GTGT trong vòng 05 *(năm)* Ngày Làm Việc sau khi Bên A nhận được từ Bên B đủ hồ sơ sau đây:

i. Hợp Đồng đã được Hai Bên ký kết: bản photo;

ii. Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B: bản gốc;

iii. Bảo Lãnh Tạm Ứng: bản gốc.

b) Bên A sẽ tiến hành việc thu hồi tiền tạm ứng ngay từ lần thanh toán đầu tiên và sẽ thu hồi hết toàn bộ tiền tạm ứng trước khi tổng giá trị Bên B hoàn thành đạt 60% *(sáu mươi phần trăm)* Giá Trị Hợp Đồng. Tỷ lệ thu hồi tiền tạm ứng mỗi lần thanh toán bằng 30% *(ba mươi phần trăm)* giá trị Công Việc Bên B hoàn thành của lần thanh toán đó.

9.3 Thanh toán

Sau khi Bên B hoàn thành một phần hoặc toàn bộ Hạng Mục Công Trình, Hai Bên sẽ cùng lập Biên bản xác nhận khối lượng Công Việc Bên B hoàn thành được Bên A, Nhà Tư Vấn nghiệm thu.Trong vòng 05 (*năm*) ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán của Bên B, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 85% (*tám mươi lăm phần trăm*) giá trị Công Việc Bên B hoàn thành và trừ đi các khoản tiền sau: giá trị thu hồi tiền tạm ứng như quy định tại Điều 9.2.(b) Hợp Đồng.

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Hồ sơ nghiệm thu theo quy định tại Điều 7.3 (f) tương ứng với từng giai đoạn thanh toán;

- Biên bản xác nhận khối lượng Công Việc Bên B hoàn thành có xác nhận của Bên A, Nhà Tư Vấn;
- Bảng tính giá trị Công Việc Bên B hoàn thành có xác nhận của Bên A;
- Công văn đề nghị thanh toán được ký và đóng dấu bởi đại diện hợp pháp của Bên B;
- Hóa đơn tài chính hợp lệ tương ứng giá trị Công Việc hoàn thành (bao gồm cả giá trị thu hồi tiền tạm ứng tương ứng).

Số lượng hồ sơ thanh toán: 02 (*hai*) bộ gốc và 02 (*hai*) bộ sao.

Số lần thanh toán: Tối đa 02 *(hai)* lần

Bên A được quyền yêu cầu Bên B chỉnh sửa hồ sơ thanh toán 01 (*một*) lần duy nhất (nếu có). Sau khi Bên A yêu cầu Bên B chỉnh sửa mà Bên B chỉnh sửa chưa đạt yêu cầu của Bên A thì Bên A có quyền từ chối việc thanh toán cho đến khi Bên B hoàn thiện hồ sơ thanh toán.

9.4 Quyết toán:

a) Trong vòng 07 *(bảy)* Ngày Làm Việc kể từ ngày Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Hạng Mục Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng được Các Bên xác nhận theo quy định, Bên B phải trình cho Bên A 05 *(năm)* bộ gốc hồ sơ quyết toán Hợp Đồng với các tài liệu được trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên A đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Hồ sơ quản lý chất lượng cho toàn bộ Công Việc của Hợp Đồng theo mẫu Bên A ban hành;
- Bảng tính khối lượng Công Việc Bên B hoàn thành có xác nhận của Bên A, Nhà Tư Vấn bao gồm cả phần phát sinh ngoài phạm vi của Hợp Đồng;
- Bảng tính Giá Trị Quyết Toán Hợp Đồng có xác nhận của Bên A (trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A còn phải thanh toán);
- Hóa đơn tài chính hợp lệ tương đương với Giá Trị Quyết Toán và trừ đi giá trị đã xuất hóa đơn tại các lần thanh toán trước đó;
- Bảo Lãnh Bảo Hành;
- Công văn đề nghị quyết toán của Bên B;
- Các tài liệu khác (nếu có) theo thoả thuận trong Hợp Đồng.

b) Bên A sẽ kiểm tra hồ sơ quyết toán cho Bên B trong vòng 14 *(mười bốn)* Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán như trên. Bên A được quyền yêu cầu Bên B chỉnh sửa hồ sơ quyết toán 01 lần duy nhất (nếu có). Sau khi Bên A yêu cầu Bên B chỉnh sửa mà Bên B chỉnh sửa chưa đạt yêu cầu của Bên A thì Bên A có quyền từ chối việc thanh toán cho đến khi Bên B hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Trong vòng 14 *(mười bốn)* Ngày Làm Việc sau khi Hồ sơ quyết toán của Bên B được Bên A chấp thuận, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% *(một trăm phần trăm)* Giá Trị Quyết Toán và trừ đi các khoản tiền sau:

tiền đã tạm ứng, tiền đã thanh toán, tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm Hợp Đồng và các khoản tiền khác mà Bên B phải thanh toán hoặc hoàn trả theo quy định của Hợp Đồng này (nếu có).

9.5 Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng (VND).

b) Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản của Bên B theo quy định tại phần đầu của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

10.1. Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan để Bên B thực hiện các Công Việc theo Hợp Đồng.

10.2. Cung cấp thiết kế bản vẽ thi công cho Bên B.

10.3. Bàn giao mặt bằng và mốc tọa độ để định vị Công Trình đảm bảo đủ điều kiện triển khai thi công theo đúng bản tiến độ chi tiết và biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt.

10.4. Cung cấp điểm đấu nối điện, nước để Bên B thực hiện Công Việc. Bên B có trách nhiệm thanh toán các chi phí điện nước này cho Bên A và/hoặc đơn vị cung cấp. Đơn giá cho các chi phí này sẽ được áp dụng theo quy định của Bên A tại Công Trường hoặc theo quy định pháp luật.

10.5. Cung cấp bảo vệ Công Trường vòng ngoài.

10.6. Miễn phí: mặt bằng bố trí kho bãi cho Bên B tập kết Vật Tư.

10.7. Cung cấp hoặc thông báo cho Bên B tên, nhiệm vụ và quyền hạn của những người được chỉ định là Đại Diện Bên A. Nếu Bên A muốn thay thế bất cứ người nào được chỉ định làm Đại Diện Bên A, trong vòng 03 *(ba)* ngày trước ngày thay đổi, Bên A phải cung cấp/thông báo cho Bên B tên, nhiệm vụ, quyền hạn và ngày chỉ định người thay thế.

10.8. Theo yêu cầu của Bên B, nghiệm thu, xác nhận Vật Tư do Bên B cung cấp trước khi Bên B tiến hành thi công.

10.9. Phê duyệt bảng tiến độ chi tiết, biện pháp thi công, quy trình quản lý chất lượng, nghiệm thu Công Trình để Các Bên có cơ sở giám sát, nghiệm thu trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.

10.10. Phê duyệt bản vẽ shop-drawing trong vòng 03 ngày kể từ ngày Bên B đệ trình.

10.11. Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên giám sát chất lượng, tiến độ thực hiện Công Việc, ký các biên bản và tất cả các chứng từ liên quan khác phục vụ cho việc thanh toán, quyết toán.

10.12. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán cho Bên B theo quy định trong Hợp Đồng. Trừ các trường hợp Bên A đồng ý khác, sau 03 (*ba*) ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành Công Việc hoặc sau 10 (*mười*) ngày kể từ ngày Bên B phải hoàn thành toàn bộ Công Việc theo quy định tại Điều 8.1(c) của Hợp Đồng nếu Bên B vẫn

chưa bàn giao sản phẩm từ Công Việc (Công Trình) cho Bên A thì Bên A vẫn có quyền sử dụng Công Trình mà không phải bồi thường cho Bên B.

10.13. Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ của Bên B tại Công Trường.

10.14. Giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.

10.15. Bên A phải cử một nhân viên giám sát quá trình thi công của Bên B, nhân viên này có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B mọi trường hợp nếu Bên B thi công không đúng với yêu cầu của mình để Bên B kịp thời chỉnh sửa.

10.16. Kiểm tra vật tư và xác nhận giấy giao nhận vật tư, hồ sơ chứng từ khi Bên B tập kết vật tư và gửi thông báo yêu cầu giao nhận và nghiệm thu vật tư.

10.17. Cung cấp đèn chiếu sáng miễn phí phục vụ công trình nếu Bên B thi công vào ban đêm khi cần thiết

10.18. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

11.1. Đảm bảo Bên B có đầy đủ điều kiện, năng lực, ngành nghề kinh doanh và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện Công Việc cho Bên A theo Hợp Đồng;

11.2. Được quyền đề xuất với Bên A về công việc phát sinh ngoài Hợp Đồng, từ chối thực hiện những yêu cầu của Bên A nếu có cơ sở chứng minh các yêu cầu đó là trái pháp luật.

11.3. Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả Công Việc trên cơ sở Giá Trị Hợp Đồng đã ký kết.

11.4. Được tiếp cận Công Trường và được bàn giao mặt bằng để thực hiện các Công Việc đúng bảng tiến độ chi tiết được Bên A phê duyệt.

11.5. Lập bảng tiến độ chi tiết, biện pháp thi công, biện pháp an toàn, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Công Việc để Bên A phê duyệt trước khi thực hiện Công Việc.

11.6. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực, lập bản vẽ shop-drawing trình Bên A phê duyệt.

11.7. Hoàn thành đúng tiến độ phối hợp được phê duyệt theo yêu cầu của Bên A.

11.8. Cung cấp đủ Nhân Lực, Thiết Bị Thi Công và các điều kiện vật chất liên quan khác để thực hiện các Công Việc của Hợp Đồng.

11.9. Bên B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ Thiết Bị Thi Công của mình trong quá trình thực hiện Công Việc. Khi được đưa tới Công Trường, Thiết Bị Thi Công của Bên B phải dùng riêng cho việc thi công. Bên B không được di

chuyển ra khỏi Công Trường bất kỳ một loại Thiết Bị Thi Công chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Bên A.

11.10. Bên B phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng và/hoặc tạm thời mà Bên B cần có, bao gồm lối vào Công Trường.

11.11. Bên B được coi là đã thẩm tra và xem xét Công Trường, khu vực xung quanh Công Trường, và được coi là đã tính đúng và đủ của điều kiện Công Trường để xác định Giá Trị Hợp Đồng, bao gồm các điều kiện về:

a) Địa hình, mặt bằng thi công và các yếu tố khác của Công Trường.

b) Mức độ và tính chất của Công Việc và Vật Tư, Thiết Bị Thi Công cần thiết cho việc thi công và sửa chữa sai sót.

c) Các quy định của pháp luật về lao động.

d) Các yêu cầu của Bên B về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

11.12. Bên B phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp Đồng theo quy định pháp luật liên quan đến bảo mật thông tin. Mọi trường hợp Bên B công bố thông tin về việc hợp tác với Bên A theo Hợp Đồng này và/hoặc các thỏa thuận khác giữa hai Bên trên các tài liệu, website của Bên B hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác đều phải được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

11.13. Bảo hành Hạng Mục Công Trình theo quy định Hợp Đồng.

11.14. Không được chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng cho Bên Thứ Ba, trừ trường hợp được Bên A đồng ý bằng văn bản.

11.15. Nhà Thầu Phụ

a) Đối với Nhà Thầu Phụ chưa có danh sách trong Hợp Đồng, Bên B phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Nhà Thầu Phụ cũng như phạm vi Công Việc mà Nhà Thầu Phụ sẽ đảm nhận để Bên A xem xét chấp thuận trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

b) Cam kết với Bên A rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho Nhà Thầu Phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

c) Chịu trách nhiệm trước Bên A về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, sai sót từ việc thực hiện Công Việc của (các) Nhà Thầu Phụ.

11.16. Chịu mọi rủi ro về Vật Tư trước khi Bên A nhận bàn giao.

11.17. Đảm bảo quyền sở hữu hợp pháp đối với Vật Tư cung cấp cho Bên A.

11.18. Bên B cam kết mọi thông tin Bên B cung cấp là trung thực phù hợp với thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc (các) giấy tờ có giá trị tương đương có hiệu lực tại thời điểm ký kết Hợp Đồng.

11.19. Tự mình hoặc cùng với Bên A (nếu Bên A yêu cầu) cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu có liên quan để cung cấp thông tin hoặc giải trình trước các Cơ Quan Có

Thẩm Quyền (nếu có yêu cầu). Tuy nhiên, mọi thông tin, tài liệu và hồ sơ phải được Bên A chấp thuận trước khi Bên B cung cấp.

11.20. Sau khi được cấp Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Hạng Mục Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng, Bên B phải có kế hoạch đào tạo, hướng dẫn vận hành cho Bên A, cung cấp tài liệu hướng dẫn vận hành, quy trình vận hành, tài liệu hướng dẫn bảo trì Công Trình.

11.21. Hoàn trả mặt bằng

a) Sau khi nhận được Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Hạng Mục Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng hoặc khi chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 15.2(a) và Điều 16.2(a), Bên B sẽ dọn khỏi Công Trường tất cả các Thiết Bị Thi Công, Vật Tư còn thừa, rác và các công trình tạm còn lại trên Công Trường.

b) Nếu Bên B không thực hiện các công việc nêu tại Khoản a Điều này trong vòng 7 (bảy) Ngày kể từ ngày Bên A cấp Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Hạng Mục Công Trình Và Đưa Vào Sử Dụng hoặc kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng, Bên A có thể bán hoặc thải bỏ các vật dụng đó. Bên A có quyền được thanh toán các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc thải bỏ hoặc lưu các vật dụng đó trên Công Trường. Số tiền thu được từ việc bán các vật dụng trên sau khi trừ đi các chi phí mà Bên A phải thanh toán, Bên A sẽ hoàn trả phần còn thừa cho Bên B. Nếu số tiền thu được ít hơn những chi phí mà Bên A phải thanh toán, Bên B sẽ phải trả phần chi phí tăng thêm cho Bên A.

11.22. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

ĐIỀU 12. NHÂN LỰC CỦA BÊN B

12.1. Nhân Lực của Bên B

a) Nhân Lực của Bên B phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp với công việc do họ thực hiện. Bên B phải trình cho Bên A danh sách Nhân Lực của Bên B, bằng cấp chứng chỉ, chứng minh thư photo, v.v...của những người đó để Bên A phê duyệt trước khi thực hiện Công Việc.

b) Bên A có thể yêu cầu Bên B thay thế, điều chuyển bất cứ Nhân Lực nào của Bên B ở Công Trường, kể cả Đại Diện Bên B nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khoẻ hoặc bảo vệ môi trường tại Công Trường.

12.2. Hoạt động của Bên B tại Công Trường

a) Bên B tuân thủ mọi quy định, nội quy của Bên A tại Công Trường. Bên A sẽ áp dụng mức phạt đối với bất kỳ sai phạm nào của Bên B căn cứ theo Phụ Lục số 03.

b) Bên B phải có trách nhiệm hợp tác trong Công Việc đối với: Nhân Lực của Bên A; các nhà thầu khác do Bên A thuê hoặc Bên Thứ Ba do Bên A yêu cầu.

Việc hợp tác này có thể bao gồm việc sử dụng Thiết Bị Thi Công, các công trình tạm của Bên B. Trường hợp việc hợp tác này làm phát sinh chi phí ngoài Giá Trị Hợp Đồng thì Các Bên xem xét thoả thuận bổ sung chi phí này.

c) Việc thi công của Bên B phải được thực hiện trong phạm vi Hạng Mục Công Trình, không làm ảnh hưởng đến mỹ quan và vệ sinh môi trường xung quanh. Bên B phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự an toàn của các Công Trình xung quanh trong quá trình thi công.

d) Bên B phải đảm bảo cho Bên A không chịu trách nhiệm bởi các đòi hỏi, trách nhiệm pháp lý, chi phí, và mất mát phát sinh do bất kỳ hư hỏng, thiếu sót hoặc bất cẩn nào của Bên B liên quan đến việc thực hiện các Công Việc theo quy định của Hợp Đồng.

e) Trong trường hợp tìm thấy các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo sát trên Công Trường, Bên B có trách nhiệm giữ nguyên hiện trạng hoặc bảo vệ tránh làm hư hỏng và thông báo ngay cho Bên A để giải quyết. Các đồ vật được liệt kê tại khoản này sẽ được Bên A bảo quản và toàn quyền xử lý.

f) Trong một vài trường hợp theo yêu cầu của Bên A, Bên B có thể để lại Công Trường những Thiết Bị Thi Công cần thiết để Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

ĐIỀU 13. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ TƯ VẤN

13.1. Nhà Tư Vấn là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Bên A giao trong hợp đồng tư vấn ký giữa Bên A và Nhà Tư Vấn và các quy định pháp luật, cụ thể:

a) Quản lý và/hoặc giám sát chất lượng, tiến độ thực hiện Công Việc.

b) Nhà Tư Vấn không có quyền sửa đổi Hợp Đồng.

c) Xác nhận hồ sơ chất lượng và khối lượng cho Bên B:

i. Thời gian để Nhà Tư Vấn kiểm tra và xác nhận hồ sơ chất lượng và khối lượng do Bên B đệ trình để làm thủ tục thanh toán là 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ;

ii. Thời gian để Nhà Tư Vấn kiểm tra và xác nhận hồ sơ chất lượng và khối lượng do Bên B đệ trình để làm thủ tục quyết toán là 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ;

iii. Nhà Tư Vấn được quyền chỉnh sửa hồ sơ chất lượng và khối lượng 01 lần duy nhất (nếu có) cho mỗi lần kiểm tra.

d) Trừ khi được quy định khác trong Hợp Đồng thì:

i. Nhà Tư Vấn không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào cho bất kỳ Bên nào theo Hợp Đồng;

ii. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Nhà Tư Vấn

(bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Bên B khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo Hợp Đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

13.2. Trường hợp Bên A không thuê Nhà Tư Vấn tại Công Trình và/hoặc tại Dự Án thì Bên A có thể trực tiếp thực hiện các công việc của Nhà Tư Vấn. Khi đó, các hồ sơ thủ tục cần có xác nhận của Nhà Tư Vấn sẽ do Bên A thực hiện.

13.3. Trong trường hợp Bên A thay đổi Nhà Tư Vấn, Bên A sẽ thông báo cho Bên B ít nhất 05 ngày trước ngày dự kiến thay đổi.

ĐIỀU 14. AN TOÀN LAO ĐỘNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ, ĐIỆN, NƯỚC, CÁC TIỆN ÍCH KHÁC VÀ AN NINH CÔNG TRƯỜNG

14.1. An toàn lao động

a) Bên B phải lập các biện pháp an toàn cho thiết bị, tài sản, con người của Bên B, của Bên A và của Bên Thứ Ba. Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên Công Trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên Công Trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

b) Bằng chi phí của mình, Bên B có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho Nhân Lực của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì Nhân Lực của Bên B phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

c) Bằng chi phí của mình, Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho Nhân Lực của mình.

d) Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên B và các bên liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời Bên B phải chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại cho bên bị ảnh hưởng do Bên B không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

14.2. Bảo vệ môi trường

a) Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên Công Trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Trường hợp Bên B không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Bên A, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm dừng Công Việc và yêu cầu Bên B thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường. Trong trường hợp đó Bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

14.3. Phòng chống cháy nổ:

Các Bên tham gia trong Hợp Đồng này phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ.

14.4. Điện, nước trên Công Trường

Bên B có trách nhiệm tuân thủ mọi quy định về việc sử dụng điện, nước và các tiện ích khác trên Công Trường đồng thời phải chi trả cho việc sử dụng đó.

14.5. An ninh Công Trường

Bên B phải chịu mọi trách nhiệm về vấn đề an ninh trật tự trên Công Trường trong quá trình thực hiện Công Việc theo quy định trong Hợp Đồng. Bên B phải tuân thủ những hướng dẫn, chỉ dẫn của Bên A hoặc Nhà Tư Vấn về vấn đề này.

ĐIỀU 15. TẠM DỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI BÊN A

15.1. Tạm dừng thực hiện Công Việc bởi Bên A

a) Bên A quyết định dừng thực hiện Công Việc khi Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng để Bên B tìm phương án giải quyết nhằm thực hiện đúng các yêu cầu và nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

b) Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ít nhất 02 *(hai)* ngày trước khi tạm dừng và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng và các yêu cầu khác (nếu có).

15.2. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A

a) Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp Đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

i) Bên B không có lý do chính đáng mà 03*(ba)* ngày liên tục không thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng sau khi Bên A đã ra thông báo yêu cầu thực hiện Công Việc đó;

ii) Bên B chậm tiến độ hoàn thành Công Việc quá 05 *(năm)* ngày so với thời hạn đã cam kết tại Hợp Đồng mà không được Bên A chấp thuận gia hạn;

iii) Sau khi nhận được thông báo tạm dừng Công Việc từ Bên A mà Bên B không hoàn thành việc khắc phục vi phạm trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận thông báo của Bên A;

iv) Bên B giao Nhà Thầu Phụ thực hiện Công Việc hoặc chuyển nhượng Hợp Đồng mà không có sự chấp thuận của Bên A;

v) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

vi) Bên B vi phạm quy định về chống tham nhũng và hối lộ quy định tại Điều 21 Hợp Đồng;

vii) Bên B vi phạm các nghĩa vụ khác của Hợp Đồng mà không sửa chữa, khắc phục vi phạm trong thời hạn do Bên A yêu cầu.

viii) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

b) Nếu xảy ra một trong những trường hợp quy định tại Điều 15.2 (a) ở trên, Bên A có thể, bằng cách thông báo trước cho Bên B ít nhất 03 *(ba)* ngày để chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ đương nhiên chấm dứt khi hết thời hạn theo thông báo nêu trên. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (iv), (v), (vi) Điều 15.2(a) Hợp Đồng, Bên A có thể thông báo cho Bên B để chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức.

c) Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng:

i. Bên B phải dừng tất cả các công việc thêm và rời Công Trường hoặc Bên A có quyền trục xuất Bên B/Nhân Lực của Bên B ra khỏi Công Trường nếu cần thiết. Bên B sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý của Bên A để bảo vệ tính mạng, tài sản và sự an toàn cho Công Trình;

ii. Bên B phải bàn giao cho Bên A các Vật Tư đã được Bên A thanh toán, hoàn trả cho Bên A những tài liệu, phương tiện được Bên A giao để thực hiện Công Việc;

iii. Bên B phải di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi Công Trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi Công Trường;

iv. Bên A có quyền tự mình hoàn thành Công Việc hoặc cho các đơn vị khác vào thực hiện. Bên A và các đơn vị này có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Bên B;

v. Bên A sẽ xác định phần Công Việc mà Bên B đã hoàn thành để thanh toán cho Bên B và trừ đi các khoản nợ, phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên A phải gánh chịu, các khoản bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm Hợp Đồng và các chi phí thêm khác cho việc hoàn thành Công Trình. Trường hợp sau khi đối trừ mà số tiền Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A vượt quá số tiền mà Bên A phải thanh toán cho Bên B theo Hợp Đồng này thì Bên B phải thanh toán phần chênh lệch thiếu đó cho Bên A trong thời hạn Bên A yêu cầu; nếu chậm thanh toán theo thời hạn Bên A yêu cầu thì Bên B phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố/áp dụng tại thời điểm chậm trả tính trên số tiền và số ngày chậm trả.

vi. Bên A có thể không thanh toán thêm cho Bên B cho đến khi Bên B hoàn thành, sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành Công Việc (nếu có).

d) Các Bên thống nhất rằng, việc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên A theo Hợp Đồng.

ĐIỀU 16. TẠM DỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI BÊN B

16.1. Quyền tạm dừng Công Việc của Bên B

a) Bên B được phép tạm dừng Công Việc của mình theo những trường hợp được quy định tại Điều 18.1 Hợp Đồng (Sự Kiện Bất Khả Kháng) hoặc Bên A không thực hiện các nghĩa vụ thanh toán theo Hợp Đồng quá 25 (*hai mươi lăm*) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn phải thanh toán với điều kiện Bên B đã cung cấp đủ hồ sơ thanh toán phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này.

b) Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất 02 *(hai)* Ngày Làm Việc trước khi tạm dừng và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng và các yêu cầu khác (nếu có).

16.2. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên B

a) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng nếu:

i) Việc tạm dừng Công Việc bị kéo dài quá 45 (*bốn mươi lăm*) Ngày do lỗi của Bên A;

ii) Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá 03 (*ba*) lần mà không có lý do chính đáng;

iii) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

b) Trong bất cứ trường hợp nào được quy định tại Điều 16.2 (a) ở trên, Bên B có thể, bằng cách thông báo trước cho Bên A ít nhất 07 (bảy) ngày để chấm dứt Hợp Đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của phần (iii) Điều 16.2(a) Bên B có thể thông báo cho Bên A để chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức.

c) Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 15.2(c) Hợp Đồng.

ĐIỀU 17. BẢO HIỂM

Bên B phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, Nhân Lực của Bên B, bảo hiểm đối với Bên Thứ Ba theo quy định pháp luật hiện hành. Chi phí mua bảo hiểm sẽ do Bên B tự chi trả.

ĐIỀU 18. BẤT KHẢ KHÁNG

18.1. Sự Kiện Bất Khả Kháng là sự kiện xảy ra không lường trước được và nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý của Các Bên, bao gồm, nhưng không giới hạn ở các tai họa thiên nhiên như động đất, mưa, bão, lụt mà không thể thực hiện được Công Việc theo quy định pháp luật, các sự kiện khác như chiến tranh, phong toả hoặc cấm vận, chiếm đóng, nội chiến, nổi loạn, phá hoại hay rối loạn xã hội hoặc bất kỳ việc công bố, ban hành, thay đổi văn bản pháp luật, chính sách của Cơ Quan Có Thẩm Quyền (mà Hai Bên không thể lường trước được) làm gián

đoạn, gây trở ngại hoặc ngăn cản việc thực hiện nghĩa vụ của Một Bên và/hoặc Các Bên phát sinh từ Hợp Đồng này cũng như việc thực hiện Hợp Đồng.

18.2. Các Bên thoả thuận rằng cả Hai Bên với nỗ lực cao nhất của mình sẽ tiến hành các biện pháp phù hợp để ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng.

18.3. Trừ trường hợp Hợp Đồng có quy định khác, không Bên nào bị coi là vi phạm Hợp Đồng này, hoặc phải chịu trách nhiệm trước Bên kia do bất cứ sự chậm trễ nào trong việc thực hiện hoặc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra, với các điều kiện là:

a) Sự Kiện Bất Khả Kháng là nguyên nhân trực tiếp và gần nhất làm cho Bên đó bị cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện Hợp Đồng.

b) Bên bị ảnh hưởng thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết về việc xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng đó trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày biết việc xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, trong đó trình bày rõ các chi tiết của Sự Kiện Bất Khả Kháng đã ngăn cản Bên đó thực hiện Hợp Đồng và nêu các biện pháp khắc phục được Bên đó đã, đang, sẽ thực hiện, dự kiến thời gian khắc phục Sự Kiện Bất Khả Kháng (nếu có khả năng).

c) Nghĩa vụ của Các Bên theo Hợp Đồng này chỉ được giải phóng trong khoảng thời gian của Sự Kiện Bất Khả Kháng và trong chừng mực Sự Kiện Bất Khả Kháng ngăn trở việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó, với điều kiện là các biện pháp ngăn ngừa hợp lý đã được Bên đó thực hiện nhưng không đạt kết quả.

18.4. Nếu do hậu quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng mà Một Bên hoặc Các Bên không thể tiếp tục thực hiện được các thỏa thuận tại Hợp Đồng này trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng thì Các Bên sẽ cùng nhau bàn bạc về việc chấm dứt hoặc tiếp tục thực hiện Hợp Đồng và giải quyết các hậu quả phát sinh.

ĐIỀU 19. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

19.1. Bên B phải bồi thường và gánh chịu những thiệt hại cho Bên A, Nhân Lực của Bên A và Bên Thứ Ba có liên quan đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm cả các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại tính mạng, sức khỏe của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân từ việc thực hiện Công Việc của Bên B, trừ trường hợp nguyên nhân xuất phát từ việc cẩu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp Đồng bởi Bên A, Nhân Lực của Bên A và Bên Thứ Ba có liên quan, hoặc bất kỳ người đại diện riêng nào của họ mà không có bất kỳ lỗi gì của Bên B.

b) Hỏng hóc hay mất mát đối với tài sản, bất động sản phát sinh từ hoặc trong quá trình thực hiện Công Việc của Bên B được quy do sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp Đồng bởi Bên B, Nhân Lực của Bên B, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được Bên B thuê.

Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Bên B đền bù vì lỗi đã gây ra. Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Bên B nghĩa vụ hoàn thành Công Việc hoặc bất cứ trách nhiệm, nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp Đồng.

19.2. Bên A phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên B, Nhân Lực của Bên B đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí liên quan đến tổn hại tính mạng, sức khỏe, tài sản do sự cẩu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp Đồng bởi Bên A, Nhân Lực của Bên A mà không có lỗi của Bên B hoặc Nhân Lực của Bên B.

ĐIỀU 20. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

20.1 Trường hợp Bên B chậm tiến độ thực hiện Công Việc theo bản tiến độ chi tiết được Bên A phê duyệt mà không do Sự Kiện Bất Khả Kháng và/hoặc không do lỗi của Bên A và/hoặc không được Bên A chấp thuận, Bên B sẽ chịu phạt 0,5% (*không phẩy năm phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ, nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% *(mười hai phần trăm)* Giá Trị Hợp Đồng.

20.2 Nếu Bên B chậm hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng mà không do lỗi của Bên A và/hoặc không được Bên A chấp thuận, Bên B sẽ chịu phạt 1% *(một phần trăm)* Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ, nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% *(mười hai phần trăm)* Giá Trị Hợp Đồng.

20.3 Nếu Bên B cung cấp Vật Tư kém chất lượng hoặc không đúng mẫu mã, chủng loại quy định tại Hợp Đồng này, Bên B phải đổi/thay thế Vật Tư đúng chất lượng, chủng loại theo quy định của Hợp Đồng trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo của Bên A. Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ này quá 03 lần, Bên B sẽ bị phạt 1% (*một phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi lỗi vi phạm tiếp theo, nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% *(mười hai phần trăm)*

20.4 Trường hợp công việc thi công không đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định của Hợp Đồng và Bên B đã chỉnh sửa quá 02 (*hai*) lần mà vẫn không đạt yêu cầu, Bên B sẽ bị phạt 1% (*một phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi lỗi vi phạm và/hoặc lần chỉnh sửa nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% (*mười hai phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng.

20.5 Nếu Bên B không thực hiện việc quyết toán Hợp Đồng theo Điều 9.4 Hợp Đồng và/hoặc thanh lý theo Điều 23 Hợp Đồng thì Bên B sẽ phải chịu phạt 1% *(một phần trăm)* Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm trễ nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 12% (*mười hai phần trăm)* Giá Trị Hợp Đồng.

20.6 Không mâu thuẫn với các điều khoản khác của Hợp Đồng này, trong trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A theo quy định tại Điều 15.2(a) Hợp Đồng và/hoặc Bên B vi phạm các nghĩa vụ khác nêu tại Hợp Đồng, Bên B sẽ bị phạt 12% (*mười hai phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng và phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ số tiền tạm ứng, thanh toán đã nhận được trước đó.

20.7 Nếu Bên A thanh toán chậm hoặc thanh toán không đủ ở bất kỳ giai đoạn nào cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi cho những ngày chậm thanh toán theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng, lãi trả cuối kỳ do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền và số ngày chậm thanh toán. Tổng số tiền lãi không vượt quá 12% (*mười hai phần trăm*) tổng số tiền chậm thanh toán.

20.8 Quá 30 ngày kể từ ngày chậm thanh toán, sau khi nhận được công văn của Bên B mà Bên A vẫn không thanh toán đủ thì Bên B có quyền thu hồi toàn bộ sản phẩm, vật tư do Bên B cung cấp theo quy định tại Hợp Đồng này. Bên B chỉ được thu hồi các sản phẩm như nêu trên sau khi đã hoàn trả lại đầy đủ cho Bên A các khoản tiền bao gồm nhưng không giới hạn ở: tiền Bên A đã tạm ứng, tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B, tiền bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm, các khoản phải thanh toán hoặc hoàn trả thuộc về nghĩa vụ của Bên B (nếu có) tính đến thời điểm Bên B thu hồi sản phẩm.

ĐIỀU 21. QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ

21.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng giám đốc, nhân viên, người lao động, đại lý hoặc bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định (gọi chung là "**Người Của Bên B**") liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là "**Hối Lộ**"), cho bất kỳ giám đốc, nhân viên, người lao động hoặc đại diện của Bên A (gọi chung là "**Người Của Bên A**") hoặc thông qua bất kỳ Bên Thứ Ba nào để Hối Lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

Các hành vi Hối Lộ theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A.

21.2. Nếu Bên B vi phạm quy định tại Điều này Bên A có quyền, tùy từng thời điểm xảy ra hoặc phát hiện ra hành vi Hối Lộ, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:

a) Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B trong trường hợp Bên B ký kết Hợp Đồng thông qua việc đấu thầu.

b) Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ và tùy quyết định của Bên A, phạt Bên B một khoản tiền **150.000.000 VNĐ** *(một trăm năm mươi triệu đồng)* cho một hành vi Hối Lộ hoặc chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào và Bên B phải bồi thường cho Bên A các khoản thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp Đồng này,

hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng, đã thanh toán cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại Hợp Đồng khi Hợp Đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B.

c) Đưa Bên B vào danh sách các nhà thầu cần phải kiểm soát khi tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa khác hoặc không được tham gia chào thầu hàng hóa/dịch vụ cho Bên A.

d) Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi Hối Lộ có dấu hiệu vi phạm Luật Hình Sự.

21.3. Miễn trừ: Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 22. XỬ LÝ CÁC TRANH CHẤP

22.1 Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Các Bên sẽ cố gắng thương lượng, đối thoại để giải quyết trên tinh thần thiện chí và xây dựng.

22.2 Trường hợp thương lượng, đối thoại không có kết quả thì trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp Đồng, một trong Các Bên có quyền gửi vụ việc tới Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

22.3 Hợp Đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 23. THANH LÝ HỢP ĐỒNG

23.1 Hợp Đồng được thanh lý trong trường hợp:

a) Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp Đồng và Phụ lục Hợp Đồng đã ký.

b) Hợp Đồng bị chấm dứt theo quy định của Điều 15.2 [Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A], Điều 16.2 [Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên B].

23.2 Trong vòng 07 (*bảy*) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp nêu tại Điều 23.1 nêu trên và Hai Bên không có bất kỳ tranh chấp gì, Hai Bên sẽ tiến hành lập Biên bản thanh lý Hợp Đồng.

ĐIỀU 24. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

24.1 Thời điểm có hiệu lực của Hợp Đồng:

Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày Hai Bên ký và đóng dấu đầy đủ vào Hợp Đồng này.

24.2 Tính pháp lý của Hợp Đồng:

a) Hợp Đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý để Bên A, Bên B và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện.

b) Hợp Đồng bị chấm dứt theo quy định của Điều 15.2 [Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên A], Điều 16.2 [Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bởi Bên B].

23.2 Trong vòng 07 (*bảy*) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp nêu tại Điều 23.1 nêu trên và Hai Bên không có bất kỳ tranh chấp gì, Hai Bên sẽ tiến hành lập Biên bản thanh lý Hợp Đồng.

ĐIỀU 24. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

24.1 Thời điểm có hiệu lực của Hợp Đồng:

Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày Hai Bên ký và đóng dấu đầy đủ vào Hợp Đồng này.

24.2 Tính pháp lý của Hợp Đồng:

a) Hợp Đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý để Bên A, Bên B và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện.

b) Hợp Đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa Các Bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp Đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 25. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

25.1 Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp Đồng này. Các nội dung không quy định cụ thể trong Hợp Đồng này sẽ được Các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

25.2 Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp Đồng phải được Hai Bên thỏa thuận và lập thành văn bản. Văn bản về việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng là một phần không tách rời của Hợp Đồng.

25.3 Hợp Đồng này và các Phụ Lục Hợp Đồng, được lập thành 04 *(bốn)* bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, Mỗi Bên giữ 02 *(hai)* bản để thực hiện.

Tại đây, Các Bên cùng ký tên vào Hợp Đồng vào ngày, tháng, năm như được đề cập tại phần đầu của Hợp Đồng./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LƯỚI CÔNG TRÌNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	QUẢN LÝ MIỀN BẮC
Đặng Tất Thắng	Bùi Thị Chuyên

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

(Kèm theo Hợp đồng thi công số: ……./2017/HĐTC/LCT/FLC-LCT)

BIỂU CHI TIẾT GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

TT	Hạng mục	Quy cách	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành Tiền
I	**Cột căng lưới**					
1	Cung cấp, gia công, lắp đặt kết cấu thép hình, thép bản mã	Thép hình và thép tấm cán nóng mác thép SS 400 hoặc tương đương, mạ kẽm nhúng nóng, sơn 1 lớp tạo bám dính và 1 lớp màu theo chỉ định.	tấn	54,56		
2	Cung cấp, lắp đặt bulong M18	Cấp bền 5.6	Bộ	384,00		
3	Cung cấp, lắp đặt cáp D10	Cáp mạ kẽm 6x19, hệ số an toàn 1460 N/m2	Tấn	0,53		
II	**Lưới sân tập**					
1	Cung cấp, lắp đặt lưới	- Lưới HDPE nguyên sinh 100% - xuất xứ Hàn Quốc.. - Màu lưới: xanh như mẫu - Kích thước mắt lưới: 2,5x2,5 cm - Đường kính sợi lưới: ~ 3 mm - Số sợi lưới: 30 sợi - Bảo hành độ mục: 10 năm - Khổ lưới thông dụng: 22x25m - Bao gồm cáp căng, khóa, độ trùng lưới,…	m2	5.500		
	Tổng cộng trước thuế					**2.060.485.274**
	Thuế VAT (10%)					206.048.527
	Tổng cộng sau thuế					**2.266.533.801**

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Cất Thắng

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LƯỚI CÔNG TRÌNH

QUẢN LÝ MIỀN BẮC

Bùi Thị Chuyên

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 02

(Kèm theo Hợp Đồng thi công số: ……./2017/HĐTC/LCT/FLC-LCT

HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG (ATLĐ); VỆ SINH MÔI TRƯỜNG (VSMT); PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ (PCCN); AN NINH TRẬT TỰ (ANTT)

Stt	Các lỗi vi phạm	Mức xử lý vi phạm lần 1
I.	**VI PHẠM VỀ ATLĐ-PCCN**	
A.	**Vi phạm quy định về trang thiết bị, phương tiện bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm ATLĐ**	
1	Công nhân sử dụng thiết bị hàn không đi giầy bảo hộ cách điện, không đi găng tay bảo hộ, sử dụng mặt nạ hàn không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	1.000.000 (một triệu) đồng, buộc phải trang bị bảo hộ ngay lập tức, nếu không sẽ bị đưa ra khỏi Công Trường.
2	Công nhân không đội mũ bảo hiểm; không đi giầy bảo hộ trong thời gian làm việc	- Phạt 50.000 (năm mươi nghìn) đồng/lỗi vi phạm trong trường hợp có 01 công nhân vi phạm; - Phạt 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/lỗi vi phạm trong trường hợp có ít hơn 3 (ba) công nhân vi phạm; - Phạt 500.000 (năm trăm) đồng/lỗi vi phạm trong trường hợp có nhiều hơn 3 (ba) công nhân vi phạm; Đồng thời buộc phải trang bị bảo hộ ngay lập tức, nếu không sẽ bị đưa ra khỏi công trường.
3	Công nhân làm việc trên cao không đeo dây an toàn.	Phạt 2.000.000 (hai triệu) đồng/người, đồng thời buộc phải trang bị bảo hộ ngay lập tức, nếu không sẽ bị đưa ra khỏi công trường.
4	Khung giá đựng máy hàn không đúng yêu cầu (khung phải được làm bằng thép hình cao 1m, đảm bảo chắc chắn, và cách điện đối với máy hàn) và/hoặc máy hàn không đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, không có vỏ và rào cách ly,	Phạt 1.000.000 (một triệu) đồng, đồng thời thu hồi máy hàn

Stt	Các lỗi vi phạm	Mức xử lý vi phạm lần 1
	không có biển báo	
5	Mặt nạ hàn không đảm bảo đúng tiêu chuẩn.	Phạt 100.000 (một trăm nghìn) đồng, thu hồi mặt nạ, buộc phải trang bị lại mặt nạ đúng tiêu chuẩn ngay lập tức.
6	Dây hàn và dây tiếp mát không đúng chủng loại; lớp bọc trầy xước; không có đầu cost	Phạt 1.000.000 (một triệu) đồng/lỗi vi phạm, thu hồi dây không đảm bảo tiêu chuẩn, buộc phải trang bị ngay lập tức dây đảm bảo tiêu chuẩn.
7	- Dây dẫn điện không đảm bảo đủ tiêu chuẩn, không có 2 lớp vỏ cách điện, không đảm bảo kích thước/tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định; - Dây điện không có ổ cắm, sử dụng ổ/phích cắm không đúng chủng loại, không an toàn; - Đặt ổ cắm, phích cắm, dây điện nằm trên mặt đất ẩm ướt	Phạt 1.000.000 (một triệu) đồng/lỗi vi phạm, thu hồi dây và ổ/phích cắm, buộc phải trang bị ngay lập tức dây và ổ/phích cắm đảm bảo tiêu chuẩn.
8	Tủ điện không đảm bảo đúng tiêu chuẩn, không lắp đặt Aptomat chống giật, không đặt ở vị trí dễ thao tác và an toàn; Vị trí tủ điện không để trên cao 1.5m, không đảm bảo chắc chắn	Phạt 2.000.000 (hai triệu) đồng/lỗi vi phạm, thu hồi tủ điện, buộc phải khắc phục, thay thế ngay lập tức.
9	Vi phạm quy trình kỹ thuật gây mất an toàn lao động; Vi phạm quy trình kỹ thuật lắp, tháo, cắt ống đổ trong quá trình bơm bê tông gây mất an toàn cho công nhân **(Không áp dụng)**	- Phạt 2.000.000 (hai triệu) đồng nếu việc vi phạm bị phát hiện, nhắc nhở nhưng chưa gây ra bất kỳ hậu quả nào. Đồng thời phải khắc phục lỗi vi phạm ngay sau khi bị nhắc nhở. - Phạt 2.000.000 (hai triệu) đồng nếu vi phạm gây ra hậu quả, nhưng chưa gây ảnh hưởng đến sự an toàn của con người và/hoặc tài sản - Phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng

Stt	Các lỗi vi phạm	Mức xử lý vi phạm lần 1
		nếu hậu quả ảnh hưởng đến sự an toàn của con người và/hoặc tài sản. Ngoài bị phạt, tùy theo tính chất gây mất an toàn của từng vụ việc vi phạm, còn phải khắc phục hậu quả, đền bù thiệt hại (nếu có) và chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng liên quan.
10	Vi phạm an toàn hệ thống giàn giáo, sàn thao tác; Không bố trí hoặc bố trí hệ thống giàn giáo không đảm bảo yêu cầu về an toàn	- Phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng/khu vực vi phạm nếu vi phạm bị phát hiện, nhắc nhở nhưng chưa gây ra bất kỳ hậu quả nào. Đồng thời phải khắc phục lỗi vi phạm ngay sau khi bị nhắc nhở. - Phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng/khu vực vi phạm nếu vi phạm đã gây ra hậu quả nhưng chưa ảnh hưởng đến sự an toàn của con người và/hoặc tài sản. - Phạt 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng/khu vực vi phạm nếu vi phạm đã gây ra hậu quả ảnh hưởng đến sự an toàn của người và/hoặc tài sản. Ngoài bị phạt, tùy theo tính chất gây mất an toàn của từng vụ việc vi phạm, còn phải khắc phục hậu quả, đền bù thiệt hại (nếu có) và chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng liên quan.
11	Không bố trí hoặc bố trí sàn thao tác không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trong các lõi thang **(Không áp dụng)**	- Phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng/khu vực vi phạm nếu vi phạm bị phát hiện, nhắc nhở nhưng chưa gây ra bất kỳ hậu quả nào. Đồng thời phải khắc phục lỗi vi phạm ngay sau khi bị nhắc nhở.

Stt	Các lỗi vi phạm	Mức xử lý vi phạm lần 1
		- Phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng/khu vực vi phạm nếu vi phạm đã gây ra hậu quả nhưng chưa ảnh hưởng đến sự an toàn của con người và/hoặc tài sản. - Phạt 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng/khu vực vi phạm nếu vi phạm đã gây ra hậu quả ảnh hưởng đến sự an toàn của người và/hoặc tài sản. Ngoài bị phạt, tùy theo tính chất gây mất an toàn của từng vụ việc vi phạm, còn phải khắc phục hậu quả, đền bù thiệt hại (nếu có) và chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng liên quan.
12	Không mua các loại bảo hiểm theo quy định **(Không áp dụng)**	- Phạt 500.000 (năm trăm nghìn) đồng nếu thiếu 01 (một) loại bảo hiểm yêu cầu; - Phạt 1.000.000 (một triệu) đồng nếu thiếu nhiều hơn một loại bảo hiểm yêu cầu.
B	**Vi phạm về phòng chống cháy nổ**	
1	Để xảy ra cháy do chập điện khi hàn	Phạt 1.000.000 (một triệu) đồng
2	Không: tắt thiết bị thi công; tắt điện; ngắt cầu dao CB; khóa nước khi nghỉ	Phạt 1.000.000 (một triệu) đồng/lỗi vi phạm.
3	Mang, cất giấu, tàng trữ vật dễ gây cháy nổ vào Công Trường một cách trái phép	Phạt 1.000.000 (một triệu) đồng/ người vi phạm.
4	Bố trí kho chứa các vật liệu dễ gây cháy, nổ không đúng nơi quy định	- Phạt 3.000.000 (ba triệu) đồng nếu vi phạm bị phát hiện, nhắc nhở nhưng chưa gây ra bất kỳ hậu quả nào. Đồng thời phải khắc phục lỗi vi phạm ngay sau khi bị nhắc nhở. - Phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng nếu vi phạm đã xảy ra, đồng thời tùy theo tính chất gây mất an

Stt	Các lỗi vi phạm	Mức xử lý vi phạm lần 1
		toàn của từng vụ việc phải khắc phục hậu quả, đền bù thiệt hại (nếu có) và chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng liên quan.
C.	**Vi phạm quy định về biển báo, hành lang an toàn**	
1	Không đặt biển cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm.	Phạt 1.000.000 (một triệu) đồng/ vị trí vi phạm và buộc phải bổ sung, khắc phục ngay.
2	Không trang bị nội quy tiêu lệnh PCCC, phương tiện chữa cháy tại các khu vực tập kết vật tư dễ cháy, khu vực hàn cắt…	- Phạt 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/khu vực vi phạm nếu không trang bị nội quy tiêu lệnh PCCC, đồng thời buộc phải bổ sung khắc phục ngay. - Phạt 3.000.000 (ba triệu) đồng/khu vực vi phạm nếu không trang bị phương tiện PCCC, đồng thời buộc phải bổ sung khắc phục ngay.
2	Không che chắn các hố sâu hộp gen, hộp kỹ thuật, đường biên mặt sàn hố thang máy… **(Không áp dụng)**	Phạt 1.000.000 (một triệu) đồng/lỗi vi phạm, đồng thời buộc phải bổ sung khắc phục ngay.
3	Không lắp đèn chiếu sáng hành lang **(Không áp dụng)**	Phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng/khu, đồng thời buộc phải bổ sung khắc phục ngay.
4	Chậm bịt lỗ biện pháp phục vụ cẩu neo làm ảnh hưởng đến ATLĐ **(Không áp dụng)**	- Phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng/khu vực vi phạm nếu vi phạm bị phát hiện, nhắc nhở nhưng chưa gây ra bất kỳ hậu quả nào. Đồng thời phải khắc phục lỗi vi phạm ngay sau khi bị nhắc nhở. - Phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng/khu vực vi phạm nếu vi phạm đã gây ra hậu quả nhưng chưa ảnh hưởng đến sự an toàn của con người và/hoặc tài sản. - Phạt 20.000.000 (hai mươi triệu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----------o0o----------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Cung cấp vật tư và thi công sân tập golf)

CÔNG TRÌNH: SÂN TẬP GOLF

ĐỊA ĐIỂM: SÂN TẬP GOLF ĐÀ NẴNG

Số: ...01...-2019/HĐKT/LCT-GĐN

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ GOLF ĐÀ NẴNG

Và

CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH

Đà Nẵng, tháng 5năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
--------ꕥ--------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Cung cấp vật tư và thi công sân tập golf)

Số: .....01..-2019/HĐKT/LCT-GĐN

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24 tháng 11 năm 20152005 của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam;

- Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/06/2005 của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam;

- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam.

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai Bên;

Hôm nay, ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại Văn phòng Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Dịch Vụ Golf Đà Nẵng, chúng tôi gồm có:

CHỦ ĐẦU TƯ (BÊN A):CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ GOLF ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : Tầng 12, toà nhà Vĩnh Trung Plaza, 255 – 257 Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

Đại diện : Ông **Đàm Quang Việt** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Căn cứ Giấy ủy quyền số **02-19/GUQ-GĐN** ngày 02/5/2019)

Điện thoại : 02363 666 333

Mã số thuế : 0401939816

Tài khoản số :

ĐƠN VỊ THI CÔNG (BÊN B) : CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH

Đại diện là : Bà **Hà Lê Thùy Quyên** Chức vụ : Giám Đốc

Địa chỉ : 286 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại : (028) 3553 3241 Fax: (028) 3553 3251

Số tài khoản : 6321201003576 tại Ngân hàng: Agribank, chi nhánh Bắc Sài Gòn, TP.HCM

Mã số thuế : 0309542696

Hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B nhận khảo sát, hiệu chỉnh, bổ sung bản vẽ thiết kế, lập dự toán, cung cấp vật tư, thi công sân tập Golf bao gồm sân cỏ với khung và trụ lưới; khu nhà phát bóng, khu vực green chip, putt theo các giai đoạn sau:

+ **Giai đoạn đầu:** khảo sát, hiệu chỉnh bản vẽ, lập dự toán cho các hạng mục đính kèm **"Phụ lục 01";** Đồng thời xác lập "**Phụ lục 02".**

+ Giai đoạn sau: cung cấp và thi công cho hạng mục trong dự toán mới được duyệt trong **"phụ lục 02"**.

Tổng giá trị hợp đồng tạm tính :4.653.164.204 VNĐ

(Bằng chữ: Bốn tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm lẻ bốn đồng)

Tổng giá trị hợp đồng trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%.

Giá trị của **"phụ lục 01"** chỉ là tạm tính, sau khi bên B hoàn tất toàn bộ công việc của *giai đoạn đầu,* thì giá trị mới sẽ là giá trị được thiết lập trên kết quả khối lượng của *giai đoạn đầu,* sử dụng đơn giá theo đúng đơn giá của **"phụ lục 01"** được duyệt, trường hợp các đơn giá chưa có trong phụ lục 01 thì hai bên sẽ thương thảo để có đơn giá mới, thiết lập nên "**phụ lục 02"; "Phụ lục 02"** sẽ là một phần không thể tách rời của hợp đông này, và đó là căn cứ cho các quá trình thi công, thanh toán, nghiệm thu *giai đoạn sau.*

- Hàng hóa, vật tư đảm bảo mới 100%, đúng chất lượng, mẫu mã, nguồn gốc, đúng tiêu chuẩn cam kết của hợp đồng. Trường hợp các tiêu chuẩn không trùng với nhau, thì thứ tự ưu tiên như sau: ưu tiên 1 – mẫu thực tế được 2 bên duyệt; ưu tiên 2 – tiêu chuẩn kỹ thuật theo phụ lục đính kèm.

ĐIỀU 2: TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ THI CÔNG LẮP ĐẶT

- Địa điểm giao hàng và thi công lắp đặt:Công trình Sân tập Golf tại Công viên Thanh niên, đường Cách mạng Tháng Tám, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.
- Thời gian thực hiện Hợp đồng
- + Thời gian thực hiện **giai đoạn đầu**: Bên B hoàn thành việc khảo sát, đánh giá, lập dự toán 10-15 ngày tiếp theo kể từ khi nhận được tiền tạm ứng từ bên A.
- + Thời gian hoàn thành thi công **giai đoạn sau**: trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký kết phụ lục 02, duyệt bản vẽ, duyệt khối lượng, duyệt đơn giá, duyệt mẫu.
- + Ngoài ra trong quá trình thi công nếu có phát sinh thì các bên tiến hành xác định hạng mục công việc phát sinh, khối lượng phát sinh, đơn giá, để tiến hành ký các phụ lục tiếp theo và triển khai nối tiếp vào hợp đồng.

- Tại thời điểm nhận hàng hoặc nghiệm thu Bên A có trách nhiệm cử người đại diện kiểm tra chất lượng hàng hóa, hồ sơ trước khi thi công. Mọi phản ánh của Bên A phải được cung cấp ngay tại thời điểm nhận hàng và thi công, nếu sau 03 (ba) ngày Bên A không phản hồi thì hàng hóa, vật tư mặc nhiên được nghiệm thu.
- Thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được gia hạn do các nguyên nhân không phải do Bên B gây ra như:

  + *Chờ thanh toán, chờ nghiệm thu, chờ duyệt mẫu, duyệt bản vẽ, chờ xác nhận khối lượng,giá trị, chờ bàn giao mặt bằng, chờ bàn giao trụ, chờ bàn giao các hạng mục phụ thuộc bên A, chờ bên A ý kiến hoặc chốt vấn đề...*

  + *Ngày nghỉ lễ, tết theo quy định nhà nước.*

  + *Chờ thanh toán: được tính từ thời điểm bên B gửi hồ sơ thanh toán cho bên A hoàn tất từng đợt.*

  + *Thời tiết không thuận lợi, mưa, bão, lũ, hỏa hoạn... phải ngưng thi công;*

  + *Thay đổi Bản vẽ , thay đổi mẫu...*

  + *Sự chậm trễ, trở ngại về mặt bằng thi công công trình;*

  + *Các nguyên nhân khách quan khác.*

  Thời gian gia hạn cụ thể sẽ được hai Bên thống nhất ký kết bằng Phụ lục Hợp đồng, hoặc văn bản tương ứng, hoặc theo nhật ký công trình, hoặc theo biên bản hiện trường giữa kỹ thuật giữa hai bên.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC TẠM ỨNG/THANH TOÁN

3.1 Phương thức và đồng tiền tạm ứng/thanh toán:

Phương thức tạm ứng/thanh toán: Chuyển khoản

Đồng tiền tạm ứng/thanh toán: Thanh toán bằng tiền Đồng Việt Nam.

3.2 Giá trị tạm ứng:

Trên cơ sở giá trị tạm tính,Bên A sẽ tạm ứng 30% tổng giá trị Hợp đồng tạm tính cho Bên B khi hai Bên ký Hợp đồng này và trong vòng 1 ngày khi Bên A đã nhận được Chứng thư bảo lãnh tạm ứng thực hiện hợp đồng trị giá bằng với giá trị tạm ứng trong thời gian 3 tháng kể từ ngày phát hành, giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ giảm dần tương ứng với từng đợt thanh toán đã cấn trừ tạm ứng.

Đồng thời, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký kết Hợp đồng, bên B phát hành thêm bảo lãnh thực hiện hợp đồng trị giá 10% giá trị hợp đồng, trong thời gian 4 tháng, và sẽ hết hạn khi bên B hoàn thành đạt chất lượng được 50% giá trị công việc được xác nhận bởi đại diện của Bên A tùy theo thời điểm nào đến trước.

Hai bảo lãnh này bên A được quyền yêu cầu ngân hàng gia hạn thêm thời gian tương ứng nếu bên B chưa hoàn thành công việc.

3.3 Thanh toán/ quyết toán:

a. Thanh toán:

- **Các đợt thanh toán**: Thanh toán định kỳ cho bên B vào ngày 15 hàng tháng theo tiến độ công trình và được TVGS, CĐT đồng ý nghiệm thu khối lượng công việc triển khai. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị của vật tư tập kết và đến

80% của phần việc thi công cho khối lượng công việc hoàn thành từng đợt sau khi trừ đi giá trị tạm ứng.

- Hồ sơ thanh toán:
  + Thư đề nghị thanh toán của Bên B tương ứng với giá trị của từng đợt;
  + Hóa đơn VAT;
  + Bảng xác nhận khối lượng, giá trị công việc hoàn thành có xác nhận của đại diện nhà thầu, đơn vị TVGS và Ban dự án;

Thời hạn thanh toán: trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên B trình đúng, đủ hồ sơ thanh toán cho Bên A.

b. Quyết toán:

- **Quyết toán**: Bên A thanh toán đến 100% giá trị quyết toán sau khi hoàn thành gói thầu và có biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục.
- Hồ sơ quyết toán:
  + Thư đề nghị thanh toán của Bên B tương ứng với giá trị quyết toán;
  + Biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành hạng mục thi công gói thầu;
  + Biên bản thanh lý hợp đồng;
  + Hóa đơn VAT của đại diện bên B;
  + Chứng thư bảo lãnh bảo hành;
  + Bảng xác nhận khối lượng, giá trị quyết toán có xác nhận của đại diện từng thành viên trong, đơn vị TVGS và Ban dự án;
  + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, bản vẽ hoàn công gói thầu;

Thời hạn thanh toán: trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên B trình đúng, đủ hồ sơ thanh toán cho Bên A.

ĐIỀU 4: NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH

Các Bên tổ chức nghiệm thu các hạng mục công việc, nghiệm thu bàn giao tổng thể công trình theo thỏa thuận của Hợp đồng chính thức và theo quy định của pháp luật hiện hành. Biên bản nghiệm thu được đại diện các Bên ký xác nhận và đồng ý chấp thuận.

ĐIỀU 5: BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

- Bên B cam kết bảo hành bằng một chứng thư bảo lãnh bảo hành của Ngân Hàng phát hành trị giá 5% giá trị quyết toán (trước VAT).
- Thời hạn bảo hành: Trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày cung cấp/ hoàn thành nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

- Hạng mục Lưới: Các lỗi được tính đến trong bảo hành lưới là các lỗi sau:
  - *Lỗi do cáp bị tuột, bị rơi làm cho lưới tuột và rơi theo*
  - *Lỗi do kỹ thuật thi công của bên B.*
  - *Ngoài ra các lỗi khác bên B sẽ không chịu trách nhiệm, như là lỗi do tác động bên ngoài, lỗi do tiêu chuẩn của các trụ không đạt yêu cầu, trụ đổ, trụ gãy, lưới bị cắt, bị đốt nóng, thiên tai, động đất, bão giật, gió to làm rơi và rách lưới.... ; tác động của ngoại lực làm rách lưới..*
- Hạng mục thiết bị: Các lỗi được tính đến trong bảo hành là lỗi ban đầu do sản xuất bị sai, bị lỗi; Không bảo hành tất cả các lỗi do quá trình sử dụng bị hao mòn, bị hỏng hóc do tác động bên ngoài, và hư do vận hành sai nguyên tắc, bị cắt, đốt nóng, rơi bể,va chạm bị bể.
- Những lỗi do bên vận chuyển thì bên B có trách nhiệm sửa chữa khắc phục lỗi để đảm bảo sử dụng bình thường (không thay thế mới).
- Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hoặc thay thế do Bên B chịu (Trừ trường hợp, lỗi hỏng không thuộc Bên B mà do Bên sử dụng thì mọi chi phí Bên A phải chịu).
- Trong thời gian bảo hành, nếu xảy ra sai hỏng do lỗi của bên B, thì Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chi phí liên quan và trong vòng 05 (năm) ngày bên B đến sửa chữa các sai hỏng đó kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản/ fax của Bên A.
- Sau khi nhận được thông báo yêu cầu bảo hành của Bên A (email hoặc văn bản), trong thời gian 03 ngày, Bên B có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật đến kiểm tra bảo hành, sửa chữa cho Bên A. Trong trường hợp không thể sửa chữa được, Bên B có trách nhiệm đổi sản phẩm mới cho Bên A.
- Trường hợp sau khi nhận được yêu cầu của bên A, mà bên B không thực hiện việc bảo hành như thỏa thuận, thì bên A có quyền tự thực hiện việc sửa chữa. Mọi chi phí phát sinh sẽ do bên B chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

6.1 Trách nhiệm Bên A:

- Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B tiến hành việc khảo sát, đánh giá hiện trạng công trình.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện hợp đồng.
- Cung cấp đầy đủ hồ sơ địa chất của mặt bằng, điều kiện đảm bảo đất cứng không phải khu vực ao hồ, san lấp bồi.
- Cung cấp thông tin và nội dung có liên quan đến mặt bằng xây dựng.
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo quy định trong Hợp đồng.
- Tạo điều kiện thuận lợi và hợp tác chặt chẽ với Bên B để công trình xây dựng đạt kết quả tốt và đảm bảo tiến độ công trình.

6.2 Trách nhiệm Bên B:

- Phối hợp thực hiện việc khảo sát, đánh giá hiện trạng công trình.
- Lập dự toán chính thức trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá.
- Chịu trách nhiệm vận chuyển, và bàn giao vật tư tại công trình.
- Cung cấp vật tư theo đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, xuất xứ và thi công hoàn thiện theo nội dung Hợp đồng.
- Đáp ứng tiến độ thi công tổng thể và từng hạng mục cụ thể được các Bên thống nhất.
- Thực hiện đúng nội dung bản vẽ thiết kế và đã được các Bên ký duyệt.
- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A cho từng đợt thanh toán.
- Thực hiện trách nhiệm về bảo đảm chất lượng công việc do Bên B thực hiện.
- Thực hiện bảo hành công trình theo đúng thỏa thuận.
- Tự lo nhân lực, phương tiện thi công, vận chuyển, trang thiết bị về an toàn lao động. Tự quản lý máy móc, vật tư, thiết bị trong quá trình thi công. Thực hiện thi công đúng tiến độ, đúng kỹ thuật, đúng thiết kế.
- Chịu trách nhiệm chi trả lương, phụ cấp và mua bảo hiểm tại nạn cho nhân viên của mình theo qui định của nhà nước. Tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động cho nhân viên của mình.
- Thông báo ngay cho bên A những công việc phát sinh ngoài bản vẽ kỹ thuật đã được các bên thống nhất hoặc những sự cố có thể gây chậm tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc những sự cố về an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- Chịu trách nhiệm, đảm bảo toàn bộ các vấn đề về an toàn thi công, vệ sinh môi trường tại công trường và khu vực xung quanh công trường.
- Ghi nhận, tôn trọng ý kiến của giám sát Bên A trong quá trình thi công. Xem xét, thực hiện các yêu cầu chính đáng của Bên A nhằm đảm chất lượng, tiến độ công trình và các yêu cầu khác theo Hợp đồng.
- Cử người đại diện có thẩm quyền tham gia nghiệm thu.

ĐIỀU 7:CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Các bên cùng đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng;
- Trong trường hợp bất khả kháng kéo dài quá 60 ngày dẫn tới Hợp đồng không thực hiện được;
- Một trong hai bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do bên kia vi phạm Hợp đồng.Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Bên kia vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng, đã có thông báo yêu cầu khắc phục vi phạm nhưng sau 05 ngày, Bên vi phạm vẫn không khắc phục vi phạm. Bên vi phạm ngoài việc bị đơn phương chấm dứt Hợp đồng còn chịu phạt cho Bên bị vi phạm theo quy định tại Điều 9 Hợp đồng này.Ngoài ra,Bên vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi kinh tế của Bên kia thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên kia, trường hợp không thỏa thuận được sẽ do Tòa án thẩm quyền giải quyết.

ĐIỀU 8: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Bất khả kháng có nghĩa là một sự kiện ngoài tầm kiểm soát của hai Bên, không liên quan đến sự sai phạm của hai Bên và không thể thấy trước được như: chiến tranh, lũ lụt, thiên tai, hỏa hoạn, động đất, đình công...và các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- Nghĩa vụ của Bên rơi vào tình trạng bất khả kháng: Trong vòng 48h, thông báo ngay cho đối tác của mình về trường hợp bất khả kháng. Trong vòng 07 ngày, phải cung cấp cho đối tác của mình giấy chứng nhận để chứng minh về sự bất khả kháng.
- Quyền lợi của Bên rơi vào tình trạng bất khả kháng: Được miễn hoặc hoãn thi hành nghĩa vụ trong 1 thời gian tương ứng với thời gian xảy ra bất khả kháng cộng với thời gian cần thiết khắc phục hậu quả đó. Tuy nhiên nếu thời gian này kéo dài quá 60 ngày thì một Bên có quyền xin chấm dứt hợp đồng và các Bên có nghĩa vụ thực hiện theo Điều 8 là chấm dứt Hợp đồng nói trên và trường hợp này không được xem là vi phạm hợp đồng.

ĐIỀU 9: XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

a/ Trong trường hợp Bên A không tạm ứng (hoặc tạm ứng không đủ) đúng hạn theo Hợp đồng này thì Bên A sẽ chịu phạt với mức phạt tương đương 0.1%/ngàytrên tổng số tiền tạm ứng. Thời gian chậm thanh toán số tiền tạm ứng tính từ ngày thứ 05 kể từ ngày đến hẹn thanh toán tuy nhiên tổng số tiền phạt không quá 10% tổng giá trị tạm ứng.

b/ Trường hợp Bên B không đảm bảo thời gian khảo sát, đánh giá công trình, lập dự toán chính thức như đã thỏa thuận,Bên B sẽ phải chịu phạt với mức phạt tương đương 0.1%/ngày đối với thời gian chậm tiến độ trên tổng số tiền tạm ứng. Thời gian chậm tiến độ tính từ ngày thứ 05 kể từ ngày đến hạn thực hiện Hợp đồng tuy nhiên tổng số tiền phạt không quá 10% tổng giá trị tạm ứng.

c/ Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Bên kia vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng và Bên vi phạm phải chịu mức phạt tương đương với 10% giá trị Hợp đồng . Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng hoặc số tiền bảo lãnh tạm ứng. Cụ thể:

- Nếu Bên A vi phạm không tiếp tục thực hiện "giai đoạn sau"thì bên A sẽ bị phạt 100.000.000 vnđ tương ứng với hạng mục bên B đã hoàn thành trong Giai đoạn đầu.
- Nếu Bên B vi phạm không triển khai tiếp "giai đoạn sau" thì Bên A có quyền yêu cầu Ngân hàng giải tỏa toàn bộ số tiền bảo lãnh vào tài khoản do Bên A chỉ định khi có đủ hồ sơ sau:

+ Văn bản của Bên A gửi cho Bên B thông báo về việc cấn trừ toàn bộ số tiền bảo lãnh do Bên B vi phạm Hợp đồng

+ Bản gốc Công văn của Bên A gửi cho Ngân hàng yêu cầu Ngân hàng thanh toán toàn bộ số tiền bảo lãnh tạm ứng vào tài khoản được chỉ định của Bên A và:

+ Bản gốc Bảo lãnh Ngân hàng.

d/Trường hợp một Bên cố tình đơn phương chấm dứt Hợp đồng *(không do vi phạm của bên kia)* thì bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái pháp luật phải chịu mức phạt tương đương với 10% giá trị Hợp đồng. Số tiền này được cấn trừ vào số tiền tạm ứng hoặc số tiền bảo lãnh tạm ứng như đã nêu tại Điểm c Điều này.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên cam kết cùng thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này.
- Hai Bên phải chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh trong quá trình thực hiện, các Bên phải kịp thời báo cho nhau biết

và cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, hợp tác hỗ trợ, đảm bảo hai Bên cùng có lợi.

- Trong trường hợp tranh chấp mà hai Bên không tự giải quyết được thì vụ việc sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết.
- Nếu có sự cố xảy ra Bên B phải có thông báo và giải trình bằng văn bản cho Bên A trong thời gian không quá 05 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.
- Hai Bên phải chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh trong quá trình thực hiện, các Bên phải kịp thời báo cho nhau biết và cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, hợp tác hỗ trợ, đảm bảo hai Bên cùng có lợi về những trường hợp phát sinh mà chưa được nêu trong hợp đồng.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị như nhau mỗi Bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ GOLF ĐÀ NẴNG	CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÀM QUANG VIỆT	Hà Lê Thùy Quyên

CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH
Địa chỉ:Số 286, Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
VPDD: Tầng M3 tòa nhà CT1, Khu đô thị Sudico , Mễ trì, Mỹ đình, Hà Nội
ĐT: 08.3921 2641; 0917358808 Ms Quyên
Fax: 08.3921 2640

LUOICONGTRINH CO.,LTD

PHỤ LỤC SỐ 01

HỢP ĐỒNG KINH TẾ SỐ : 01-2019/HĐKT/LCT-GĐN

ĐÀ NẴNG, NGÀY 03/5/2019

STT	NỘI DUNG	HÌNH ẢNH	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Thành tiền nhân công	Thành tiền vật tư	GHI CHÚ
A. DỌN DẸP MẶT BẰNG									
1	Thi công đóng cọc, công tác trắc								**CĐT phụ trách**
A. BỂ NƯỚC NGẦM SÂN GOLF									**CĐT có sẵn**
B. HỆ THỐNG MẶT NỀN									
I	**HỆ THỐNG HỐ GA THOÁT NƯỚC TRONG SÂN GOLF**								
1	Đào đất hố ga, SL =9 hố		m3	12,6					**KL thực tế do duyệt bản vẽ chủ đầu tư tại thời điểm triển khai**
2	Bê tông hố ga đá 1x2 M200		m3	1,170					
3	Cốt thép tấm đan Þ8a200		Kg	70					
4	Xây tường gạch đinh vữa xi măng mác 75, Dày 200mm		m3	3,168					
5	Tấm đan thép D16, 700x700		Cái	9					
6	Thép buộc		kg	3					
7	Ống nhựa PVC D200		md	70					
8	Tô mương HG vữa xi măng M75		m2	72					
9	nhân công thi công		Gói	1					
II	**HỆ THỐNG MẶT NỀN CÁT VÀ TRỒNG CỎ**								
1	San gạt, bóc chất hữu cơ chiều dày trung bình 10cm; vận chuyển đi xa								**CĐT phụ trách**
2	Đắp đất san nền tạo đồi trong sân trung bình dày khoảng 500mm (sau khi san gạt và lu lèn chặt). 7 vị trí, mỗi vị trí khoảng 200m2, Đầm chặt K85; đơn giá theo đầu vào vật liệu chưa bao gồm độ lu lèn chặt		m3	2744					

3	Đắp cát đen trồng cỏ nền sân dày khoảng 200mm (sau khi san nền theo bản vẽ thiết kế và lu lèn chặt).Đầm chặt K85; đơn giá theo đầu vào vật liệu chưa bao gồm độ lu lèn chặt 1.4		m3	3497,				0
4	Làm phẳng mặt nền		m2	1175				
5	Trồng Cỏ Bermuda		m2	1292				
6	Thuốc diệt cỏ dại		Gói					)
7	Phân bón		Gói					)
8	Vật tư phụ		Gói					)
9	Vôi lót nền		m2	1175				)
10	Chi phí thuê máy cắt cỏ trong giai đoạn thi công 3 tháng		gói					)
11	Chăm sóc cỏ		tháng					)
III	**GREEN GẠT CHIP PUT**							
1	San gạt, bóc chất hữu cơ chiều dày trung bình 10cm		m2	25				
2	Đào đất xây bó vỉa		m3	13,15				
3	Bê tông lót đá 1x2 M100		m3	1,				
5	Bê tông chống sạt lở hố cát		m3	1,				
6	Xây gạch đinh không tô vữa xi măng M7, dày 200, bó vỉa green		m3	5,3				
7	Đắp cát trông cỏ đơn giá theo đầu vào vật liệu chưa bao gồm độ lu lèn chặt 1.4		m3	266,5				
8	Đắp nền bằng đất cao khoảng 500mm, lu lèn đầm chặt, điện tích khoảng 250m2 đơn giá theo đầu vào vật liệu chưa bao gồm độ lu lèn chặt 1.4		m3	175				
9	Đắp cát đen trồng cỏ Green cao 300mm đơn giá theo đầu vào vật liệu chưa bao gồm độ lu lèn chặt 1.4		m3	91,5				
10	Cọc gỗ 30a400 dài 1.0m		cọc	121				
11	Lớp vải địa kỹ thuật ngăn cát		m2	58,80				

12	Đinh 5 cài vải khu green gạt		kg	1
13	Vải địa kỷ thuật lót đáy Green		m2	12
14	Đinh 5 cài vải khu Bunker		kg	
15	Vải địa kỷ thuật lót đáy Bunker		m2	1
16	Cát trắng đắp Bunker dày 300mm, Bunker rộng khoảng 20m2		m3	8,
	Trồng cỏ			
17	Trồng cỏ Bermuda nền sân Green Gạt		m2	10
18	Trồng cỏ Tip eagle nền Green gạt		m2	15
19	Lu ủi mặt cát		Gói	
20	Chăm sóc cỏ		tháng	
C. HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC				
I. TRONG SÂN				
1	Ống nhựa uPVC D110 (đục lỗ)		m	68
2	Ống nhựa PVC D200 (không đục lỗ)		m	29
3	Tê PVC 45 độ D200 (Y D200)		cái	48
4	Lơi D200(Chếch D200)		cái	6
5	Đầu bịt nhựa D200		cái	8
6	Nối PVC D200 (Măng sông D200)		cái	60
7	Nắp Gang thu nước + Thông hơi D300		cái	6
8	Tê PVC 90 độ D200		cái	24
9	Keo dán ống		kg	30
10	Khối lượng đá 1-4 lấp ống		m3	90
11	Khối lượng đất đào trôn ống		m3	170
12	Khối lượng đất đắp trả lại lấp ống		m3	45
13	khối lượng đất vận chuyển đi		m3	135
14	Khối lượng vải địa kỹ thuật		m2	1060
15	Khối lượng sửa đáy rãnh		m2	580
16	Nhân công thi công		Gói	1
II. THOÁT NƯỚC GREEN				
1	Ống nhựa uPVC D90 (đục lỗ)		m	90
2	Ống nhựa uPVC D140 (không đục lỗ)		m	45
3	Ống nhựa uPVC D140 (đục lỗ)		m	6

4	Y thu D140/90		cái	12	
5	Tê 140/90		cái	4	
6	Y D90		cái	10	
7	Chếch D140		cái	3	
8	Tê D140		cái	4	
9	Đầu bịt nhựa D90		cái	25	
10	Măng sông D90		cái	10	
11	Đầu bịt trơn D140		cái	5	
12	Măng sông D140		cái	8	
13	Nắp Gang thu nước + Thông hơi		cái	2	
14	Keo dán ống		kg	5	
15	Khối lượng đá 1-4 lấp ống		m3	5,00	
16	Khối lượng đất đào trôn ống		m3	7,00	
17	Khối lượng đất đắp trả lại lấp ống		m3	3,00	
18	khối lượng đất vận chuyển đi		m3	5,000	
19	Khối lượng vải địa kỹ thuật		m2	80,000	
20	Khối lượng sửa đáy rãnh		m2	45	
21	nhân công thi công		Gói	1	
D. HỆ THỐNG TƯỚI NƯỚC					
I. TƯỚI NƯỚC TRONG SÂN					
a,	**THIẾT BỊ TƯỚI TỰ ĐỘNG**				
1	Đầu phun (pop-up 10cm)		Cái	7	
2	Đầu phun (pop-up 12,7cm)		Cái	33	
3	Co SBE050		Cái	15	
4	Ống dẻo SPX-100		Mét	4	
5	Van lấy nước nhanh QCV		Bộ	6	
6	Hộp đựng van		Bộ	21	
b,	**Đường ống và phụ kiện**				
1	Ống HDPE DN32 PN8		Mét	184	
2	Ống HDPE DN63 PN8		Mét	613	
3	Ống HDPE DN90 PN10		Mét	221	
4	Đai khởi thuỷ PE 32x1/2"		Cái	7	
5	Đai khởi thuỷ PE 90x3/4"		Cái	6	
6	Đai khởi thuỷ PE 90x1"		Cái	2	
7	Đai khởi thuỷ PE 90x2"		Cái	9	
8	Nút bịt PE 90		Cái	4	
9	Tê PE 63		Cái	22	

10	Tê PE 90		Cái	1	
11	Cút PE RN 32x1"		Cái	33	
12	Cút PE RN 63x2"		Cái	7	
13	Cút PE 63		Cái	15	
14	Cút PE 90		Cái	7	
15	Côn thu PE 63x32		Cái	33	
16	Măng xông PE 63		Cái	12	
17	Măng xông PE 90		Cái	6	
18	Măng xông PE RN 32x1"		Cái	6	
19	Măng xông PE RN 63x2"		Cái	15	
20	Măng xông PE RN 90x3"		Cái	2	
21	Măng xông PPr. RN 25x3/4"		Cái	6	
22	Cút PPr. RT 25x3/4"		Cái	6	
23	Măng xông PPr. RN 50x1.1/2"		Cái	5	
24	Ống PPr. DN25 PN10		Mét	184	
25	Măng xông PPr. DN25		Cái	45	
26	Cút PPr. 25		Cái	6	
27	Van tay PPr. 25		Cái	6	
28	Van gạt tay 1"		Cái	1	
29	Van một chiều 2"		Cái	2	
30	Van gạt tay 2"		Cái	10	
31	Van giảm áp 1"		Cái	1,23	
32	nhân công thi công.		gói	1,00	
c,	**Hệ thống Bơm cấp nước**				
II. TƯỚI NƯỚC NHÀ BƠM					**CĐT phụ trách**
III. TƯỚI NƯỚC GREEN					**CĐT có sẵn**
1	Đầu phun cao10cm		Cái	7	
2	Co SBE075		Cái	14	
3	Ống dẻo SPX-100		Mét	5	
4	Ống HDPE DN63 PN8		Mét	75	
5	Đai khởi thủy 63x3/4"		Cái	7	
6	Tê PE 90		Cái	1	
7	Côn thu PE 90x63		Cái	1	
8	Tê PE 63		Cái	1	
9	Cút PE 63		Cái	5	
10	Măng xông RT PE 63x2"		Cái	2	
11	Lơ thép mạ kẽm 65/25		Cái	2	

12	Kép thép mạ kẽm 25		Cái	3	
13	Măng xông PE 63		Cái	1	
14	Nhân công thi công		Gói	1	
E. HẠNG MỤC THI CÔNG LƯỚI GOLF					
1	**Lưới golf HDPE nguyên sinh 100%** Kích thước mắt 2,5cm ; Đường kính ~2.5mm, Màu xanh lá Tỉ lệ uv 3%, Bảo hành độ mục 5 năm. Kích thước Lưới bằng kích thước thực tế công trình: 9,334.98 x 1,2 hao phí độ trùng thi công = **11,202m2** Sau khi hoàn thiện thi công, tấm lưới có những đường keo nối lưới. Sản xuất tại Cty TNHH Lưới Công Trình	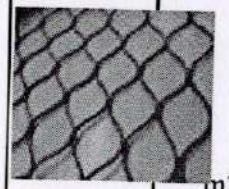	m2	11.202	
2	Nhân công thi công căng lưới, lắp đặt lưới mới, tính theo khối lượng lưới được duyệt.		m2	9.335	
3	Cáp thép nhúng dầu/ bọc nhựa phi 8; Hao phí thi công: 1.2 Bố trí cáp theo bản vẽ đính kèm.	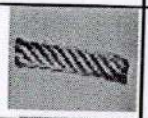	md	4.152,8	
4	Vật tư phụ gồm ; Ốc siết cáp , Tăng đơ, kim chỉ, các dụng cụ thi công khác v.v…..	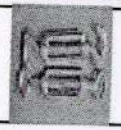	gói	1	
5	Chi phí quản lý.		gói	1	
6	Vận chuyển vật tư ra Đà Nẵng		gói	1	
F. HẠNG MỤC CUNG CẤP THIẾT BỊ GOLF					

1	Banh golf 1 lớp,(Miễn phí in logo 1 màu) ĐK: 42.6mm, Nặng: ~45-46g Nguyên liệu: cao su, chất tạo độ nảy, Bảo hành 1000 lần phát Nhập khẩu Đài Loan/*Chuyên sử dung cho sân tập golf Him Lam, Long Biên, Phương Đông,....*		trái	10000				
2	Thảm tập golf 2 lớp loại tốt: 1.5m x 1.5m, 3cm 2 lớp, 1 đế mút xốp và 1 lớp cỏ nhân tạo không bị cong, vênh Nhập khẩu Đài loan		tấm	30				
3	Bảng báo hiệu khoảng cách KT : H60cm × W120cm Khung bằng inox, bề mặt bằng nhựa dẻo,in số hoặc vải bạt 2 da. Nhập khẩu		cái	5				
4	Cột cờ được làm bằng sợi thủy tinh (cao ~2m), lá cờ có in ấn số Màu sắc:đỏ,vàng, xanh,trắng. Lỗ golf inox :17 x 10,8 cm Nhập khẩu		bộ	3				
5	Giỏ Lưới Chipping net bằng lưới, khung inox Kích thước :58cm x H46cm Nhập khẩu		cái	2				
6	Chất liệu: khung Inox 304. loại tốt nhất, có số line; có in logo của chủ đầu tư đính kèm để phục vụ cho Quảng cáo. Giá chưa bao gồm gương cầu. Nhập khẩu Hàn Quốc.		cái	30				

	Gương cầu: soi hình ảnh tư thế người chơi, gắn lên vách ngăn; GƯƠNG BẰNG INNOX ĐÍNH KÈM, LÀ OPTION KHÔNG TÁCH RỜI SẢN PHẨM; SẢN XUẤT THEO BỘ NHẬP KHẨU HÀN QUỐC CHUYÊN PHỤC VỤ SÂN TẬP GOLF		cái	30					
8	Tee làm bằng cao su dẻo chịu lực, nhiều KT khác nhau, 3,5cm, 5,5cm. 6,5cm . Màu đen có vành mũ		cái	500					
9	Khay đựng banh Đựng 100 banh, bằng cao su, dẻo. Màu đen Sản xuất bởi Cty TNHH Lưới Công Trình		cái	30					
10	Rổ bằng inox hoặc nhựa đựng 100 banh;		cái	40					
11	**Xe nhặt banh golf 3 càng** Nhập khẩu Đài Loan , mới 100% Động cơ 10 ngựa của NHẬT mới 100%, khởi động an toàn vỏ ngoài thân máy, tấm théo có độ dày trên 1.5mm, chỗ lái xe có ghế tựa lưng nhiên liệu sử dung xăng không chì có 3 cụm bánh lăn nhặt banh, trước 1 bánh 2 bên hai bánh số lượng banh có thể nhặt: 2000 banh hệ thống thắng xe bằng chân. Hệ thống bánh lăn có thể quay 360 độ, xoay vòng Kích thước: Rộng ~ 2.5m: Dài ~		xe	1					

12	Máy rửa banh Linh kiện khẩu Đài Loan lắp ráp thân tại Việt Nam Công suất: 800 bóng / 5 phút. Motor: 1,5 Hp. Tốc độ quay: 1400 quay / phút. Sử dụng điện một pha. Rulo: Ø 114, Bạc đạn: PVC 205. Cấu trúc khung: sắt V4 và phủ bột kẽm. Thép không gỉ bao gồm 304 x 8. KT: (152 x 60 x 80) cm. . KT: Rộng ~ 1.5m: Dài ~ 3m	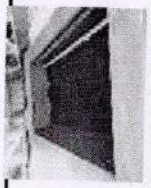	máy	1					
	Bàn ghế khách ngồi chờ Khung bằng inox, có 1 bộ bàn gỗ 2 ghế bọc mút nỉ và 1 giá để gậy inox.		bộ	30					
	GIÁ ĐỂ GẬY: GẮN LIỀN VÀO BỘ BÀN GHẾ. OPTION KHÔNG TÁCH RỜI; HÀNG NHẬP KHẨU HÀN QUỐC CHUYÊN DÙNG CHO SÂN TẬP GOLF.		bộ	30					
	Vận chuyển thiết bị ra Đà Nẵng		chuyến	1					
TỔNG CỘNG					**4.230.149.276**	**630.475.156**	**3.599.674.120**		
VAT 10%					**423.014.928**	**63.047.516**	**359.967.412**		
TỔNG THANH TOÁN SAU VAT					**4.653.164.204**	**693.522.672**	**3.959.641.532**		

Giá trị của phụ lục 01 sẽ được điều chỉnh thành phụ lục 02, với khối lượng được hai bên thống nhất lại qua bóc tách dự toán, đơn giá thì theo giá đã chào, những trường hợp chưa có trong báo giá này sẽ được hai bên thống nhất lại, và đưa vào phụ lục 02; Bên B chỉ khảo sát, triển khai bản vẽ lại và bóc tách dự toán cho những hạng mục được ghi trong phụ lục 01;

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

M.S.D.N: 0401939816 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ GOLF ĐÀ NẴNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐÀM QUANG VIỆT

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

M.S.D.N: 0309542 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hà Lê Thùy Quyên

CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI

HỢP ĐỒNG THI CÔNG

GÓI THẦU XL05_02: THI CÔNG SÂN BÓNG ĐÁ, SÂN QUẦN VỢT, SÂN GOLF

Dự án : Thành phố giáo dục Quốc Tế Quảng Ngãi

Địa điểm : Phường Nghĩa Lộ, Tp. Quảng Ngãi

Chủ đầu tư : Công ty TNHH thành phố giáo dục Quốc Tế Quảng Ngãi

Tp. Quảng Ngãi, tháng 12 năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THI CÔNG GÓI THẦU XL05_02
*Số: 1812*2018/HĐKT/LCT-NHG

Gói thầu : XL05_02 Thi công sân bóng đá, sân quần vợt, sân golf
Dự án : Thành phố giáo dục quốc tế Quảng Ngãi

GIỮA

CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI

VÀ

CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH

PHẦN 1: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- *Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;*
- *Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội;*
- *Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;*
- *Căn cứ Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;*
- *Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*
- *Căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng*
- *Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*
- *Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;*
- *Căn cứ Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;*
- *Căn cứ hồ sơ mời chào giá gói thầu "XL05_02 – Thi công sân bóng đá, sân quần vợt, Sân golf;*
- *Căn cứ hồ sơ chào giá của công ty Công ty TNHH Lưới công trình;*
- *Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai Bên.*

PHẦN 2: ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong hợp đồng những từ và thành ngữ sau sẽ được hiểu theo nghĩa được xác định dưới đây:

1.1. "Bên A" hay "Chủ đầu tư" là **Công ty TNHH Thành phố Giáo dục Quốc tế Quảng Ngãi**;

1.2. "Bên B" hay "Bên nhận thầu" hay "Nhà thầu chính" là **Công ty TNHH Lưới công trình** đã được Bên A chấp nhận và những người thừa kế hợp pháp của Bên B chứ không phải (trừ khi có sự đồng ý của Bên A) là bất kỳ người nào được uỷ quyền của Bên B;

1.3. "Nhà thầu phụ" là người thực hiện từng phần công việc trong hợp đồng này với sự đồng ý của "Nhà thầu chính" thông qua hợp đồng thầu phụ và được chủ đầu tư chấp thuận;

1.4. "Kỹ sư" là đại diện của Công ty Tư vấn Giám sát do Bên A thuê và/hoặc cán bộ giám sát của Bên A thay mặt mình giám sát việc thực hiện các công việc theo hợp đồng này;

1.5. "Hợp đồng" bao gồm phần hợp đồng, các bản vẽ, bản tiên lượng và giá, các phụ lục kèm theo, toàn bộ Hồ sơ chào giá đã được Bên A chấp nhận, thông báo trúng thầu và các bản thoả thuận đã được Bên A và Bên B ký kết;

1.6. "Bản vẽ" là tất cả các bản vẽ thiết kế thi công, các phụ lục mô tả đặc điểm kỹ thuật được Bên A cung cấp cho Bên B theo đúng hợp đồng và tất cả các bản vẽ, bản thuyết minh tính toán, mẫu mã, kiểu mẫu, mô hình, những sách hướng dẫn về kỹ thuật thi công, bảo quản và thông tin kỹ thuật khác có tính chất tương tự đã được Bên B đề nghị và được Bên A chấp nhận;

1.7. "Hồ sơ chào giá" là các tài liệu do Bên B lập theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá;

1.8. "Thông báo trúng thầu" là sự chấp nhận chính thức Hồ sơ dự thầu bằng văn bản của Bên A;

1.9. "Công trình" là Dự án Thành phố giáo dục quốc tế Quảng Ngãi;

1.10. "Ngày bắt đầu" là ngày mà Bên B nhận được thông báo bắt đầu công việc của Bên A và biên bản giao nhận mặt bằng;

1.11. "Giá hợp đồng" là số tiền nêu trong hợp đồng được trả cho Bên B đã thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa mọi sai sót theo đúng qui định của Hợp đồng;

1.12. "Tiền giữ lại" là tổng số các khoản tiền mà Bên A giữ lại theo quy định;

1.13. "Công trình tạm thời" gồm những công trình tạm thời tất cả các loại (trừ thiết bị của Bên B) cần thiết cho việc thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót;

1.14. "Thiết bị của Bên B" gồm tất cả các dụng cụ và đồ vật có bất kỳ đặc tính gì (ngoài công trình tạm thời) cần thiết cho việc thi công và sửa chữa sai sót nhưng không gồm máy móc, nguyên vật liệu hoặc vật khác cấu thành một bộ phận của công trình lâu dài;

1.15. "Chi phí" gồm tất cả các khoản chi tiêu đã hoặc sẽ phải chi một cách hợp lệ tại công trường hoặc ngoài công trường kể cả tổng chi phí quản lý và các khoản chi khác được phép nhưng không bao gồm khoản tiền lợi nhuận;

1.16. "Công trường" là địa điểm mà Chủ đầu tư cung cấp để thi công công trình và những chỗ khác được nêu cụ thể trong hợp đồng coi như một bộ phận của công trường;

1.17. "Ngày", "Tuần", "Tháng" là ngày, tuần, tháng Dương lịch;

1.18. "Văn bản" bao gồm bản viết tay, đánh máy hoặc thông báo in kể cả bản Fax, telex, điện tín, thư điện tử (email).

PHẦN 3: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại Văn phòng Công ty TNHH Thành phố Giáo dục Quốc tế Quảng Ngãi, chúng tôi gồm:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (SAU ĐÂY GỌI LÀ BÊN A):

- Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI**
- Địa chỉ trụ sở chính : Số B207 Nguyễn Thái Học, Phường Chánh Lộ, Tp Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Người đại diện : **Bà HOÀNG NGUYỄN THU THẢO**
- Chức vụ : **Phó Giám đốc**
- Tài khoản số : 060166050777
- Tại : Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín Sacombank – CN Tân Định - PGD Phạm Ngọc Thạch, TPHCM
- Mã số thuế : 4300806655

2. NHÀ THẦU (SAU ĐÂY GỌI LÀ BÊN B):

- Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH**
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 69, đường số 8, P.11, Q. Gò Vấp, TP.HCM.
- Người đại diện : **Bà HÀ LÊ THÙY QUYÊN.**
- Chức vụ : **Giám đốc.**
- Tài khoản số : 644907
- Tại : Ngân Hàng ACB – PGD Bình Hòa, Tp. HCM
- Mã số thuế : 0309542696

Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thi công gói thầu XL05_02: Thi công sân bóng đá, sân quần vợt, sân golf của dự án Thành phố Giáo dục Quốc tế Quảng Ngãi (IEC-QN) với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc

1.1 Nội dung công việc

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện thi công gói thầu XL05_02: Thi công sân bóng đá, sân quần vợt, sân golf cho dự án Thành phố Giáo dục Quốc tế Quảng Ngãi với quy mô theo Thiết kế kỹ thuật đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

1.2 Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật

Phải được thực hiện theo đúng thiết kế được duyệt và các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam;

Chất lượng công trình phải được quản lý và thực hiện theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015;

Bên B lập quy trình quản lý chất lượng, biên pháp thi công trình Ban Quản lý dự án Bên A phê duyệt trước khi tiến hành thi công.

Vật tư đưa vào công trình phải đảm bảo đúng chủng loại như trong Bảng vật tư đã được Bên A phê duyệt. Các chủng loại vật tư đưa vào công trường phải đảm bảo có đầy đủ thông tin về hợp chuẩn và hợp qui theo qui định hiện hành;

Bên B phải cung cấp cho Bên A các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Mẫu thép, mẫu bê tông và các mẫu vật liệu khác phải được thí nghiệm tại những phòng thí nghiệm có Chứng nhận hợp chuẩn. Quá trình thí nghiệm phải được Bên A hoặc đơn vị TVGS xác nhận;

Những vật tư sử dụng trong công trường không bảo đảm về chất lượng, các chủng loại vật tư buộc phải di chuyển khỏi công trường ngay khi Bên A yêu cầu. Chi phí liên quan đến việc xử lý vật tư không đảm bảo chất lượng, chủng loại sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Các tài liệu sau đây là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng;
- Hồ sơ mời chào giá;
- Hồ sơ dự thầu/ hồ sơ chào giá;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hạng mục công trình;
- Bản vẽ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật;
- Các điều kiện kỹ thuật;
- Bảng giá trị giao nhận thầu;
- Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Bảo đảm tiền tạm ứng

- Hình thức bảo đảm tiền tạm ứng: Thư bảo lãnh của ngân hàng có tư cách pháp nhân và đăng ký hoạt động theo Pháp luật Việt Nam.
- Mẫu bảo lãnh tạm ứng: do ngân hàng của Bên B đề xuất
- Giá trị bảo đảm tiền tạm ứng bằng giá trị Bên A tạm ứng cho Bên B. Giá trị này giảm dần theo các lần khấu trừ tiền tạm ứng của Bên A với Bên B khi thanh toán theo hợp đồng, thời gian có hiệu lực của bảo lãnh đến hết ngày 15/03/2019.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

4.1 Giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng bao gồm:

- 10% thuế giá trị gia tăng và tất cả các loại thuế, phí khác có liên quan để hoàn thành gói thầu này;
- Chi phí vật tư, nhân công và tập kết vật tư, thiết bị đến công trường và rời khỏi công trường;
- Chi phí thí nghiệm, kiểm tra chất lượng, nghiệm thu, hoàn công theo quy định;
- Chi phí dọn dẹp mặt bằng thi công và hoàn trả lại mặt bằng hạ tầng tiếp giáp công trình đúng với hiện trạng khi Bên A bàn giao cho Bên B;

- Chi phí bồi hoàn cho các công trình giáp ranh khu đất nếu xảy ra các hư hỏng, hoặc sự cố do quá trình thi công của Bên B gây ra;
- Chi thuê trạm điện tạm, chi phí điện và nước phục vụ công việc của Bên B;
- Chi phí bảo vệ công trường trong suốt quá trình thi công: 20,000,000 VNĐ (Hai mươi triệu đồng chẵn).
- Chi phí mua bảo hiểm cho bên thứ 3 và bảo hiểm cho công trình;
- Chi phí mua bảo hiểm thiết bị, máy móc phục vụ thi công, bảo hiểm tai nạn đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật;
- Chi phí để phối hợp với các nhà thầu khác, chi phí thực hiện các công tác chuẩn bị để triển khai thi công. Chi phí thuê văn phòng tạm cho Ban quản lý dự án, TVGS của chủ đầu tư;
- Chi phí tiếp đoàn thanh tra, kiểm tra và nghiệm thu của các ban ngành;
- Các khi phí khác nếu có nhằm phục vụ cho việc hoàn thành gói thầu.

Giá trị trước thuế	**: 6,363,636,364 VNĐ**
Thuế VAT	**: 636,363,636 VNĐ**
Giá trị sau thuế	**: 7,000,000,000 VNĐ**

(Bằng chữ: Bảy tỷ đồng)

(Đính kèm Bảng giá trị giao nhận thầu)

4.2 Tạm ứng và thanh toán, quyết toán:

4.2.1 Tạm ứng:

Bên B nộp Chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng cho Bên A. Khi đó, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B.

- Mức tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 20% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền: **1,400,000,000 đồng** bao gồm thuế VAT (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*) trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đúng, đủ hồ sơ tạm ứng hợp lệ từ Bên B.
- Điều kiện tạm ứng:
  + Thư đề nghị tạm ứng;
  + Bên B nộp chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng, trị giá bằng mức tạm ứng.

4.2.2 Thanh toán, quyết toán:

a. Thanh toán:

- **Các đợt thanh toán**: Thanh toán định kỳ cho bên B vào ngày 25 hàng tháng theo tiến độ công trình và được TVGS, CĐT đồng ý nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 90% giá trị của khối lượng công việc hoàn thành từng đợt và thu hồi phần đã tạm ứng theo tỷ lệ.
- Hồ sơ thanh toán:

+ Thư đề nghị thanh toán của Bên B tương ứng với giá trị của từng đợt;
+ Hóa đơn VAT;
+ Bảng xác nhận khối lượng, giá trị công việc hoàn thành có xác nhận của đại diện nhà thầu, đơn vị TVGS và Ban dự án;
+ Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên B trình đúng, đủ hồ sơ thanh toán cho Bên A.

- **Thanh toán đợt cuối:** Bên A thanh toán đến 90% giá trị của khối lượng hoàn thành đã trừ tạm ứng và các đợt thanh toán.
- Hồ sơ thanh toán bao gồm:
  + Thư đề nghị thanh toán của Bên B tương ứng với giá trị của đợt cuối;
  + Hóa đơn VAT;
  + Bảng xác nhận khối lượng, giá trị công việc hoàn thành có xác nhận của đại diện nhà thầu, đơn vị TVGS và Ban dự án;
  + Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên B trình đúng, đủ hồ sơ thanh toán cho Bên A.

b. Quyết toán:

- **Quyết toán**: Bên A thanh toán đến 100% giá trị quyết toán sau khi hoàn thành gói thầu và có biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục, biên bản kiểm tra của cơ quan quản lý hoạt động xây dựng (nếu có).
- Hồ sơ quyết toán:
  + Thư đề nghị thanh toán của Bên B tương ứng với giá trị quyết toán;
  + Biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành hạng mục thi công gói thầu;
  + Biên bản đồng ý nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý hoạt động xây dựng theo quy định;
  + Biên bản thanh lý hợp đồng;
  + Hóa đơn VAT của đại diện bên B;
  + Chứng thư bảo lãnh bảo hành;
  + Bảng xác nhận khối lượng, giá trị quyết toán có xác nhận của đại diện từng thành viên trong, đơn vị TVGS và Ban dự án;
  + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, bản vẽ hoàn công gói thầu;
  + Thời hạn thanh toán: trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên B trình đúng, đủ hồ sơ thanh toán cho Bên A.

Điều 5. Hình thức hợp đồng:

- Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định và khối lượng thực tế.

Điều 6. Thay đổi, điều chỉnh giá hợp đồng; Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

6.1 Thay đổi, điều chỉnh giá hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng được điều chỉnh nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có những khối lượng phát sinh ngoài hồ sơ thiết kế được duyệt, khối lượng thi công lớn hơn so với khối lượng ghi trong hợp đồng. Khối lượng các hạng mục công việc phát sinh phải được ghi đầy đủ trong biên bản phát sinh, có xác nhận của Bên A, Bên B, Thiết kế và Tư vấn giám sát (nếu Bên A yêu cầu).
- Các công tác phát sinh này phải được lập dự toán phát sinh căn cứ vào đơn giá và khối lượng công tác phát sinh và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở cho việc thanh toán. Đơn giá trong trường hợp có phát sinh được xác định như sau:
  + Căn cứ vào đơn giá công việc đã có hoặc công việc tương tự trong Bảng giá trị giao nhận thầu.
  + Trường hợp đơn giá của công tác đó không có hoặc không vận dụng được đơn giá trong Bảng giá trị giao nhận thầu thì hai Bên sẽ thỏa thuận đơn giá để thực hiện.
  + Nếu khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% so với hợp đồng thì hai bên có thể thỏa thuận để xác định đơn giá mới.
- Trường hợp bất khả kháng do thiên tai, chiến tranh,….và các thảm họa khác chưa lường hết được. Khi đó hai bên thương thảo để xác định giá trị hợp đồng điều chỉnh phù hợp với các qui định của pháp luật.

6.2 Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng:

- Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
  + Bổ sung hạng mục công việc, vật tư hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng của hồ sơ thiết kế được duyệt, khối lượng thi công lớn hơn so với khối lượng ghi trong hợp đồng;
  + Thay đổi, điều chỉnh hồ sơ thiết kế được duyệt;
  + Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.
- Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
- Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, Bên B phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Bảng tiến độ thi công chi tiết.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: **100** ngày (bao gồm ngày lễ, tết thứ 7 và chủ nhật), tính từ ngày **20/12/2018** đính kèm bảng tiến độ thi công chi tiết.

- Thời gian thực hiện hợp đồng không bao gồm thời gian chờ bên A đặt cọc, chờ thanh toán, ký hợp đồng, bàn giao mặt bằng, duyệt mẫu, duyệt bản vẽ, chờ nghiệm thu, chỉnh sửa bản vẽ và các nguyên nhân ảnh hưởng do thời tiết như : mưa, gió, bão, thiên tai, lũ lụt, v.v.....
- Thời gian thi công và hoàn thành (ngày hoàn thành), cụ thể như sau:
  + Bắt đầu : 20/12/2018 – kết thúc 28/02/2019;
- Bên B phải bắt đầu công việc ngay sau khi phát hành thông báo trúng thầu và thực hiện công việc một cách khẩn trương để đáp ứng đúng tiến độ về thời gian hoàn thành như đã nêu ở trên. Ngoài việc báo cáo tiến độ thi công định kỳ, mỗi khi hoàn thành xong một nội dung, hạng mục hay một giai đoạn công việc nào đó, Bên B phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A.
- Bên A không bị bắt buộc phải chấp thuận việc kéo dài thời hạn hoàn tất công trình, trừ khi Bên B:
  + Thông báo trước cho Bên A trong vòng 01 (một) ngày sau khi sự việc xảy ra có ảnh hưởng đến tiến độ thi công và được Bên A xem xét chấp thuận lý do kéo dài thời gian.
  + Báo cáo cho Bên A trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nêu trên về chi tiết thời gian cần xin phép gia hạn thêm để Bên A xem xét.
  + Thời gian kéo dài thêm để hoàn tất công trình phải được Bên A chấp thuận.
- Trong trường hợp tiến độ bị ảnh hưởng do các nguyên nhân không do lỗi của Bên B thì tiến độ sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Nhận bàn giao và quản lý tim, mốc, mặt bằng công trình do Bên A giao, chịu trách nhiệm về an ninh trật tự an toàn lao động, phòng cháy nổ và vệ sinh môi trường trong phạm vi do đơn vị mình đảm nhiệm thi công. Nếu để xảy ra sự cố Bên B phải chịu xử lý theo luật pháp định và theo các điều khoản cam kết trong hợp đồng này (Bên B chỉ hết trách nhiệm này khi Bên A ký nhận nghiệm thu và bàn giao công trình đưa vào sử dụng);
- Có trách nhiệm lập và trình Bên A hoặc TVGS thông qua: Tiến độ thi công (Tổng tiến độ, tiến độ chi tiết tuần, tháng); Biện pháp thi công; kế hoạch bố trí nhân lực, vật tư cho gói thầu; các biện pháp đảm bảo an toàn thi công, phòng chống cháy nổ và phải tuân thủ các biện pháp, kế hoạch, quy trình này trong suốt quá trình thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế thi công gói thầu thì cũng phải trình lại Bên A thông qua.
- Có trách nhiệm thực hiện các công việc đã đề cập trong hồ sơ mời thầu cũng như các công việc, các cam kết của Bên B trong hồ sơ dự thầu và các tài liệu có liên quan đến hồ sơ dự thầu.
- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ nhân sự được bố trí tham gia để thực hiện gói thầu này;
- Kéo các nguồn cấp điện, cấp nước từ đồng hồ tổng vào sử dụng và chịu mọi chi phí sử dụng trong quá trình thi công;

- Tổ chức kho bãi bảo quản vật tư, máy móc cho công trình. Chịu trách nhiệm về các sai sót, các sự cố trong phạm vi gói thầu, phạm vị công trường do mình được bàn giao quản lý;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình. Bảo đảm quản lý chất lượng công trình theo đúng Nghị Định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định khác có liên quan;
- Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu, máy móc không đúng chủng loại, thi công không đảm bảo chất lượng, gây ô nhiễm môi trường, gây ra hư hỏng đối với các công trình xung quanh và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra. Trường hợp hạng mục thi công của Bên B có liên quan đến hạng mục công trình của đơn vị khác, Bên B có trách nhiệm ngoại giao phối hợp với đơn vị liên quan để giải quyết nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình;
- Lập sổ nhật ký công trình, ghi chép đầy đủ và bảo quản cẩn thận.
- Lập bản vẽ hoàn công và tham gia nghiệm thu công trình;
- Không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng với bất cứ hình thức nào cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý của Bên A;
- Đảm bảo năng lực của các nhà thầu phụ và trình Bên A phê duyệt các nhà thầu phụ (nếu có) trước khi thực hiện;
- Phối hợp chặt chẽ với Bên A, đơn vị tư vấn giám sát để thực hiện tốt công việc;
- Hoàn thành công trình đúng chất lượng, đúng tiến độ, và đáp ứng các yêu cầu hợp lý do Bên A đề ra. Thực hiện nghiêm túc các công việc đã được đề cập đến trong hồ sơ mời thầu của Bên A và hồ sơ dự thầu, các văn bản giải trình cam kết của chính Nhà thầu;
- Bảo hành công trình theo Điều 16 của hợp đồng này;
- Bên B chịu trách nhiệm về sự hợp lệ của nguồn gốc, chứng từ,...của các loại vật tư, máy móc...sử dụng trong công trình;
- Chịu chi phí kiểm định, thí nghiệm, chất lượng vật tư, cấu kiện,...đưa vào phục vụ công trình theo quy định. Đơn vị kiểm định, thí nghiệm sẽ do Bên B ký hợp đồng. Đối với những yêu cầu về kiểm định, thí nghiệm không thuộc phạm vi của hợp đồng mà do chủ đầu tư đề nghị kiểm định kiểm chứng thì bên nào sai thì bên đó phải chi trả phần chí phí này. Đơn vị kiểm định, thí nghiệm sẽ do Bên A chỉ định.
- Có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến công trình;
- Bên B phải đảm bảo bố trí đúng đủ, các nhân sự để hoàn thành công trình cụ thể như sau:
    - Chỉ huy trưởng cho công trình phải có trình độ đại học chuyên ngành xây dựng dân dụng, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm về xây dựng công trình tương tự, đã là chỉ huy trưởng ít nhất 02 công trình tương đương, chịu trách nhiệm về ATLĐ;
    - Có ít nhất 01 chỉ huy phó, trình độ đại học chuyên ngành xây dựng, Kinh nghiệm 5 năm trở lên. Đã là chỉ huy phó ít nhất 01 trình tương đương;
    - Có ít nhất 03 Kỹ sư xây dựng với 03 năm kinh nghiệm phụ trách vẽ bản vẽ thi công, tốt nghiệp đại học xây dựng hoặc kiến trúc;
    - Có ít nhất 01 cán bộ phụ trách quản lý khối lượng, trình độ đại học xây dựng hoặc kinh tế xây dựng, 03 năm kinh nghiệm;

- Có ít nhất 02 cán bộ trắc đạc, Có trình độ đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành trắc địa, có kinh nghiệm 2 năm về trắc đạc;
- Số lượng công nhân thi công các khối nhà do mỗi thành viên tự sắp xếp để đảm bảo tiến độ công việc nhưng không ít hơn số lượng quy định dưới đây (số công nhân tối thiểu hàng ngày thi công trên công trường):

- Bên B phải đệ trình sơ đồ tổ chức công trường, danh sách cán bộ chỉ huy và cán bộ kỹ thuật công trình, chứng chỉ kiểm định cho các thiết bị thi công chủ yếu và danh sách công nhân trên công trường cho Ban dự án IEC-QN trước ngày 20/12/2018;
- Bên A có quyền từ chối và yêu cầu Bên B đưa ngay khỏi công trường bất kỳ người nào có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực trong việc thực hiện nhiệm vụ theo phạm vi công việc của Hợp đồng này. Người bị sa thải phải được thay thế bằng một người được Bên A chấp thuận trong vòng 03 ngày kể từ khi có văn bản yêu cầu của Bên A;
- Danh sách cán bộ công nhân viên của Bên B đến thi công Công trình phải đăng ký với Bên A và chính quyền địa phương;
- Đối với vị trí Chỉ huy trưởng phải có mặt thường xuyên tại công trường trong suốt thời gian thi công.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về An toàn lao động. Chịu toàn hoàn trách nhiệm về an toàn lao động cho toàn bộ công nhân, vật tư thiết bị thi công trên công trình, các công trình xung quanh và các tài sản vật liệu khác của công trình, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công. Bảo vệ công trình khi chưa bàn giao cho Bên A;
- Thi công đúng theo thiết kế bản vẽ thi công và đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Thực hiện quản lý chất lượng thi công công trình theo đúng qui định của pháp luật;
- Thi công đảm bảo đúng tiến độ đối với phạm vi công việc được giao;
- Chịu sự giám sát của đơn vị tư vấn giám sát và chủ đầu tư;
- Lập tiến độ chi tiết, hằng tuần, hằng tháng phần công việc mà mình thực hiện trình Chủ đầu tư phê duyệt trước khi thi công;
- Thực hiện đúng, đủ và kịp thời các nội dung công việc để đảm bảo an toàn, chất lượng và đúng tiến độ.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Tổ chức bàn giao cột mốc, mặt bằng thi công cho Bên B;
- Cử cán bộ giám sát kỹ thuật xây dựng, giám sát lắp đặt thiết bị,… (hoặc thuê tư vấn giám sát) để tổ chức giám sát khối lượng, chất lượng và tiến độ thi công công trình theo qui định;
- Phối hợp với Bên B để giải quyết kịp thời các vướng mắc (nếu có) trong suốt quá trình thi công;
- Ký các hồ sơ khi Bên B trình đúng, đủ trong vòng 10 ngày làm việc;
- Tổ chức nghiệm thu công trình kể từ khi bên B gửi thư mời nhiệm thu trong thời gian không quá 24h làm việc;

- Có trách nhiệm bảo đảm nguồn kinh phí và tạm ứng, thanh toán cho Bên B theo đúng qui định của hợp đồng này;
- Trường hợp có sự thay đổi hồ sơ thiết kế được duyệt thì Bên A có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định trong thời gian sớm nhất.
- Bên B sẽ phạt Bên A bằng lãi suất quá hạn của ngân hàng theo tổng giá trị thanh toán của từng đợt cho mỗi ngày chậm thanh toán.
- Nếu quá 5 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà Bên A chưa thanh toán, Bên B có quyền tạm ngưng thi công. Mọi thiệt hại (trực tiếp và gián tiếp) sẽ được hai bên thương thảo và thống nhất.

Điều 10. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng

10.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Một Bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng khi Bên còn lại có lỗi làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của mình. Việc tạm dừng hợp đồng phải được thông báo bằng văn bản. Trường hợp một Bên tạm dừng thực hiện hợp đồng mà không thông báo và việc tạm dừng này gây thiệt hại cho Bên còn lại thì phải bồi thường.
- Hai Bên phải thiện chí cùng bàn bạc giải quyết các vướng mắc để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.
- Trường hợp tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên A thì hai bên sẽ thảo luận và xác định khoảng thời gian và chi phí phát sinh cho Bên B trong khoảng thời gian tạm dừng đó (nếu có).

10.2 Đình chỉ thực hiện hợp đồng:

- Một bên có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường tất cả thiệt hại do hợp đồng bị đình chỉ thực hiện.
- Bên đình chỉ thực hiện hợp đồng phải thông báo bằng văn bản ngay cho bên kia biết về việc đình chỉ thực hiện hợp đồng. Nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng phải bồi thường.
- Khi hợp đồng bị đơn phương đình chỉ thực hiện, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bên kia nhận thông báo đình chỉ thực hiện hợp đồng.

10.3 Chấm dứt hợp đồng:

- Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp:
  + Hợp đồng bị đình chỉ thực hiện và hai bên không thể giải quyết các vướng mắc để tiếp tục thực hiện hợp đồng;
  + Một trong hai bên hoặc cả hai bên bị phá sản, giải thể;
  + Bên B vi phạm quá 03 lần các quy định về thi công nghiệm thu, quản lý chất lượng do Bên A hoặc cơ quan quản lý nhà nước phát hiện.
  + Tiến độ thi công công trình chậm trễ quá 10 ngày mà không có sự chấp thuận của Bên A.
  + Các trường hợp bất khả kháng;
  + Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận.

- Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng nếu Bên B ngưng thi công quá 7 ngày trong khi việc ngưng thi công này không có trong Bảng tiến độ thi công chi tiết hiện tại và chưa được Bên A chấp thuận.
- Trường hợp chấm dứt hợp đồng, Bên B phải ngừng ngay công việc giữ công trường an toàn và rời công trường theo yêu cầu của Bên A.

Điều 11. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng

- Trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng thì Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường các thiệt hại (trực tiếp và gián tiếp) cho Bên A. Bên A không có trách nhiệm thanh toán cho bên B đối với các công việc đã thực hiện. Bên B phải vệ sinh, thu dọn tất cả thiết bị của mình ra khỏi công trình, giao lại mặt bằng theo yêu cầu của Bên A. Mọi vật liệu tại công trường, công trình tạm và công trình sẽ được xem là tài sản của Bên A.
- Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Bên A hoặc do bất khả kháng, hai Bên sẽ thương thảo, lập biên bản xác nhận khối lượng, giá trị các công việc, vật tư, chi phí hợp lý đã thực hiện để làm cơ sở thanh quyết toán cho Bên B.

Điều 12. Phạt, thưởng phạm hợp đồng

12.1 Phạt do chậm tiến độ:

- Bên B bị phạt cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn:
  + Bên A sẽ phạt Bên B **15,000,000** đồng (*Mười lăm triệu đồng*) cho mỗi ngày chậm tiến độ mốc tính chậm tiến độ được quy định tại điều 7 của hợp đồng này. Quá 15 ngày chậm trễ, Bên A sẽ có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Mọi thiệt hại (trực tiếp và gián tiếp) sẽ do Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường.
  + Tỷ lệ phạt và mức tiền phạt quy định trên đây sẽ không phụ thuộc vào các phán quyết của trọng tài.
  + Số tiền phạt hợp đồng sẽ được Bên A trừ vào hóa đơn thanh toán cho Bên B khi thực hiện việc thanh toán đến hạn của Bên B hoặc Bên B sẽ thanh toán bằng phương thức chuyển khoản theo sự thỏa thuận giữa các bên.

12.2 Phạt do vi phạm về chất lượng

- Nếu Bên B cố tình vi phạm về chất lượng công trình (đã được chủ đầu tư, giám sát, hoặc các bên có liên quan… phát hiện) thì ngoài việc phải thực hiện lại toàn bộ công việc vi phạm sẽ bị phạt 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho mỗi lần vi phạm.

12.3 Phạt do vi phạm an toàn lao động, không đảm bảo an ninh trật tự tại công trường:

- Nếu Bên B vi phạm các biện pháp đảm bảo an toàn lao động như đã cam kết trong HSDT hoặc không đảm bảo an ninh trật tự tại công trường thì Bên B sẽ chịu phạt 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) cho mỗi lần vi phạm

12.4 Phạt khi vi phạm các cam kết khác trong hợp đồng, trong hồ sơ dự thầu:

- Nếu Bên B vi phạm các biện pháp, quy trình quản lý thi công; nhân sự bố trí cho gói thầu đã cam kết trong hợp đồng sẽ bị phạt 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho mỗi lần vi phạm.

12.5 Các điều khoản phạt khác:

Các điều khoản phạt trên là những khoản phạt chính bao gồm nhưng không giới hạn các khoản phạt do vi phạm các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công trường... được quy định cụ thể trong phần điều kiện kỹ thuật đính kèm theo hợp đồng này.

Điều 13. Các điều khoản kỹ thuật trong công tác triển khai thi công và nghiệm thu công trình

13.1. Kế hoạch triển khai thi công

- Căn cứ các nội dung đã cam kết khi dự thầu về tiến độ thi công tổng thể, Biện pháp thi công …, Trong vòng 04 (bốn) ngày kể từ ngày thông báo trúng thầu, Bên B phải triển khai chi tiết tiến độ thi công từng hạng mục công việc (nhưng không chậm hơn so với tiến độ gói thầu được chủ đầu tư đặt ra) cũng như xây dựng kế hoạch triển khai thi công cho từng hạng mục bao gồm: nhân lực, vật tư, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn … để trình Bên A xem xét, chấp thuận thông qua.
- Bên B phải thực hiện theo các kế hoạch đã cam kết và được Bên A chấp thuận.
- Việc chấp thuận Bảng tiến độ thi công của Bên A sẽ không thay thế các nghĩa vụ của Bên B. Bên B có thể chủ động điều chỉnh lại Bảng tiến độ thi công cho phù hợp với tình hình thực tế và trình lại cho Bên A thông qua trước khi thực hiện.

13.2. Các điều kiện sơ bộ:

13.2.1. Lời giới thiệu.

Các tiêu chuẩn và yêu cầu chung này miêu tả các tiêu chuẩn về thiết kế, cung cấp vật liệu và biện pháp thi công của hợp đồng thi công xây dựng cho các hạng mục sẽ đề cập trong phần phạm vi công việc dưới đây của hợp đồng. Tiêu chuẩn này cũng đề cập rõ trách nhiệm ràng buộc của Nhà thầu, đơn vị Tư vấn quản lý dự án, Chủ đầu tư trong hợp đồng.

13.2.2. Các tiêu chuẩn thiết kế, thi công và vật liệu.

a) Các tiêu chuẩn.

(1) QCVN 18:2014/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng.

(2) TCVN 1770:1986 – Cát đắp nền đường theo.

(3) 22 TCN 334:06 – thi công và nghiệm thu cấp phối đá dăm.

(4) 22 TCN 318:04 Độ hao mòn Los -Angeles của cốt liệu (LA), %.

(5) 22 TCN 332:06 Chỉ số sức chịu tải CBR tại độ chặt K98, ngâm nước 96 giờ, %.

(6) TCVN 1772:87(**) : Hàm lượng hạt thỏi dẹt, %.

(7) 22 TCN 333:06 (phương pháp II-D): Độ chặt đầm nén (Kyc), %.

(8) TCVN 4447:2012 – Công tác đất. Thi công và nghiệm thu.

(9) TCVN 9398:2012 – Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung.

(10) Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

b) Thí nghiệm.

Vật liệu và thiết bị của Nhà thầu phải được thí nghiệm bởi đơn vị thí nghiệm độc lập do Chủ đầu tư đề xuất. Chi phí thí nghiệm sẽ do Nhà thầu chi trả.

c) Phạm vi hợp đồng.

- Phạm vi công việc của hợp đồng này là cung cấp toàn bộ vật tư và thiết bị máy móc phục vụ công tác thi công trên công trường. Thi công tất cả các hạng mục công trình được ghi rõ trong hợp đồng.
- Tất cả các công việc sẽ phải được Nhà thầu thực hiện phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế được phê duyệt.
- Trách nhiệm của Nhà thầu là phải đảm bảo toàn bộ vật liệu và thiết bị được đề cập hoặc miêu tả trong tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế và những yêu cầu cần thiết khác về thi công đúng và đạt yêu cầu về chất lượng và tiến độ của dự án.

d) Khảo sát công trường.

Nhà thầu cần phải đi khảo sát kỹ lưỡng công trình (trước khi tham gia dự thầu) về cao độ hiện trạng, đường vào chính trong quá trình thi công, các kết cấu hiện hữu, các phần diện tích trống để có thể tập kết vật tư, thiết bị hoặc lắp dựng các công trình phụ trợ phục vụ thi công ...phần cung cấp nước, điện cho sinh hoạt và thi công. Tất cả những chi phí cho các công tác này đều nằm trong trực tiếp phí của hợp đồng và không được tính chi phí phát sinh.

e) Vật tư và thiết bị...

Nhà thầu phải cung cấp mọi trang thiết bị và dụng cụ, nhân lực, vật tư và kho bãi... (đúng chủng loại, đủ năng lực và an toàn) cần thiết cho thi công. Nhà thầu cũng sẽ phải di dời toàn bộ các thiết bị và dụng cụ này ra khỏi công trường ngay sau khi các công việc đó hoàn thành hoặc khi chúng không còn cần thiết nữa. Nhà thầu cũng phải có trách nhiệm dọn dẹp hoàn trả mặt bằng, sửa chữa những phần việc bị hư hỏng do lỗi của Nhà thầu. Tất cả những thiết bị, dụng cụ đặc biệt là vật liệu làm giàn giáo phải là vật liệu tốt, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thường xuyên và chưa có bất cứ sự hư hỏng nào. Trước khi vận chuyển vật tư và thiết bị vào công trường cũng như ra khỏi công trường Nhà thầu phải trình bằng văn bản toàn bộ danh sách vật tư thiết bị cho đơn vị Tư vấn quản lý dự án và phải có được sự chấp thuận của đơn vị Tư vấn quản lý dự án.

f) Các công trình phụ tạm.

- Nhà thầu phải tự cung cấp và lắp đặt toàn bộ Văn phòng tạm trên công trường, các kho bãi ... cần thiết cho việc phục vụ thi công.
- Vị trí và kích thước các khu công trình phụ tạm phục vụ thi công phải được Nhà thầu đệ trình bằng bản vẽ cho Tư vấn quản lý dự án để được xem xét kỹ trước khi phê duyệt.
- Nhà thầu sẽ phải cung cấp điện, nước và xây dựng hệ thống xử lý, thoát nước thải kết nối với hệ thống chung của khu vực. Chi phí điện nước và hệ thống dịch vụ thông tin công cộng của toàn bộ nhà để xe tạm, văn phòng, kho bãi ... Nhà thầu phải tự chi trả.
- Nhà thầu phải dọn dẹp toàn bộ Văn phòng, kho bãi và hoàn trả mặt bằng ngay sau khi hoàn thành toàn bộ công việc trong hợp đồng hoặc khi có yêu cầu phải di dời từ phía đơn vị tư vấn.

13.2.3. Hệ thống điện thoại, điện và nước tạm phục vụ thi công trên công trường.

a) Điện Thoại:

Nhà thầu phải trang bị các tiện ích về điện thoại và internet cho cán bộ kỹ thuật của mình làm việc trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và phải trả cước phát sinh trong quá trình sử dụng. Khi kết thúc hợp đồng Nhà thầu phải tháo dỡ và trả lại hiện

trạng gọn gàng, sạch sẽ theo yêu cầu của đơn vị Tư vấn quản lý dự án.

b) Điện và nước thi công:

- Hệ thống điện cấp nguồn trên công trường chưa được lắp đặt, nhà thầu phải tự bố trí nguồn điện phục vụ toàn bộ hoạt động của mình trong quá trình thi công của hợp đồng này.
- Nhà thầu phải kéo dây/ống cấp điện tạm và nước tạm trong suốt thời gian thi công của mình. Việc sử dụng điện phải tuân thủ các yêu cầu an toàn về điện theo TCVN hiện hành và yêu cầu hợp lý từ Tư vấn quản lý, TVGS dự án. Nước sử dụng cho thi công xây dựng phải đạt các TCVN hiện hành.
- Nhà thầu có trách nhiệm tháo dỡ hệ thống điện tạm và nước tạm của mình sau khi hoàn thành công việc của mình để trả lại mặt bằng hiện trạng gọn gàng, sạch sẽ theo yêu cầu của Tư vấn quản lý dự án.

c) Các biển báo, bảng hiệu.

Nhà thầu phải cung cấp và lắp đặt toàn bộ các biển báo cho dự án theo yêu cầu và phù hợp với quy định về an toàn và thi công. Nhà thầu không được phép lắp đặt các biển báo hoặc các biển quảng cáo khác bằng bất cứ hình thức nào trong ranh đất giới hạn của dự án và các khu vực lân cận trừ khi được chỉ dẫn bởi Tư vấn quản lý dự án về việc lắp dựng các biển báo hoặc biển chỉ dẫn.

d) Phòng ngừa các sự xâm phạm.

Nhà thầu phải giới hạn hoạt động của các công nhân làm việc trong phạm vi công trường và ngăn chặn mọi sự xâm nhập của họ vào các khu vực gần kề đang được thi công bởi các Nhà thầu khác.

e) Đăng ký nhân viên, công nhân và thẻ tên.

Tất cả nhân viên của Nhà thầu phải ký tên đăng ký vào công trường khi đến và khi rời khỏi công trường (thôi không làm việc nữa). Nhà thầu phải cung cấp danh sách các công nhân của mình và bản sao CMND (kèm bản chính để đối chiếu) cho Tư vấn quản lý dự án trước khi bắt đầu thi công ít nhất 24h để được phê duyệt.

Nhà thầu không được phép cho bất cứ người nào không được đăng ký vào công trường. Các chỉ dẫn nghiêm khắc cho việc này sẽ được gửi cho người quản lý công trường và bảo vệ của Nhà thầu.

Tất cả nhân viên của Nhà thầu sẽ được cung cấp thẻ tên và phải được đeo mọi lúc, mọi nơi khi làm việc trên công trường.

f) Bảo vệ tài sản của Chủ đầu tư và tài sản công cộng.

Nhà thầu phải giữ gìn vệ sinh sạch sẽ cho toàn bộ lối đi bộ, đường xe chạy, đảm bảo không gây cản trở sự lưu thông của người và xe trên công trường.

Nhà thầu cũng chịu trách nhiệm về việc các tác động và hư hỏng hoặc xô lệch bất cứ hệ thống công trình phục vụ của Chủ đầu tư cũng như các công trình công cộng khác như hệ thống cấp nước, hệ thống đường dây điện, hệ thống thoát nước thải…do nguyên nhân của Nhà thầu. Chi phí để sửa chữa và làm lại những hư hỏng này sẽ được trừ lại vào phần thanh toán của Nhà thầu hoặc do Nhà thầu chi trả.

Quá trình vận chuyển vật liệu vào ra công trường, nhà thầu phải có biện pháp đảm bảo không ảnh hưởng đến khu vực giao thông công cộng xung quanh công trường về vệ sinh, an toàn.

CĐT sẽ áp dụng mức phạt 500.000 đồng/lần (năm trăm nghìn đồng) khi công nhận của nhà thầu vi phạm.

g) Bảo vệ các kết cấu công trình gần kề.

Trong thời gian thi công trên công trường của hợp đồng này, Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm cho bất cứ sự hư hỏng nào của các kết cấu công trình, hệ thống phụ trợ, đường, hàng rào, hệ thống thoát nước mưa, nước thải…nằm trong khu vực thi công và lân cận. Tất cả các hư hỏng do Nhà thầu gây ra phải được làm lại và sửa chữa phù hợp với yêu cầu của Tư vấn quản lý dự án. Chi phí làm lại hoặc sửa chữa do Nhà thầu chi trả.

h) Bảo vệ tài sản của Nhà thầu.

Nhà thầu phải có đèn chiếu sáng suốt ngày đêm (nếu thấy cần thiết) trong quá trình thi công của hợp đồng này. Mọi sự mất mát hư hỏng về vật tư thiết bị… của Nhà thầu và Nhà thầu phụ trong quá trình thi công đều là trách nhiệm của Nhà thầu chính và thầu phụ.

CĐT thuê đơn vị bảo về cho dự án, chi phí bảo vệ sẽ được chia theo % giá trị gói thầu và được khấu trừ vào giá trị quyết toán.

i) Bảo vệ an toàn vật tư, thiết bị trên công trường.

Nhà thầu có trách nhiệm duy nhất về công tác an toàn vật tư và thiết bị trên công trường kể cả công tác vận chuyển vật tư, thiết bị tới công trường cho đến khi Chủ đầu tư chấp thuận hợp đồng đó hoàn tất. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ trang thiết bị cần thiết để bảo vệ sự tác động của tất cả các tác nhân ảnh hưởng như bão, lụt, nước ngầm …đến vật tư và thiết bị trong quá trình thi công.

Trong khu vực có vật liệu dễ cháy và các khu vực khác được Tư vấn quản lý dự án chỉ định, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các thiết bị chữa cháy (bình cứu hoả…) và biển báo, tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy.

j) Cấp cứu trên công trường.

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các dụng cụ và phương tiên cấp cứu phù hợp với yêu cầu của luật hiện hành...theo các điều khoản hợp đồng đó quy định. Trên công trường phải có ít nhất một cán bộ phụ trách (của Nhà thầu) đó được tập huấn cơ bản về nguyên tắc cấp cứu, sử dụng thành thạo các dụng cụ và phương tiện cấp cứu và phải có mặt thường xuyên trên công trường. Người được giao nhiệm vụ này (của Nhà thầu) phải biết rõ toàn bộ công nhân như họ tên và nhiệm vụ của họ và phải đứng ở vị trí bao quát giữa công trường.

CĐT sẽ áp dụng mức phạt 5.000.000 (năm triệu đồng) nếu không bố trí phòng y tế, và nhân viên y tế hiện trường theo quy định tại TT liên tịch 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT.

k) Đường tạm.

Nhà thầu phải làm hệ thống đường tạm (nếu cần thiết) cho thi công và thường xuyên bảo dưỡng hệ thống đường tạm này và cho các Nhà thầu khác cùng sử dụng.

l) Kích thước.

Nhà thầu phải thực hiện công việc theo đúng những kích thước đó định sẵn trên bản vẽ và tuyệt đối không được xác định bằng cách đo trực tiếp trên bản vẽ rồi nhân với tỷ lệ. Những vấn đề chưa rõ về kích thước trên bản vẽ cần phải được sự trả lời bằng văn bản chính thức của Tư vấn quản lý dự án trước khi thi công.

m) Đơn xin phép và giấy phép làm công việc nóng:

Trước khi thực hiện các công việc đặc biệt hoặc có tính chất nguy hiểm (như hàn xì, vật liệu dễ cháy, làm việc trên cao...) Nhà thầu phải trình các giấy phép làm việc được đơn vị Tư vấn quản lý dự án phê duyệt.

Tất cả những mẫu biểu giấy phép làm việc nóng sẽ được đơn vị Tư vấn quản lý dự án phát hành cho các Nhà thầu ngay trước khi Nhà thầu thi công.

n) Vệ sinh trên công trường

- Nhà thầu phải có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh sạch sẽ trên công trường hàng ngày. Toàn bộ rác bẩn và vật liệu thừa phải được tập kết tại nơi quy định và chở ra khỏi công trường. Chi phí này sẽ do Nhà thầu tự trang trải, không được tính cho phí phát sinh. Vật liệu trên công trường phải được xếp đặt gọn gàng đúng nơi quy định, không gây cản trở cho việc lưu thông trên công trường.
- Nhà thầu phải bố trí nhà vệ sinh tạm trên công trường phục vụ cho nhân viên trong suốt thời gian thi công. Số lượng nhà vệ sinh phải được tính toán và bố trí hợp lý thuận tiên trong quá trình sử dụng, các nhà vệ sinh phải được duy trì ở trạng thái sạch sẽ.
- Trong quá trình thi công trên công trường, nếu công tác vệ sinh chung trên công trường trong khu vực thi công của nhà thầu không đạt yêu cầu và bị Tư vấn quản lý dự án phát hiện chụp hình, Nhà thầu sẽ bị phạt 5 triệu VND cho mỗi lần vi phạm.
- CĐT sẽ áp dụng mức phạt 5.000.000 đồng/lần (năm triệu đồng) nếu Nhà thầu không bố trí nhà vệ sinh cho công nhân hoặc nhà vệ sinh bẩn, mất vệ sinh.

o) Biện pháp thi công và kế hoạch tiến độ của công việc.

Để đảm bảo yêu cầu về kế hoạch công việc và thời gian hoạch định trong hợp đồng của dự án. Nhà thầu phải có trách nhiệm đệ trình tiến độ thi công và biện pháp thi công tổng thể của các công việc trong hợp đồng trong vòng 3 ngày sau khi ký hợp đồng.

Tiến độ thi công chi tiết của các hạng mục cùng biện pháp thi công chi tiết sẽ phải được đệ trình trước thời điểm thi công hạng mục đó ít nhất 7 ngày để được kiểm tra phê duyệt.

p) Tiến độ thi công:

(1) Thời gian dự kiến ngày bắt đầu khởi công và ngày kết thúc các hạng mục khác nhau của dự án.

(2) Thời điểm mua (đặt hàng) vật tư, thiết bị.

(3) Số giờ làm việc hàng ngày của các nhân viên trên công trường.

(4) Thời gian bắt đầu chuyển hàng và thời gian dự kiến hàng đến công trường đối với những vật tư quan trọng.

Bản tiến độ này phải có giá trị thực tiễn cao, tất cả những yếu tố liên quan đến việc trì hoãn và những ảnh hưởng của sự trì hoãn này cần phải được phát hiện sớm để ngăn ngừa ảnh hưởng hoặc được điều chỉnh kịp thời. Tổng thời gian thi công cho bảng tiến độ là thời gian được định rõ trong hợp đồng hoặc có thể được rút ngắn hơn nếu Nhà thầu thấy có đủ khả năng. Khi cần thiết, Nhà thầu sẽ phải chuẩn bị tiến độ điều chỉnh cho Tư vấn quản lý dự án phê duyệt.

q) Biện pháp thi công:

Trong thời gian chuẩn bị để bắt đầu thi công trên công trường, đơn vị thi công phải trình biện pháp thi công tổng quát bao gồm nhưng không giới hạn các công tác đã được nhà thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu. Tuy nhiên, đơn vị thi công cần phải đệ trình biện pháp thi công chi tiết tất cả các hạng mục khác nhau để đơn vị TVGS và Ban QLDA kiểm tra phê duyệt. Biện pháp thi công chi tiết phải đạt các yêu cầu sau:

(1) Thể hiện rõ và đầy đủ các nội dung của công tác thi công từng hạng mục bao gồm (công tác chuẩn bị, bố trí, số lượng thiết bị, nhân lực trong các giai đoạn thi công, các đề xuất biện pháp để đạt yêu cầu kỹ thuật công việc…)

(2) Đạt yêu cầu về an toàn, vệ sinh.

(3) Đạt yêu cầu về tiến độ.

(4) Đạt yêu cầu về công tác đảm bảo chất lượng sau thi công bảo dưỡng (biện pháp bảo dưỡng, thời gian tháo ván khuôn …).

(5) Biện pháp thi công chi tiết phải được đệ trình cho TVGS và Ban QLDA trước khi thi công hạng mục đó ít nhất là 05 ngày để được phê duyệt tối thiểu 02 ngày trước khi được nhà thầu thực hiện.

r) Nhật ký công trường.

Nhà thầu phải giữ nhật ký công trường cho công việc tại công trường để ghi lại những thông tin cần thiết, nhật ký công trường sẽ bao gồm những thông tin sau đây:

(1) Số lượng công nhân hợp đồng trên công trường của Nhà thầu chính và Nhà thầu phụ.

(2) Vật tư đến công trường, vật tư được cung cấp và vật liệu đó sử dụng hoặc lắp đặt trong hợp đồng.

(3) Thiết bị trên công trường.

(4) Quá trình tiến hành công việc của Nhà thầu và Nhà thầu phụ.

(5) Sự trễ tiến độ so với tiến độ đó định của Nhà thầu phụ và Nhà thầu chính.

(6) Chỉ dẫn công trường và phát sinh đó nhận được.

(7) Bản vẽ và phiên bản của bản vẽ đó nhận được.

(8) Những sự kiện đặc biệt hoặc tai nạn, mất cấp v.v. . .

Nhật ký công trường phải được ép dấu giáp lai của Nhà thầu và đánh số thứ tự cho toàn bộ các trang của nhật ký công trường trước khi sử dụng trong quá trình thi công.

Hàng ngày nhật ký công trường phải được Nhà thầu cập nhật và đệ trình Tư vấn quản lý dự án kiểm tra vào cuối ngày làm việc. Tất cả các trang của nhật ký công trường phải được đại diện Nhà thầu và Tư vấn quản lý dự án cùng ký vào sau mỗi ngày làm việc.

Nhà thầu sẽ phải gửi một bản sao chụp nhật ký công trường cho Tư vấn quản lý dự án kiểm tra lại. Bản chính thức của nhật ký công trường sẽ phải gửi cho Chủ đầu tư sau khi công việc của gói thầu của mình hoàn tất.

s) Thiết bị để kiểm tra và đo đạc.

Nhà thầu phải đảm bảo có đầy đủ các thiết bị máy móc và dụng cụ để kiểm tra, đo đạc phù hợp với yêu cầu công việc trên công trường cũng như trong xưởng sản xuất. Tất cả các thiết bị, dụng cụ này phải ở tình trạng sử dụng tốt và còn trong thời hạn thời hạn kiểm định. Chi phí cho toàn bộ các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm và đo đạc do Nhà thầu chi trả.

t) Hỗ trợ Tư vấn quản lý dự án.

Nhà thầu sẽ phải hỗ trợ Tư vấn quản lý dự án khi được yêu cầu về nhân lực và thiết bị để kiểm tra các nội dung nghiệm thu như: Kiểm tra cao độ, định vị công trình, lấy mẫu vật liệu và thí nghiệm vật liệu kết hợp với công việc trong hợp đồng cũng như liên quan đến hợp đồng. Toàn bộ thiết bị thí nghiệm để thực hiện các công tác kể trên được đề cập trong mục 1.25 và mục 1.26 phải trong điều kiện sử dụng tốt. Tất cả các chi phí này đều do Nhà thầu chi trả.

u) Yêu cầu cho sự chấp thuận.

- Nhà thầu phải đề xuất các yêu cầu công việc như vật liệu, tiến trình thi công hoặc các phương pháp thi công đặc biệt v.v. . . bằng văn bản chính thức. Phiếu yêu cầu cho đệ trình vật liệu cần phải đi kèm theo cả mẫu vật liệu, nguồn gốc, xuất xứ, các thông số kỹ thuật của vật liệu v.v. . . với tất cả những chi tiết để được Tư vấn quản lý dự án duyệt chấp thuận đúng yêu cầu.
- Nhà thầu sẽ không đặt hàng vật liệu hoặc xúc tiến các phương pháp thi công nào đó cho đến khi nhận được sự chấp thuận của Tư vấn quản lý dự án bằng văn bản. Nhà thầu cũng phải cung cấp cho Tư vấn quản lý dự án các bản sao chép hoá đơn mua hàng cho những loại vật liệu sử dụng nếu có yêu cầu.

v) Mẫu thí nghiệm

Mẫu được Tư vấn giám sát chỉ định phải được Nhà thầu cung cấp ngay không được trì hoãn và phải theo đúng yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật về lấy mẫu, và các chi phí chi trả này do Nhà thầu chịu. Các mẫu phải được lấy đúng cách, thể hiên đầy đủ đặc trưng chất lượng của vật liệu. Các mẫu khi được Tư vấn quản lý dự án giám sát chấp thuận phải được lưu giữ tại công trường. Nhóm mẫu thích hợp và kho chứa mẫu hay container chứa mẫu sẽ do Nhà thầu cung cấp mà không được tính chi phí phát sinh.

w) Kiểm tra và thí nghiệm.

Tất cả các loại vật liệu đều phải được thí nghiệm trước khi rời khỏi nhà máy và Nhà thầu phải có được đầy đủ các chứng chỉ, tài liệu, biên bản xuất xưởng v.v. . . chứng minh rằng vật liệu đó được thí nghiệm theo đúng như các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến vật liệu đó để gởi trình lên Tư vấn quản lý dự án. Nhà thầu cũng phải có trách nhiệm cung cấp nhân công để thực hiện những công việc thí nghiệm khi được yêu cầu phù hợp với hợp đồng.

x) Vật tư có nhóm hiệu được chỉ định trong tiêu chuẩn.

Nhà thầu phải sử dụng loại vật tư đúng chủng loại và nhãn mác được đề cập trong bản vẽ hoặc trong bản điều kiện kỹ thuật này. Nhà thầu có thể sử dụng loại vật tư tương đương nếu phù hợp, cùng chất lượng và loại vật tư này phải được chấp thuận bằng văn bản của Tư vấn quản lý dự án. Nếu có sự không thống nhất giữa các hồ sơ thiết kế và bản các điều kiện kỹ thuật này thì phải được thông báo bằng văn bản ngay lập tức cho Tư vấn quản lý dự án để giải quyết và quyết định.

y) Lựa chọn khác.

Những lựa chọn khác cho biện pháp thi công, chi tiết thiết kế do kinh nghiệm hoặc phương pháp đặc biệt được Nhà thầu đề cập trong các cuộc họp (nếu có) phải được Nhà thầu đệ trình bằng văn bản để Tư vấn quản lý dự án xem xét và chấp thuận. Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận của Tư vấn quản lý dự án về những thay đổi đó trước khi thực hiện và những phiếu yêu cầu được chấp thuận phải thực hiện theo mục 1.26.

z) Bản vẽ thi công trên công trường.

Tất cả những bản vẽ thi công phải được giữ trên công trường trong suốt toàn bộ thời gian thi công. Các bản vẽ này phải là các bản vẽ được cập nhật mới nhất và phải có tình trạng chất lượng tốt nhất để đọc. Thuật ngữ "Bản vẽ thi công" có nghĩa bao gồm là các loại hồ sơ thiết kế, bản vẽ chi tiết, và phiên bản mới nhất của các bản vẽ thi công được thực hiện bởi Nhà thầu.

Việc Tư vấn giám sát kiểm tra hồ sơ thiết kế thi công của Nhà thầu chỉ là kiểm tra xem tính thích hợp tổng thể và phù hợp với các điều kiện kỹ thuật đã đề ra. Việc kiểm tra hoặc nghiệm thu các bản vẽ sẽ không có nghĩa là làm giảm đi trách nhiệm thiết kế thi công của Nhà thầu.

Vì vậy Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi chi phí phát sinh khắc phục cho những sai sót trong hồ sơ thiết kế của mình dẫn đến kết cấu gia công không đúng và không lắp đặt được vào vị trí.

aa) Các bản tính kết cấu, Bản vẽ thi công và Bản vẽ hoàn công.

- Khi được yêu cầu và khi xem xét các quy tắc thi công cần thiết, Nhà thầu cần phải chuẩn bị chi tiết các bản tính, bản vẽ thi công và gởi trình Tư vấn quản lý dự án kiểm tra và phê duyệt chấp thuận. Nhà thầu phải nộp 3 bộ bản vẽ được phê duyệt.
- Các bản vẽ thi công và hoàn công phải được đệ trình bằng bản mềm (ACAD, PDF…) và bản cứng (bản in).
- Nhà thầu cũng phải chuẩn bị bản vẽ hoàn công cho tất cả những công việc có trong hợp đồng. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư 08 bộ bản vẽ hoàn công. Các bản vẽ hoàn công phải được đệ trình lên Tư vấn quản lý dự án để được phê duyệt chấp thuận.

bb) Thời gian ngoài giờ.

Thời gian làm việc ngoài giờ cần thiết để hoàn thành công việc trong thời gian đó được quy định rõ trong hợp đồng hoặc bởi những lý do khác sẽ không được tính phát sinh. Nhà thầu phải báo trước bằng văn bản gửi cho Tư vấn quản lý dự án và TVGS để được phê duyệt (nếu có) trước khi thực hiện việc thi công ngoài giờ.

cc) Đơn giá.

Tất cả những báo giá, và chi phí thanh toán cho các hạng mục đó và sẽ thực hiện trong và ngoài hợp đồng là những chi phí trọn gói cho các hạng mục đó.

dd) Lưới toạ độ công trình và lưới cao độ.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bố trí lưới trục toạ độ và cao độ cho những hạng mục của Nhà thầu trong hợp đồng và những hạng mục khác ngoài hợp đồng có liên quan.
- Nhà thầu phải có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra mốc cao độ, lưới trục toạ độ để đảm bảo các mốc này không bị mất, sai lệch. Bất cứ sự sai lệch nào của hệ thống mốc này phải được thông báo cho Tư vấn quản lý dự án và các Nhà thầu liên quan ngay lập tức. Nhà thầu cũng phải có trách nhiệm hiệu chỉnh lại hệ thống mốc này và việc hiệu chỉnh phải được phía Tư vấn quản lý dự án chấp thuận.

ee) Họp công trường.

- Các cuộc họp sẽ được tổ chức thường xuyên hoặc được định trước bởi Tư vấn quản lý dự án trong quá trình giải quyết công việc, Chỉ huy trưởng công trường của Nhà thầu phải tham dự các cuộc họp này.
- Nhà thầu có nghĩa vụ phải tham dự các cuộc họp công trường. Thỉnh thoảng, Nhà thầu phụ sẽ được Tư vấn quản lý dự án yêu cầu tham dự các cuộc họp này nếu thấy cần thiết. Tuy nhiên thông thường việc yêu cầu Nhà thầu phụ tham gia các cuộc họp này ít khi xẩy ra vì Nhà thầu chính có nhiệm vụ và trách nhiệm giải quyết các khó khăn vướng mắc của Nhà thầu phụ của mình.
- Những cuộc họp công trường này đều dưới sự điều khiển của Tư vấn quản lý dự án. Những quyết định được thực hiện trong các cuộc họp này sẽ được ghi lại trong biên bản cuộc họp được thực hiện bởi đơn vị Tư vấn quản lý dự án, Nhà thầu phải có trách nhiệm ký vào các biên bản họp này.
- Nếu Nhà thầu không đồng ý với một số nội dung trong biên bản họp thì Nhà thầu phải phản hồi bằng văn bản cho đơn vị Tư vấn quản lý dự án trong thời gian quy định là 2 ngày. Những nội dung này sẽ được bàn bạc trong cuộc họp kế tiếp và sẽ ghi lại trong biên bản họp lần đó.
- Đơn vị Tư vấn quản lý dự án sẽ gửi bản sao của biên bản họp cho các Nhà thầu tham dự cuộc họp và các Nhà thầu liên quan. Biên bản họp phải được lưu ở công trường toàn bộ thời gian của dự án.

ff) Nhân viên của Nhà thầu.

Nhà thầu phải có đủ nhân lực để thực hiện công việc của hợp đồng đúng tiến độ và chất lượng. Các nhân viên của Nhà thầu phải có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm đối với các công việc mà họ tham gia. Nhà thầu phải cung cấp cho Tư vấn quản lý dự án danh sách của toàn bộ nhân viên trên công trường và nhân sự cấp cao để được Tư vấn quản lý dự án và TVGS chấp thuận căn cứ theo yêu cầu của Chương II trong HSMT này. Nhà thầu phải trình sơ đồ tổ chức công trường về nhân sự để TV QLDA và TVGS kiểm tra và phê duyệt.

Danh sách công nhân có kèm theo các thông tin cần thiết và phải được cập nhật thường xuyên và trình cho TV QLDA, TVGS theo mục 1.10.

Tư vấn quản lý dự án dự án có quyền từ chối không làm việc với những nhân viên của Nhà thầu không đạt yêu cầu trong công việc. Nhà thầu phải thay đổi ngay lập tức những nhân viên này sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Tư vấn quản lý dự án.

Trong quá trình nghiệm thu công việc, Chỉ huy trưởng công trường và các Kỹ Sư phụ trách công việc đó của Nhà thầu phải có mặt tại công trường.

gg)Công tác an toàn:

- Nhà thầu phải cung cấp và duy trì các tiện ích và biện pháp để đảm bảo an toàn cho công nhân, kỹ sư và khách thăm công trường. Các tiện ích và biện pháp an toàn này phải được thông qua bởi Tư vấn quản lý dự án và phù hợp với pháp luật hiện hành.
- Công tác an toàn phải được nhà thầu tiến hành nghiêm túc và áp dụng 24/24h đối với mọi trường hợp và vị trí thi công, tuân thủ đúng quy định về an toàn trong công trình xây dựng của thông tư 04/2017 BXD.

- Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm thi công đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và an toàn được pháp luật quy định trong thời gian thực hiện hợp đồng.
- Nhà thầu phải có đầy đủ phương tiện thiết bị để đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên và cho công việc. Nhà thầu cũng phải cung cấp đầy đủ các chỉ dẫn sử dụng các thiết bị đó được an toàn cho nhân viên.
- Nhà thầu phải có ít nhất một cán bộ chuyên trách phụ trách an toàn lao động trên từng khu vực thực hiện công việc khác nhau của hợp đồng. Cán bộ an toàn lao động này phải được đào tạo an toàn lao động và có chứng chỉ huấn luyện An toàn lao động.
- Tất cả các nhân viên và công nhân của Nhà thầu sẽ phải được trải qua khoá huấn luyện an toàn trước khi tham gia thi công trên công trường.
- Trước khi Nhà thầu thực hiện một số công việc hoặc sử dụng một số vật liệu riêng biệt nguy hiểm thì Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản với Tư vấn quản lý dự án để cùng nhau phối hợp đề ra các biện pháp phòng ngừa cần thiết đảm bảo an toàn cho toàn bộ nhân viên của dự án và môi trường.
- Các thiết bị cần thiết để thi công trong hợp đồng của Nhà thầu phải có đầy đủ điều kiện làm việc và được bảo trì thường xuyên và đạt yêu cầu. Nếu máy có sự cố thì phải sửa chữa ngay. Tất cả các thiết bị máy móc quan trọng trên công trường phải có giấy kiểm định trong thời hạn được sử dụng.
- Nhà thầu phải có trách nhiệm giám sát trên công trường để kiểm tra công việc hàng ngày và nếu cần thiết thì phải có các biện pháp sửa chữa ngay khi có hư hỏng.
- Những vật liệu thừa dễ cháy phải đươc tập hợp ở nơi quy định đặc biệt được chỉ định bởi Tư vấn quản lý dự án, những công việc liên quan đến việc cháy nổ cần phải có những giấy phép "làm việc nóng" của Tư vấn quản lý dự án và có những biện pháp an toàn cần thiết.
- Khi có các máy móc làm việc có phát sinh những tàn lửa như cắt và hàn gần những kho chứa vật liệu dễ cháy, Nhà thầu phải tính toán và cung cấp đủ lượng bình chữa cháy cần thiết. Nhân viên coi kho phải được đào tạo an toàn và hiểu rõ cách sử dụng bình chữa cháy.
- Nhà thầu phải bố trí lắp đặt các bình chữa cháy, các bảng báo nội qui, hiệu lệnh phòng cháy chữa cháy trong khu vực thi công của mình, và phải tổ chức cho nhân viên của mình tập huấn thao tác phòng cháy chữa cháy định kỳ ở công trường theo qui định hiện hành.
- Tư vấn quản lý dự án sẽ đình chỉ thi công nếu phát hiện Nhà thầu vi phạm quy định về an toàn lao động trên công trường cho đến khi Nhà thầu tuân thủ đầy đủ quy định an toàn. Sự trễ tiến độ (nếu có) bởi nguyên nhân này sẽ do Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Nếu nhà thầu vi phạm công tác an toàn trên công trường (công nhân và cán bộ kỹ thuật của nhà thầu không đủ thiết bị hoặc thiết bị bảo hộ lao động có nhưng không phù hợp) không bố trí sàn lan can bảo vệ đảm bảo an toàn theo quy định vi phạm an toàn hệ giàn giáo, sàn thao tác, không đảm bảo an toàn về lắp đặt và sử dụng điện trong thi công, sử dụng các thiết bị không có chứng chỉ kiểm định…, bị chủ đầu tư hoặc TVGS phát hiện sẽ bị phạt vi phạm an toàn là 5,000,000 VND (năm triệu đồng) cho mỗi lần vi phạm.

hh)Sự tham dự của các Nhà thầu khác.

- Nhà thầu chính được phép thuê những Nhà thầu phụ khác đủ năng lực tham dự vào các công việc trong hợp đồng để đảm bảo tiến độ đề ra.
- Nhà thầu chính phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc quản lý các Nhà thầu phụ của mình về vật liệu, dụng cụ làm việc…
- Nhà thầu phải đảm bảo được rằng các Nhà thầu phụ đạt được các yêu cầu trong công việc theo như hợp đồng. Nhà thầu chính có nhiệm vụ cung cấp tất cả các thông tin và những vật tư thiết bị cần thiết cho Nhà thầu phụ của mình (nếu có) để hoàn tất công việc đạt chất lượng và tiến độ. Tất cả những hư hỏng do Nhà thầu phụ của mình gây ra đều phải được sửa chữa hoặc làm lại với chi phí của Nhà thầu chính.

ii) Quan hệ với các Nhà thầu khác.

- Nhà thầu phải phối hợp chặt chẽ với Tư vấn quản lý dự án về mối liên quan giữa Nhà thầu và các Nhà thầu khác để ngăn chặn bất cứ nguyên nhân nào đó không thích hợp làm trễ tiến độ của công việc.
- Nhà thầu phải lập bản kế hoạch tiến độ thi công của mình trong hợp đồng và cung cấp cho Tư vấn quản lý dự án tất cả những thông tin cần thiết về sự phối hợp của tiến độ công việc của mình và các Nhà thầu phụ.
- Nhà thầu phải gởi trình bản tiến độ ngắn hạn (tiến độ ngày, tuần …) của mình và Nhà thầu phụ cho Tư vấn quản lý dự án để đảm bảo đáp ứng đúng với tiến độ tổng thể của dư án. Khi cần, Nhà thầu có thể chỉnh sửa bản tiến độ của mình nhưng phải được sự chấp thuận của Tư vấn quản lý dự án và không ảnh hưởng tới tiến độ tổng thể của dự án.
- Nhà thầu chính phải theo dõi sát các đối tác tham dự vào công việc trong hợp đồng của mình để có thể ngay lập tức báo cáo bằng văn bản cho Tư vấn quản lý dự án những trở ngại có thể ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.
- Nhà thầu phải ngay lập tức gửi bằng văn bản các báo cáo về sự nghi ngờ hoặc cảnh báo về sự hợp tác không đầy đủ của các Nhà thầu khác có thể ảnh hưởng tới chất lượng và tiến độ của dự án.

jj) Bản vẽ hoàn công:

Nhà Thầu phải chuẩn bị và trình toàn bộ các bản vẽ hoàn công cho Ban quản lý dự án và Tư vấn giám sát chậm nhất là 10 ngày kể từ khi nghiệm thu hoàn thành.
Trong quá trình thi công Nhà Thầu phải lưu giữ các biên bản thay đổi thực tế trong quá trình thi công (so với thiết kế gốc ban đầu) để cập nhật kịp thời trong bản vẽ hoàn công.
Bản vẽ hoàn công phải được chỉ huy trưởng của Nhà Thầu và Giám Đốc của Nhà Thầu ký và ép mộc sau đó trình Kỹ Sư của Ban quản lý dự án kiểm tra và ký duyệt.
Mẫu mộc hoàn công theo đúng mẫu hiện hành.

13.3. <u>Các điều kiện kỹ thuật</u>

➢ **Yêu cầu kỹ thuật thi công hạ tầng**

13.3.1. Yêu cầu về kỹ thuật thi công

13.3.1.1. Vật liệu đắp trả và vật liệu san lấp:

a) Cát đắp nền đường theo TCVN 1770 – 1986 và TCVN 5747 – 1993.
b) Phải là cát có mô đun độ lớn hạt >1.2, hàm lượng hữu cơ và bụi bẩn nhỏ hơn 5%.
c) Vật liệu cát san lấp bù cho đường bộ phải đảm bảo lu lèn đạt K98.
d) Độ chặt lu lèn ở các lớp dưới phải đạt tối tiểu K95.

e) Quá trình lu lèn nhà thầu phải tưới nước để các lớp lu lèn đạt độ ẩm tốt nhất

f) Độ chặt sẽ được TVGS kiểm tra trên hiện trường bằng phương pháp rót cát hoặc dao vòng được tiến hành tương ứng với mật độ 1000m2/ điểm/ lớp lu lèn dày 30cm.

13.3.1.2. Vải địa kỹ thuật làm lớp ngăn cách:

1. Vải địa kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn 22TCN 248-98.
2. Vải địa kỹ thuật sử dụng cho công trình phải là loại vải không dệt (nonwoven geotextile), xuyên kim (needle punched), sợi dài liên tục (continous fiber), sản xuất từ nguyên liệu polypropylene chính phẩm 100%, và có phụ gia ổn định hoá tia cực tím (UV stabilizer). Vải chế tạo từ vật liệu tái sinh hoặc sợi ngắn (staple/short fiber) sẽ không được chấp nhận. Nhà sản xuất phải phải có xác nhận thỏa mãn các yêu cầu này.
3. Mỗi cuộn vải giao tới công trường phải có nhãn hiệu rõ ràng bao gồm tên vải (brand name), loại vải (grade), mã số của lô sản phẩm (batch number) và mã số của mỗi cuộn vải (roll number). Tên vải và loại vải phải được in trực tiếp trên mặt vải theo khoảng cách đều dọc theo mép biên của cuộn vải để có thể kiểm soát chặt chẽ về chất lượng trong thời gian thi công công trình. Vải không có các ký hiệu trên sẽ bị từ chối tại hiện trường.
4. Vải phải có chứng nhận ISO 9001. Nhà sản xuất phải cung cấp bản gốc của giấy cam kết chất lượng sản phẩm và xác nhận rằng loại vải cung cấp đến hiện trường thoả mãn toàn bộ các thông số kỹ thuật sau đây
   - Cường độ chịu kéo giật không dưới 1.8KN (ASTM D4632)
   - Độ giãn dài: <= 65% (ASTM D4632)
   - Khả năng chống xuyên thủng (CBR): 1500 – 5000N (BS 6906 – 4)
   - Đường kính lỗ lọc: ϕ <= 0.15mm (ASTM D4751)

   Nối chồng mí bằng máy khâu trong mọi trường hợp. Nối bằng máy khâu bảo đảm truyền lực hiệu quả tại mối nối. Bề rộng chập mí khi nối khâu tối thiểu là 50mm.
5. Yêu cầu nghiệm thu:
   - Các đợt nhập hàng về phải lấy mẫu vải địa kỹ thuật đi kiểm tra các chỉ tiêu cơ lý theo tiêu chuẩn hiện hành.
   - Đáy nền trước khi trải vải địa kỹ thuật phải được kiểm tra cao độ và độ chặt theo quy định.

➢ **Yêu cầu kỹ thuật thi công cây xanh cảnh quan**

1.1. Sân golf

1.1.1. Công tác chuẩn bị

Nhà thầu phải tiến hành định vị vị trí sân tập golf theo như hình dạng và kích thước trên bản vẽ thiết kế.

Nhà thầu phải lập bản vẽ và biện pháp thi công chi tiết cho hạng mục này của gói thầu để Ban QLDA và TVGS phê duyệt trước khi thi công

1.1.2. Công tác thi công

Nhà thầu phải san gạt chuẩn bị mặt bằng theo cao độ và độ dốc thiết kế Các đồi cỏ và hố cát phải được định vị và thi công đúng hình dạng và tiêu chuẩn kỹ thuật sân golf.

Cát trắng trong hố cát phải là cát trắng và phải được chọn lọc rây sàng đúng cấp phối.

Đất trồng cỏ chiều dày tối thiểu 20cm phải là đất phù hợp với các loại cỏ sân golf.

Loại cỏ phải được nhà thầu đệ trình để được TVGS và Chủ đầu tư phê duyệt trước khi trồng.

Nhà thầu phải chuẩn bị và đệ trình bản vẽ chi tiết về cao độ, hình dạng của đồi cỏ, lỗ golf và hệ thống thoát nước thẩm thấu cho sân golf. Các bản vẽ thi công chi tiết phải được đệ trình muộn nhất sau khi ký hợp đồng 1 tuần để TVGS và Chủ đầu tư kiểm tra, phê duyệt.

1.1.3. Công tác chăm sóc bảo dưỡng:

Nhà thầu phải chăm sóc, bảo dưỡng và phòng trừ sâu bệnh cho các loại cỏ trong suốt thời gian bảo hành sau khi được nghiệm thu. Thời gian bảo hành yêu cầu của dự án là 24 tháng.

1.2. Sân tennis, sân bóng đá, đường chạy điền kinh

1.2.1. Công tác chuẩn bị

Nhà thầu phải tiến hành khảo sát hiện trạng, cao độ của các mặt bằng hiện hữu trước khi tham gia chào thầu cho hợp đồng này nhằm tránh bỏ sót các khối lượng cần phải thực hiện để hoàn thành hợp đồng (trong trường hợp bảng tiên lượng mời thầu không đề cập).

Nhà thầu phải tiến hành định vị vị trí theo như hình dạng và kích thước trên bản vẽ thiết kế.

Nhà thầu phải lập bản vẽ và biện pháp thi công chi tiết cho hạng mục này của gói thầu để Ban QLDA và TVGS phê duyệt trước khi thi công

1.2.2. Công tác thi công

1.2.2.1. Yêu cầu kỹ thuật cho công tác thi công nền hạ

Nhà thầu phải tiến hành dọn dẹp mặt bằng, san ủi các lớp cây cỏ phía trên vận chuyển tập kết về góc công trình theo vị trí chỉ định của TVGS.

Nhà thầu phải bổ sung cát san lấp cho đủ cao độ đúng thiết kế. Khối lượng tính theo thực tế. Riêng cát đắp nâng nền cho phần sân bóng đá sẽ được nhà thầu khác cung cấp. Nhà thầu thi công sân bóng đá có trách nhiệm san gạt và lu lèn đúng độ chặt yêu cầu và cao độ, độ dốc thoát nước theo thiết kế.

Độ chặt lu lèn ở các lớp cát phải đạt tối tiểu K95.

Quá trình lu lèn nhà thầu phải tưới nước để các lớp lu lèn đạt độ ẩm tốt nhất. Độ chặt sẽ được TVGS kiểm tra trên hiện trường bằng phương pháp rót cát hoặc dao vòng được tiến hành tương ứng với mật độ 500m2/ điểm

1.2.2.2. Yêu cầu kỹ thuật cho lớp đá 0x4

Lớp đá 0x4 cho CPDD theo bảng dưới đây sử dụng CPDD loại 2 loại đá Dmax = 37.5mm

Thành phần hạt của cấp phối đá dăm

Kích cỡ mắt sàng vuông (mm)	Tỷ lệ lọt sàng % theo khối lượng		
	D_{max} = 37,5 mm	D_{max} = 25 mm	D_{max} = 19 mm
50	100	-	-
37,5	95 - 100	100	-
25	-	79 - 90	1 00
19	58 - 78	67 - 83	90 - 100
9,5	39 - 59	49 - 64	58 - 73
4,75	24 - 39	34 - 54	39 - 59
2,36	15 - 30	25 - 40	30 - 45
0,425	7 - 19	12 - 24	13 - 27
0,075	2 – 12	2 – 12	2 - 12

Các chỉ tiêu cơ lý yêu cầu của vật liệu CPĐD

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Cấp phối đá dăm		Phương pháp thí nghiệm
		Loại I	Loại II	
1	Độ hao mòn Los - Angeles của cốt liệu (LA), %	≤ 35	≤ 40	22 TCN 318 - 04
2	Chỉ số sức chịu tải CBR tại độ chặt K98, ngâm nước 96 giờ, %	≥ 100	Không quy định	22 TCN 332 - 06
3	Giới hạn chảy (W_L), %	≤ 25	≤ 35	AASHTO T89-02 (*)
4	Chỉ số dẻo (I_P),%	≤ 6	≤ 6	AASHTOT90-02 (*)
5	Chỉ số PP = Chỉ số dẻo I_p x % lượng lọt qua sàng 0,075 mm	≤ 45	≤ 60	
6	Hàm lượng hạt thoi dẹt, %	≤ 15	≤ 15	TCVN 1772 - 87(**)
7	Độ chặt đầm nén (K_{yc}), %	≥ 98	≥ 98	22 TCN 333-06 (phương pháp II-D)

Ghi chú:
(*) Giới hạn chảy, giới hạn dẻo được xác định bằng thí nghiệm với thành phần hạt lọt qua sàng 0,425 mm.
(**) Hạt thoi dẹt là hạt có chiều dày hoặc chiều ngang nhỏ hơn hoặc bằng 1/3 chiều dài; Thí nghiệm được thực hiện với các cỡ hạt có đường kính lớn hơn 4,75 mm và chiếm trên 5% khối lượng mẫu;
Hàm lượng hạt thoi dẹt của mẫu lấy bằng bình quân gia quyền của các kết quả đã xác định cho từng cỡ hạt.

Độ chặt lu lèn yêu cầu cho lớp đá là 95%

1.2.2.3. Yêu cầu kỹ thuật cho công tác đổ bê tông sân tennis

Sau khi thi công xong lớp CPDD được nghiệm thu, Nhà thầu tiến hành trải lớp ni lông (PE trong) cách nước dày 0.15mm và tiến hành đổ bê tông nền cho sân tennis.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Độ dốc ngang mặt sân: 0.9%.
- Độ bằng phẳng: sai số cho phép 5mm khi kiểm tra dùng thước 3m.
- Sai số độ dày bê tông không quá 15mm.
- Nền xoa láng, bảo dưỡng liên tục tối thiểu 3 ngày tránh nứt.

Nhà thầu có thể đề xuất biện pháp thay thế Sàn bê tông cho sân tennis bằng sàn bê tông nhựa nóng dày 4-5cm. Lớp bê tông nhựa này phải thi công đúng tiêu chuẩn và đảm bảo không có phát sinh thêm về kinh phí cho toàn bộ hạng mục này.

1.2.2.4. Yêu cầu kỹ thuật cho các lớp sơn mặt sân tennis:

- Sau khi mặt sân được đổ bê tông sau 28 ngày (hoặc được thảm nhựa nóng 3-4 ngày) tiến hành vệ sinh mặt sân bằng máy vệ sinh kết hợp với nước để mặt sân không còn bụi bẩn và tạp chất.
- Sử dụng dụng cụ lau mặt sân hoặc thổi hơi và để mặt sân khô. Độ ẩm mặt sân tối thiểu trước khi sơn bề mặt sân là 8% (Đối với sân BTCT)
- Xử lý bề mặt trước khi sơn bằng lớp CP-761 - CONCRETE PRIMER là loại sơn acrylic polymer gốc nước có tác dụng kết nối bề mặt Bê tông với các lớp sơn Epoxy của mặt sân tennis.
- Sử dụng 2 lớp sơn Nova Surface acrylic Resurface.
- Sử dụng 2 lớp sơn Nova Combination Surface.
- Sơn Novatex kẻ đường line.

1.2.3. Thi công sân bóng đá.

Nhà thầu tiến hành đo đạc hiện trạng cao độ nền cát đã được san lấp. Tính toán khối lượng bù cát san lấp cho đủ cao độ và độ dốc thiết kế là 0.7% (độ dốc ngang mặt sân), tiến hành san gạt đúng cao độ và lu lèn đạt K95.

Thi công lớp đá cấp phối dày 150mm lu lèn đạt độ chặt K95.

Thi công lớp đá mi tạo dốc dày trung bình 50mm độ chặt K95.

Xây hệ thống mương thu nước tiếp giáp giữa mặt sân và đường chạy bằng gạch thẻ (gạch đặc) chiều dày thành mương 200mm, bề rộng mương 200mm. Độ dốc dọc mương i=0.5%. Đáy mương đổ bê tông M200 dày 100mm. Nắp mương BTCT M250 đúc sẵn có đục lỗ thu nước dày 60mm. Bề mặt mương (trong và ngoài) phải tiến hành trát bằng vữa xi măng cát M75.

Nắp mương phải hoàn thiện vuông thành sắc cạnh, đảm bảo thẩm mỹ. Nắp được khoét lỗ bằng cách đặt các ống PVC D49.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Độ dốc ngang mặt sân: 0.7% để đảm bảo thoát nước mặt.
- Độ bằng phẳng: sai số cho phép không vượt quá 10mm khi kiểm tra dùng thước 3m.
- Sai số độ dày lớp đá không quá 15mm.
- Liên tục tưới ẩm trong khi lu lèn để đảm bảo độ chặt.

Các lớp hoàn thiện sân cỏ:

Nhà thầu đệ trình giải pháp thiết kế các lớp hoàn thiện sân cỏ phù hợp với báo giá và đúng kỹ thuật. Tuổi thọ yêu cầu cho các lớp hoàn thiện mặt sân tối thiểu là 5 năm và nhà thầu phải bảo hành kỹ thuật là 2 năm. Các lớp đầy đủ bao gồm:

- Lớp bạt hiflex chuyên dụng độ bền cao.
- Lớp băng dán cỏ nhân tạo.
- Lớp keo dán cỏ nhân tạo chuyên dụng: Bugjo.

- Lớp cỏ nhân tạo: Theo mẫu được duyệt thực tế tại văn phong tập đoàn NHG
  + Sử dụng cỏ AF A650416ZD1001 (cấu tạo sợi kim cương)
  + Chất liệu cỏ: 100% Polyethylene.
  + Loại cỏ Dtex 10000.
  + Chiều cao sợi cỏ: 50mm.
  + 150 mũi/m, số sợi: 12 sợi/cụm.
  + Cự ly hàng: 5/8".
  + Số lớp đế :03.
- Lớp hạt cao su mật độ 5kg/m2.

Khung lưới bao che sân bóng đá:

Nhà thầu phải tiến hành thi công lưới bao che xung quanh sân bóng đá bao gồm cả trụ đỡ lưới. Trụ đỡ phải được mạ kẽm nhúng nóng hoặc sơn để đảm bảo chống chịu thời tiết ngoài trời. Trụ cao tối thiểu 8m.

Nhà thầu phải đệ trình bản vẽ thi công chi tiết cho phần khung lưới bao che bao gồm cả phần cột trụ đỡ lưới và móng cột trụ cho TVGS và Ban QLDA để được phê duyệt trước khi thi công.

1.2.4. Thi công đường chạy điền kinh

Nhà thầu tiến hành đo đạc hiện trạng cao độ nền cát đã được san lấp. Tính toán khối lượng bù cát san lấp cho đủ cao độ và độ dốc thiết kế là 0.6% (độ dốc ngang mặt sân), tại những vị trí chạy vòng tròn theo cao độ và độ dốc siêu cao thiết kế. Nhà thầu tiến hành san gạt đúng cao độ và lu lèn đạt K95.

Thi công lớp đá cấp phối dày 150mm lu lèn đạt độ chặt K95.

Phun lớp nhựa thấm bám 1kg/m2.

Thi công thảm BTNC 9.5 dày 4cm.

Thi công các lớp phủ sân chạy điền kinh:

- Lớp keo kết dính bề mặt Primer (Lăn 1 lần bằng Rulo).
- Lớp hạt cao su SBR và keo PU Binder. Độ dầy: 13 mm (cán 1 lần bằng máy chuyên dụng).
- Lớp bột màu, hạt mầu và keo PU (Phun 1 lần bằng máy chuyên dụng).
- Đường vạch kẻ line.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Độ dày hoàn thiện tổng cộng: 13mm
- Độ giảm sốc: 39%.
- Độ biến dạng theo chiều dọc: 1,6mm
- Lực căng: 0,7MPa
- Độ nhám: 0,58

Nhà thầu đệ trình giải pháp thiết kế các lớp hoàn thiện phù hợp với báo giá và đúng kỹ thuật. Tuổi thọ yêu cầu cho các lớp hoàn thiện mặt sân tối thiểu là 5 năm và nhà thầu phải bảo hành kỹ thuật là 2 năm

Điều 14. Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, mưa bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến

tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,.... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
  + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra;
  + Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 05 (năm) ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên B bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 15. Bảo hiểm

- Trong quá trình thực hiện thi công xây dựng, Bên B phải mua bảo hiểm theo quy định của hợp đồng này:
  + Bảo hiểm cho bên thứ 3, bảo hiểm thiết bị, máy móc phục vụ thi công, bảo hiểm tai nạn đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật;
  + Trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng, Bên B phải mua tất cả bảo hiểm nêu trên và giao cho Bên A 01 (một) bản chính của các hợp đồng để theo dõi. Nếu không thực hiện Bên A sẽ sử dụng lưu lượng tiền mặt của Bên B để mua các bảo hiểm này.

Điều 16. Bảo hành công trình

- Bên B phải có những biện pháp đảm bảo cho công trình trong thời gian bảo hành Thời gian bảo hành công trình là: 18 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.
- Bên B sẽ bảo trì có tính phí cho toàn bộ gói thầu là: 06 tháng
- Yêu cầu về bảo hành công trình:
  + Trong thời gian bảo hành, Bên B phải khắc phụ, sửa chữa khiếm khuyến khi công trình sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra. Mọi hư hỏng phải được Bên B sửa chữa, khắc phục miễn phí trong thời gian bảo hành.
  + Trong vòng 48 giờ kể từ lúc Bên A thông báo bằng văn bản về việc hư hỏng của công trình, Bên B phải tiến hành ngay công tác sửa chữa. Nếu chậm trễ Bên A sẽ thuê đơn vị khác sửa chữa, mọi chi phí Bên B phải chịu mà không được khiếu nại.
- Bảo lãnh bảo hành:
  + Bên B có trách nhiệm nộp chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị quyết toán hợp đồng cho Bên A.
  + Bên B chỉ được Bên A giải tỏa bảo lãnh bảo hành sau thời điểm kết thúc thời hạn bảo hành và được Bên A xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

Điều 17. Ngôn ngữ và luật áp dụng

- Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt Nam;
- Luật áp dụng là luật pháp nước CHXHCN Việt Nam.

Điều 18. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

- Hợp đồng này sẽ chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên trên cơ sở hai Bên cùng có lợi, hiểu biết lẫn nhau thông qua thương lượng, hòa giải.
- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế như sau:
  + Cơ quan giải quyết tranh chấp: Tòa án có thẩm quyền tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
  + Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng, ràng buộc trách nhiệm cả hai phía.
  + Mọi chi phí liên quan đến việc kiện tụng và phân xử của Tòa án sẽ do bên thua kiện chịu.

Điều 19. Điều khoản chung

- Hợp đồng này cũng như tất cả tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.
- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Hợp đồng này gồm 33 trang và được lập thành 8 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 04 (bốn) bản.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và không phụ thuộc vào thời điểm Bên A tạm ứng cho Bên B.
- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI	CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH
Hoàng Nguyễn Thu Thảo	Giám đốc
	Hà Lê Thùy Quyên

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH TP GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI
DỰ ÁN : THÀNH PHỐ GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI
GÓI THẦU XL05_01 : THI CÔNG SÂN BÓNG ĐÁ, SÂN TENNIS, SÂN GOLF

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ GÓI THẦU

STT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị đề xuất
A	**Tổng quát**	trọn gói	
B	**Công tác chuẩn bị**	trọn gói	
C	**Hạng mục cây xanh, sân bóng đá, sân golf, san**		
1	Sân golf		454,913,671
2	Sân tennis		930,215,991
3	Sân bóng đá		4,978,746,371
	Tổng giá trị trước thuế		**6,363,876,033**
	Thuế VAT		636,387,603
	Tổng giá trị sau thuế		**7,000,000,000**

Bằng chữ: ***Bảy tỷ đồng chẵn***

Ngày 18 tháng 12 năm 2018

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI
M.S.D.N: 4300806655 - C.T.T.N.H.H
TP. QUẢNG NGÃI - T. QUẢNG NGÃI

Hoàng Nguyễn Thu Thảo

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH
M.S.D.N: 0309542696 - C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giám đốc

Hà Lê Thùy Quyên

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH TP GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI
DỰ ÁN : THÀNH PHỐ GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI
GÓI THẦU XL05_01 : THI CÔNG SÂN BÓNG ĐÁ, SÂN TENNIS, SÂN GOLF

B1 Ghi chú tổng quát

STT	Hạng mục	Đ.vị	K.lượng	Chi phí (nếu có) phân bổ vào các hạng mục của gói thầu	
	TỔNG QUÁT				
1	Bảng biểu khối lượng này là dành cho hợp đồng trọn gói, trừ khi có thay đổi do chủ đầu tư	ghi chú			
2	Các công việc được ghi chú là tạm tính có thể được thực thi toàn bộ hay một phần hoặc bỏ hẳn ra khỏi hợp đồng nếu thấy không có yêu cầu. Tổng trị giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh dựa trên phạm vi công việc được đảm trách theo giá được duyệt trong các hạng mục có tính toán của hồ sơ giá này.	ghi chú			
3	Nhà thầu cần kiểm tra và xác nhận khối lượng tính toán của họ cho các hạng mục bao gồm trong hồ sơ giá này. Căn bản của Hợp đồng sẽ là giá trọn gói không đổi và chỉ những phát sinh được duyệt bởi đại diện của chủ đầu tư (mà những phát sinh đó) có ảnh hưởng tới Phạm Vi của các Công Việc theo hợp đồng.	ghi chú			
4	Công tác tập kết thiết bị sẽ do nhà thầu chịu trách nhiệm, không giới hạn hạng mục thi công hay giai đoạn thi công	ghi chú			
5	Nhà thầu xem như đã am hiểu tận tường hiện trạng công trường: mặt bằng hiện hữu, các kết cấu ngầm, các công trình liên kế, từ đó nhà thầu tự đánh giá rủi ro trong quá trình thi công, sự rủi ro do việc thi công gói thầu sẽ do nhà thầu chịu trách nhiệm về mặt pháp lý cũng như tài chính.	ghi chú			

Ngày 18 tháng 12 năm 2018
ĐẠI DIỆN BÊN B

M.S.D.N: 0309542696-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giám đốc

Hà Lê Thùy Quyên

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH TP GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI
DỰ ÁN : THÀNH PHỐ GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI
GÓI THẦU XL05_01 : THI CÔNG SÂN BÓNG ĐÁ, SÂN TENNIS, SÂN GOLF

B2 Công tác chuẩn bị

STT	Hạng mục	Đ.vị	K.lượng	Chi phí (nếu có) phân bổ vào các hạng mục của gói thầu		Ghi chú
	CÁC CÔNG TÁC CHUẨN BỊ					
A	**TỔNG QUÁT**					
1	Các công tác chuẩn bị sau cho phạm vi công việc đã được điều chỉnh bao gồm việc thi công gói thầu nêu trên. Các ông tác chuẩn bị trong hồ sơ mời thầu gốc áp dụng tương đương cho phụ lục này nhưng chỉ ở mức độ trình bày, các đầu mục chính được thể hiện như bên dưới.					
2	Trường hợp nhà thầu không cho giá trị vào các hạng mục bên dưới thì chủ đầu tư sẽ mặc định hiểu rằng chi phí của hạng mục đó đã bao gồm.					
B	**TỔ CHỨC CÔNG TRƯỜNG, LỐI RA VÀO**					
1	Tổ chức công trường	trọn gói	1			
2	Khách viếng thăm công trường	trọn gói	1			
3	Nhà thầu dự trù chi phí cần thiết cho tất cả các rủi ro nhằm chấp nhận mặt bằng hiện hữu để tiến hành thực hiện triển khai thi công.	trọn gói	1			
4	Tổ chức khu vực làm việc	trọn gói	1			
5	Nghiên cứu, thăm dò nhằm am tường địa chất của công trình	trọn gói	1			
6	Phát thảo các mô tả công việc	trọn gói	1			
7	Chấp nhận phối hợp với các nhà thầu đi trước đã, đang thực thi trên công trường và bàn giao lại.	trọn gói	1			
8	Lối ra vào công trường	trọn gói	1			
C	**CÁC CÔNG TRÌNH VÀ ĐẤT ĐAI LIÊN KẾ**					
D	**CÁC NGHĨA VỤ PHÁP LÝ**					
E	**HỢP ĐỒNG**					
1	Theo dõi, kết hợp tiến độ thi công của các nhà thầu khác nhằm cập nhật tiến độ hàng tuần, hàng tháng, tiến độ tổng thể dự án	trọn gói	1			
2	Báo cáo tiến độ thực thi (ngày, tuần, tháng, báo cáo hình ảnh)	trọn gói	1			
3	Thực hiện xác nhận các chỉ thị miệng bằng văn bản	trọn gói	1			
4	Bảo hiểm cho dự án (nhà thầu giải thích chi tiết chương trình bảo hiểm chi bảo hiểm thiết bị, máy móc & nhân lực của nhà thầu trong quá trình thi công, mua bảo hiểm cho công trình chính, công trình trình lân cận & bên thứ ba).	trọn gói	1			
F	**BẢNG ĐƠN GIÁ ÁP DỤNG**					
1	Thực thi các đánh giá giá trị tạm thời	trọn gói	1			
2	Thực hiện các đo đạc tính toán của nhà thầu.	trọn gói	1			
3	Bản vẽ thi công, bãn vẽ phối hợp với các nhà thầu khác và lưu trữ bản vẽ	trọn gói	1			
4	Tham gia giải quyết các mâu thuẫn & bất đồng ý kiến trong quá trình thi công	trọn gói	1			
G	**NHÂN LỰC, VẬT TƯ VÀ TAY NGHỀ**					
1	Dự trù các chi tiêu gia tăng từ sự thuê mướn nhân lực, tăng giá vật tư, thiết bị	trọn gói	1			
2	Lập kế hoạch vật tư và hàng hóa phù hợp với tiến độ thi công, kế hoach này sẽ được kiểm tra bởi chủ đầu tư	trọn gói	1			
3	Trình mẫu, thực hiện đảm bảo tính chính xác các yêu cầu kỹ thuật của vật tư	trọn gói	1			
I	**CÁC CÔNG TÁC TẠM**					

B2 Công tác chuẩn bị

STT	Hạng mục	Đ.vị	K.lượng	Chi phí (nếu có) phân bổ vào các hạng mục của gói thầu		Ghi chú
1	Hàng rào tạm, hàng rào ngăn, che chắn cho công trình & công trình lân cận (nhà thầu thu hồi lại sau khi thi công), lan can tay vịn an toàn và giá kê v.v…Nhà thầu đệ trình bản vẽ	trọn gói	1			
2	Hàng rào tạm, hàng rào ngăn, che chắn , quạt, lan can tay vịn an toàn và giá kê v.v…(thuộc về chủ đầu tư sau khi nhà thầu thi công xong). Nhà thầu đệ trình bản vẽ	trọn gói	1			
3	Tiện ích tạm cho nhà thầu	trọn gói	1			
4	Đường tạm, sân bãi, lối đi lại và những mục tương tự. Yêu cầu sàn công tác đảm bảo an toàn cho thiết bị di chuyển trong quá trình thi công. Nhà thầu đệ trình bản vẽ.	trọn gói	1			
5	Giàn giáo và cây chống giá gỡ phục vụ dự án	trọn gói	1			
6	Vệ sinh, cung cấp và bảo trì nhà vệ sinh công cộng theo định kỳ, đảm bảo không gây ảnh hưởng vệ sinh môi trường	trọn gói	1			
7	Máy phát điện dự phòng có công suất đủ để đáp ứng nhu cầu thi công của mình trong trường hợp ngưng cấp điện. Các hệ thống phụ trợ đi kèm máy phát điện dự phòng này.	trọn gói	1			
K	**CÁC NGHĨA VỤ CHUNG**					
1	Các kế hoạch trắc đạc từ lúc thiết lập định vị đến khi hoàn công	trọn gói	1			
2	Cung cấp các tiện ích tạm trong công trường nhằm phối hợp với nhà thầu thi công khác	trọn gói	1			
3	Nhà thầu chính sẽ dự trù chi phí cấp nước cho phép tất cả các nhà thầu khác sử dụng chung tiện ích này.	trọn gói	1			
4	Nhà thầu chính sẽ dự trù chi phí cấp điện cho phép tất cả các nhà thầu khác sử dụng chung tiện ích này.	trọn gói	1			
5	Nhà thầu thiết lập hệ thống bình cứu hỏa cho công trường tại từng tầng, thiết lập các hệ thống thoát hiểm khi có sự cố…. Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho công nhân định kỳ.	trọn gói	1			
6	Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông trong & ngoài công trường	trọn gói	1			
7	An toàn, sức khoẻ cộng đồng và phúc lợi cho người làm công	trọn gói	1			
8	Chịu trách nhiệm về tài sản tư nhân và các hệ thống công cộng	trọn gói	1			
9	Nhà thầu cung cấp hệ thống thu gom rác tại công trường (nhà thầu khác sẽ tập kết rác vào đúng nơi nhà thầu thi công kết cấu quy đinh),dọn dẹp rác, che phủ và vệ sinh công trường trong khi thi công. Nhà thầu tổ chức đội dọn dẹp chuyên biệt chỉ để đảm nhiệm công tác vệ sinh công trường.	trọn gói	1			
10	Kiểm soát tiếng ồn, ô nhiễm và các nghĩa vụ do pháp luật quy định khác	trọn gói	1			
11	Nhà thầu dự trù các chi phí để bàn giao từng phần của công việc cho nhà thầu khác hoặc tái nhận bàn giao từ các nhà thầu khác để thi công, bảo đảm an toàn cho các công việc & không chậm trễ. Bao gồm thiết lập kế hoach bàn giao tuần, các biện pháp cách ly khi nhận bàn giao & bảo vệ khu vực nhận bàn giao.	trọn gói	1			
12	Kiểm tra nghiệm thu công việc	trọn gói	1			

B2 Công tác chuẩn bị

STT	Hạng mục	Đ.vị	K.lượng	Chi phí (nếu có) phân bổ vào các hạng mục của gói thầu		Ghi chú
13	Thực hiện hoàn công bản vẽ & các hồ sơ pháp lý cho công trường & các cơ quan nhà nước có liên quan	trọn gói	1			
M	**QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ CÔNG TRƯỜNG**					
1	Quản lý	trọn gói	1			
2	Tổ chức quản lý công trường của nhà thầu	trọn gói	1			
3	Họp thảo luận công việc	trọn gói	1			
4	CĐT sẽ thuê đơn vị bảo vệ cho công trường, chi phí trả cho bảo vệ sẽ được tính theo tỉ lệ gói thầu	trọn gói	1			
L	**BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**					
1	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	trọn gói	1			
2	Bảo lãnh cho tiền tạm ứng	trọn gói	1			

Ngày 18 tháng 12 năm 2018

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH

Giám đốc

Hà Lê Thùy Quyên

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH TP GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI
DỰ ÁN : THÀNH PHỐ GIÁO DỤC QUỐC TẾ QUẢNG NGÃI
GÓI THẦU XL05_01 : THI CÔNG SÂN BÓNG ĐÁ, SÂN TENNIS, SÂN GOLF

B5 Bảng giá trị sân bóng

TT	Hạng mục công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền	Ghi chú
I	**Lớp nền hạ sân bóng**					
1	Dọn dẹp mặt bằng, đầm chặt nền hạ, K=0.9	m2	11,254.50			
2	Đắp cát nâng nền, sử dụng đầm 16 tấn, độ chặt K95 (tận dụng cát đào nền đường để đắp)	100m3	22.51			
3	Đá 0x4 dày 150mm	m3	1,688.18			
4	Đá mi sàn lẫn hạt bụi dải mặt, dày 3cm, trước khi lu lèn	m3	562.73			
5	San ủi, Lu lèn nền đá, K95	m2	11,254.50			
6	Công thi công nền hạ (Nhân công san gạt đá, tạo dốc thoát nước)	m2				
7	Xây hệ thống bó vỉa xung quanh (xây tường gạch thẻ trong 200mm, tường ngoài 200mm, rộng lòng máng 200mm, cao 300mm, nắp đan 1000x600x60mm bao xung quanh sân) (Mương thu nước quanh sân bóng đá)	md	415.87			
II	**Lớp Hoàn thiện sân**					
8	Lớp cỏ nhân tạo (gồm cả lớp kết dính + bạt dán cỏ)	m2	11,254.50			
9	Lớp điền đầy bằng hạt cao su, quy cách 5kg/m2	Kg	56,272.50			
III	**Hệ thống lưới chắn bóng 2 tầng**					
10	Lưới chắn sân bóng đá, ô 12x12cm, sợi HDPE sợi đặc 4mm, cao 2m	m2	831.74			
11	Lưới chắn sợi 2,7mm, ô lưới 13,5x13,5cm, sợi HDPE chống tia UV, cao 6m	m2	2,495.22			
12	Cáp dăng lưới +-6mm, bọc nhựa, căng 4 đường (@1000mm)	md	3,326.96			
13	Tăng đơ + ốc xiết cáp	sân	6.00			
14	Nhân công lắp đặt hoàn thiện lưới	sân	6.00			
IV	**Khung thành vs lưới khung thành, cửa ra sân bóng**					
15	Lưới khung thành 5 người, sợi 4mm	cái	12.00			
16	Khung thành sân 5 người	cái	12.00			
17	Lưới khung thành 7 người sợi 4mm	cái	4.00			
18	Khung thành 7 người	cái	4.00			
19	Lưới khung thành 11 người sợi 4mm	cái	2.00			
20	Khung thành 11 người	cái	2.00			
21	Cổng ra sân, KT 1x2m, khung ống thép mạ kẽm lưới B40	cái	6.00			
V	**Đường chạy**					
22	Dọn dẹp mặt bằng, đầm chặt nền hạ, K=0.9	m2	1,815.13			
23	Đá 0x4 dày 200mm	m3	363.03			
24	San ủi, Lu lèn nền đá, K95	m2	1,815.13			
25	Trải lớp nhựa nguội 10cm vs xử lý phẳng tuyệt đối	m2	-			
26	Bổ sung lớp bê tông nhựa cao su đảm bảo tiêu chuẩn để luyện tập và thi đấu					
26.1	*Lớp nhựa thấm bám 1kg/m2*	*m2*	*1,815.13*			
26.2	*Lớp bê tông nhựa nóng 9.5 dày 4cm*	*m2*	*1,815.13*			
26.3	*Thảm lớp nhựa cao su đường chạy dày 1.3cm và phủ lớp hạt EPDM*	*m2*	*1,815.13*			
27	Xây hệ thống bó vỉa xung quanh (xây tường gạch thẻ trong 200mm, tường ngoài 200mm, rộng lòng máng 200mm, cao 300mm, nắp đan 1000x600x60mm bao xung quanh sân)	md	-			
28	Kẻ vạch phân sân, bằng sơn epoxy	md	1,725.80			
29	Bó vỉa đường pitch kích thước 200x150mm	md	416.00			
	Giá trị trước thuế				**4,978,746,371**	

Ngày 18 tháng 12 năm 2018
ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH LƯỚI CÔNG TRÌNH
M.S.D.N: 0309542696 - C.T.T.N.H.H - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giám đốc

Hà Lê Thùy Quyên